

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	013001				HỒ THANH AN	08/03/2010	7C	
2	013002				BÙI PHƯƠNG ANH	29/10/2010	7C	
3	013003				BÙI TÙNG ANH	10/07/2010	7A	
4	013004				LÊ HOÀNG ANH	29/11/2010	7C	
5	013005				LÊ HỒNG ANH	15/07/2010	7D	
6	013006				NGUYỄN DUY ANH	28/12/2010	7A	
7	013007				NGUYỄN MINH ANH	27/01/2010	7A	
8	013008				NGUYỄN NHẬT ANH	05/05/2010	7C	
9	013009				NGUYỄN THỊ MINH ANH	22/03/2010	7A	
10	013010				NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	30/08/2010	7A	
11	013011				NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	26/11/2010	7B	
12	013012				NGUYỄN TRÂM ANH	11/12/2010	7A	
13	013013				NGUYỄN VIỆT ANH	09/04/2010	7B	
14	013014				PHẠM LÊ ĐỨC ANH	23/12/2010	7D	
15	013015				TRẦN BẢO ANH	27/03/2010	7D	
16	013016				TRẦN KIỀU ANH	04/01/2010	7A	
17	013017				TRẦN NGỌC ANH	09/07/2010	7C	
18	013018				TRẦN THỊ LAN ANH	06/04/2010	7D	
19	013019				TRẦN VĂN ANH	04/04/2010	7D	
20	013020				VŨ NHẬT ANH	08/03/2010	7B	
21	013021				NGUYỄN MINH ÁNH	27/01/2010	7A	
22	013022				NGUYỄN PHƯƠNG ÁNH	12/05/2010	7C	
23	013023				ĐẶNG GIA BẢO	11/03/2010	7C	
24	013024				VŨ GIA BẢO	22/06/2010	7D	
25	013025				ĐỖ DUY BÁCH	05/11/2010	7A	
26	013026				LƯƠNG NGỌC BÍCH	12/08/2010	7B	
27	013027				ĐÀO MAI CHI	15/12/2010	7C	
28	013028				NGUYỄN MAI CHI	29/03/2010	7D	
29	013029				PHAN QUỲNH CHI	19/12/2010	7B	
30	013030				TRƯƠNG THI MAI CHI	26/07/2010	7B	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	013031				NGUYỄN ĐỨC CÔNG	12/01/2010	7C	
32	013032				NGUYỄN PHÚ CÔNG	20/06/2010	7D	
33	013033				TRƯƠNG THỊ DUNG	28/05/2010	7A	
34	013034				BÙI ĐỨC DUY	22/11/2010	7C	
35	013035				ĐỖ KHÁNH DUY	17/11/2010	7C	
36	013036				NGUYỄN KHÁNH DUY	16/07/2010	7A	
37	013037				NGUYỄN TIẾN DUY	02/10/2010	7C	
38	013038				NGUYỄN ĐẠI DƯƠNG	21/04/2010	7D	
39	013039				NGUYỄN TIẾN DƯƠNG	17/08/2010	7A	
40	013040				PHẠM ĐỨC DƯƠNG	12/07/2010	7D	
41	013041				KHÚC THÀNH ĐẠT	31/08/2010	7D	
42	013042				NGUYỄN LÊ HẢI ĐĂNG	06/01/2010	7D	
43	013043				HÀ MINH ĐỨC	18/07/2010	7D	
44	013044				NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	25/07/2010	7A	
45	013045				PHẠM VĂN ĐỨC	17/05/2010	7C	
46	013046				PHẠM KHÁNH HÀ	26/04/2010	7D	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	013047				TRƯƠNG THỊ THU HÀ	25/08/2010	7D	
2	013048				TRẦN THỊ THU HẰNG	06/11/2010	7A	
3	013049				DƯƠNG THU HIỀN	18/03/2010	7C	
4	013050				NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	19/01/2010	7C	
5	013051				NGÔ ĐỨC HIẾU	15/08/2010	7B	
6	013052				NGUYỄN NHÂN HIẾU	18/10/2010	7B	
7	013053				NGUYỄN TRỊNH XUÂN HIẾU	20/03/2010	7D	
8	013054				PHÍ HOÀNG TRUNG HIẾU	20/04/2010	7A	
9	013055				TRẦN ĐỨC HIẾU	10/09/2010	7D	
10	013056				VŨ THỊNH HIẾU	19/05/2010	7D	
11	013057				TRƯƠNG VĂN HOÀNG	02/03/2010	7B	
12	013058				PHẠM MINH HÒA	24/12/2010	7A	
13	013059				VŨ MINH HỒNG	23/08/2010	7D	
14	013060				HOÀNG MINH HUY	31/07/2010	7C	
15	013061				NGUYỄN DƯƠNG NHẬT HUY	29/03/2008	7C	
16	013062				NGUYỄN TRỌNG HUY	01/06/2010	7D	
17	013063				NGUYỄN TRỌNG HUY	23/12/2010	7C	
18	013064				NGUYỄN THỊ HUYỀN	24/02/2010	7A	
19	013065				NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	22/06/2010	7B	
20	013066				NGUYỄN MẠNH HÙNG	05/07/2010	7B	
21	013067				PHẠM DUY HÙNG	21/06/2010	7B	
22	013068				NGUYỄN MAI HƯƠNG	24/12/2010	7C	
23	013069				NGUYỄN BẢO KHANG	14/07/2010	7A	
24	013070				NGUYỄN ĐỨC KHANG	26/04/2010	7C	
25	013071				PHẠM TRÍ KHANG	15/05/2010	7C	
26	013072				NGUYỄN MINH KHÁNH	21/11/2010	7B	
27	013073				NGUYỄN MẠNH KIÊN	20/03/2010	7A	
28	013074				PHẠM TUẤN KIẾT	25/07/2010	7D	
29	013075				PHẠM TUẤN KIẾT	07/10/2010	7D	
30	013076				TRƯƠNG THỊ MAI LAN	22/01/2010	7A	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	013077				ĐINH BẢO LÂM	06/06/2010	7C	
32	013078				NGUYỄN CAO LÂM	19/11/2010	7D	
33	013079				NGUYỄN HOÀNG LÂM	06/07/2010	7A	
34	013080				NGUYỄN THÀNH LÂM	22/10/2010	7C	
35	013081				NGUYỄN TÙNG LÂM	08/03/2010	7D	
36	013082				PHẠM NGỌC XUÂN LÂM	17/03/2010	7D	
37	013083				TRẦN BẢO LÂM	27/05/2010	7A	
38	013084				NGUYỄN TƯỜNG LÂN	08/03/2010	7D	
39	013085				ĐOÀN THỊ MAI LINH	05/02/2010	7D	
40	013086				NGÔ THỊ LINH	05/11/2010	7C	
41	013087				NGUYỄN KHÁNH LINH	18/01/2010	7C	
42	013088				NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	23/11/2010	7C	
43	013089				NGUYỄN THỊ THÙY LINH	18/11/2010	7D	
44	013090				PHẠM THỊ NGỌC LINH	07/01/2010	7A	
45	013091				TRẦN KHÁNH LINH	21/09/2010	7A	
46	013092				VŨ HOÀNG HÀ LINH	22/12/2010	7A	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	013093				NGUYỄN GIA LONG	16/07/2010	7B	
2	013094				LÊ HƯƠNG LY	15/08/2010	7C	
3	013095				NGUYỄN CẨM LY	27/03/2010	7A	
4	013096				NGUYỄN THỊ XUÂN MAI	04/04/2010	7A	
5	013097				VŨ THỊ NGỌC MAI	20/07/2010	7D	
6	013098				ĐỒNG PHƯƠNG MINH	08/11/2010	7D	
7	013099				LÊ THỊ KHÁNH MINH	13/03/2010	7A	
8	013100				NGÔ VĂN MINH	24/10/2010	7B	
9	013101				NGUYỄN HẢI MINH	02/01/2010	7D	
10	013102				NGUYỄN NGỌC MINH	03/11/2010	7D	
11	013103				TRƯƠNG ĐỨC MINH	03/03/2010	7D	
12	013104				TRƯƠNG HOÀNG NAM	26/05/2010	7B	
13	013105				BÙI THỊ KIM NGÂN	31/03/2010	7A	
14	013106				NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	02/02/2010	7B	
15	013107				PHẠM KIM NGÂN	05/02/2010	7D	
16	013108				TRẦN THỊ KIM NGÂN	05/12/2010	7B	
17	013109				TRẦN VĂN NGHĨA	09/03/2010	7A	
18	013110				BÙI TRUNG NGHỊ	11/10/2010	7C	
19	013111				LÊ PHƯƠNG NGỌC	04/10/2010	7C	
20	013112				NGUYỄN ÁNH NGỌC	27/07/2010	7C	
21	013113				NGUYỄN HỒNG NGỌC	02/01/2010	7B	
22	013114				NGUYỄN THỊ KHÁNH NGỌC	18/11/2010	7B	
23	013115				PHẠM THỊ KHÁNH NGỌC	18/11/2010	7C	
24	013116				VŨ KHÁNH NGỌC	24/04/2010	7B	
25	013117				VŨ TRUNG NGUYỄN	10/09/2010	7C	
26	013118				NGÔ THỊ THU NGUYỆT	20/05/2010	7B	
27	013119				VŨ LONG NHẬT	10/04/2010	7A	
28	013120				NGUYỄN THỊ YẾN NHI	01/01/2010	7D	
29	013121				NGUYỄN TRANG NHI	14/11/2010	7D	
30	013122				VŨ THỊ QUỲNH NHI	15/05/2010	7B	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	013123				VŨ QUỲNH NHƯ	17/06/2010	7B	
32	013124				LƯU HUYỀN NHƯ Ý	06/07/2010	7B	
33	013125				NGUYỄN ĐỨC PHÁT	22/01/2010	7A	
34	013126				LÊ HỒNG PHONG	05/05/2010	7C	
35	013127				VŨ ANH PHONG	01/10/2010	7A	
36	013128				TRƯƠNG VĂN PHÚ	10/01/2010	7B	
37	013129				NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC	23/08/2010	7B	
38	013130				NGUYỄN ĐĂNG PHƯƠNG	12/06/2010	7A	
39	013131				NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	06/01/2010	7D	
40	013132				TRẦN MAI PHƯƠNG	29/09/2010	7C	
41	013133				TRƯƠNG THỊ KHÁNH PHƯƠNG	04/02/2010	7A	
42	013134				NGUYỄN MẠNH QUÂN	30/12/2010	7B	
43	013135				NGUYỄN MINH QUÂN	05/12/2010	7C	
44	013136				VŨ HẠNH QUYÊN	14/03/2010	7B	
45	013137				NGUYỄN VĂN QUYÊN	27/09/2010	7D	
46	013138				PHẠM NHƯ QUỲNH	18/10/2010	7D	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	013139				ĐINH HOÀNG THANH TÂM	19/02/2010	7C	
2	013140				TRẦN TUỆ TÂM	10/06/2010	7A	
3	013141				NGUYỄN PHƯƠNG THANH	27/04/2010	7C	
4	013142				VŨ VĂN THANH	22/10/2010	7B	
5	013143				NGUYỄN MẠNH THÀNH	04/03/2010	7D	
6	013144				NGUYỄN DUY THÁI	21/09/2010	7A	
7	013145				NGÔ BẢO THI	25/06/2010	7C	
8	013146				BÙI NGỌC THIÊN	23/08/2010	7A	
9	013147				NGUYỄN VĂN THIÊN	25/03/2010	7A	
10	013148				TRẦN DƯƠNG KHÁNH THIÊN	24/11/2010	7B	
11	013149				PHẠM DUY THỌ	30/04/2010	7C	
12	013150				HOÀNG THỊ ANH THỎ	12/08/2010	7D	
13	013151				TRƯƠNG THỊ THU	24/10/2010	7A	
14	013152				NGUYỄN PHƯƠNG THÚY	25/08/2010	7A	
15	013153				VŨ THỊ PHƯƠNG THÚY	22/07/2010	7D	
16	013154				NGUYỄN VĂN TIẾN	22/07/2010	7B	
17	013155				NGUYỄN THẾ TOÀN	21/02/2010	7C	
18	013156				NGUYỄN MINH TRANG	07/02/2010	7D	
19	013157				NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	16/10/2010	7B	
20	013158				NGUYỄN THỊ MAI TRANG	13/09/2010	7B	
21	013159				TRẦN THỊ THU TRANG	18/09/2010	7D	
22	013160				NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	21/01/2010	7B	
23	013161				LONG THANH TRƯỜNG	12/07/2010	7B	
24	013162				NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	06/01/2010	7C	
25	013163				TRẦN HỮU TRƯỜNG	23/01/2010	7B	
26	013164				VŨ QUỐC TUẤN	26/06/2010	7A	
27	013165				ĐẶNG VĂN TUYẾN	29/06/2010	7A	
28	013166				TRẦN ÁNH TUYẾT	30/10/2009	7C	
29	013167				NGUYỄN HOÀNG TÙNG	17/05/2010	7D	
30	013168				NGÔ ANH TÚ	30/07/2010	7B	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	013169				NGUYỄN VĂN MINH TÚ	30/07/2010	7B	
32	013170				TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG UYÊN	24/03/2010	7A	
33	013171				NGÔ THỊ HỒNG VÂN	09/08/2010	7B	
34	013172				NGÔ KHÁNH VI	04/11/2010	7B	
35	013173				PHẠM THỊ TƯỜNG VI	01/08/2010	7B	
36	013174				NGUYỄN QUỐC VIỆT	22/05/2010	7B	
37	013175				NGUYỄN THÀNH VIỆT	01/07/2008	7C	
38	013176				NGÔ ĐẠI VŨ	17/06/2010	7B	
39	013177				NGUYỄN ĐÌNH VŨ	16/09/2010	7A	
40	013178				ĐÀO LÊ MINH VY	18/11/2010	7D	
41	013179				HOÀNG THẢO VY	23/01/2010	7D	
42	013180				NGUYỄN TƯỜNG VY	18/10/2010	7B	
43	013181				TÔ THỊ HẢI YẾN	18/03/2010	7D	
44	013182				VI THỊ HẢI YẾN	25/08/2010	7C	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	007001				NGUYỄN ĐỨC AN	28/07/2010	7C4	
2	007002				NGUYỄN HOÀNG AN	15/12/2010	7C2	
3	007003				NGUYỄN THỊ AN	10/07/2010	7C1	
4	007004				VĂN THỊ NGỌC AN	04/05/2010	7C1	
5	007005				BÙI LAN ANH	22/03/2010	7C6	
6	007006				BÙI PHƯƠNG ANH	29/11/2010	7C6	
7	007007				LÊ ĐỨC ANH	07/11/2010	7C6	
8	007008				LÊ NGUYỄN DUY ANH	16/12/2010	7C1	
9	007009				LÊ TUẤN ANH	21/11/2010	7C6	
10	007010				NGÔ MAI ANH	14/08/2010	7C2	
11	007011				NGUYỄN ĐỨC NHẬT ANH	27/08/2010	7C6	
12	007012				NGUYỄN HOÀNG MAI ANH	07/01/2010	7C6	
13	007013				NGUYỄN HOÀNG MAI ANH	02/07/2010	7C7	
14	007014				NGUYỄN PHƯƠNG ANH	02/01/2010	7C6	
15	007015				NGUYỄN THẾ ANH	20/07/2010	7C6	
16	007016				NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	20/09/2010	7C6	
17	007017				NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	07/02/2010	7C4	
18	007018				NGUYỄN THỊ TRANG ANH	29/05/2010	7C6	
19	007019				NGUYỄN TRANG ANH	11/09/2010	7C5	
20	007020				NGUYỄN TRỊNH THẾ ANH	04/08/2010	7C5	
21	007021				NGUYỄN TUẤN ANH	25/08/2010	7C2	
22	007022				PHẠM MAI ANH	22/01/2010	7C6	
23	007023				PHẠM VĂN ANH	22/01/2010	7C5	
24	007024				TRẦN ĐỨC ANH	18/09/2009	7C2	
25	007025				TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	25/09/2010	7C4	
26	007026				NGUYỄN MINH ÁNH	26/04/2010	7C1	
27	007027				NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	22/10/2010	7C2	
28	007028				PHẠM TRẦN NGUYỆT ÁNH	05/10/2010	7C5	
29	007029				TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	15/04/2010	7C2	
30	007030				BÙI NGUYỄN GIA BẢO	25/12/2010	7C4	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	007031				LẠI GIA BẢO	13/11/2010	7C7	
32	007032				NGUYỄN QUỐC BẢO	24/01/2010	7C3	
33	007033				PHẠM GIA BẢO	04/10/2010	7C2	
34	007034				LÊ KHÁNH CHI	25/07/2010	7C1	
35	007035				LƯƠNG THỊ MAI CHI	13/11/2010	7C7	
36	007036				MAI PHƯƠNG CHI	03/10/2010	7C5	
37	007037				NGUYỄN THỊ LINH CHI	14/04/2010	7C3	
38	007038				PHẠM THỊ THÙY CHI	03/12/2009	7C4	
39	007039				PHẠM THÙY CHINH	13/01/2010	7C4	
40	007040				VŨ NGỌC CHINH	17/03/2010	7C3	
41	007041				LÊ THỊ THANH CHUYỀN	16/08/2010	7C2	
42	007042				NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	19/09/2010	7C5	
43	007043				NGUYỄN VĂN CƯỜNG	07/02/2010	7C4	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	007044				NGUYỄN NGỌC DIỆP	16/07/2010	7C7	
2	007045				TRẦN BÙI NGỌC DIỆP	02/11/2010	7C5	
3	007046				TRƯƠNG NGỌC DIỆP	19/06/2010	7C6	
4	007047				NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG DUY	04/05/2010	7C5	
5	007048				NGUYỄN ĐÌNH MINH DUY	04/11/2010	7C2	
6	007049				NGUYỄN MẠC DUY	17/09/2010	7C3	
7	007050				NGUYỄN THỊ DUYÊN	25/11/2010	7C1	
8	007051				ĐÀO HOÀNG DŨNG	17/11/2010	7C1	
9	007052				PHẠM THẾ DŨNG	01/02/2010	7C7	
10	007053				NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG	14/02/2010	7C6	
11	007054				NGUYỄN HOÀNG YẾN DƯƠNG	08/11/2010	7C2	
12	007055				NGUYỄN THỊ TRANG ĐÀI	13/07/2010	7C3	
13	007056				NGUYỄN QUANG ĐẠT	13/08/2010	7C3	
14	007057				NGUYỄN THÀNH ĐẠT	29/11/2010	7C1	
15	007058				NGUYỄN TIẾN ĐẠT	08/04/2010	7C2	
16	007059				PHẠM TIẾN ĐẠT	13/08/2010	7C3	
17	007060				NGUYỄN VĂN HẢI ĐĂNG	19/06/2010	7C7	
18	007061				TRẦN TRỌNG ĐĂNG	08/07/2010	7C6	
19	007062				NGUYỄN MINH ĐỨC	12/12/2010	7C3	
20	007063				NGUYỄN VĂN ĐỨC	25/03/2010	7C6	
21	007064				TRẦN HỮU ĐỨC	19/06/2010	7C3	
22	007065				NGUYỄN HƯƠNG GIANG	31/05/2010	7C5	
23	007066				NGUYỄN QUANG GIANG	26/08/2010	7C5	
24	007067				NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	17/10/2010	7C5	
25	007068				VŨ THỊ TRÀ GIANG	09/07/2010	7C3	
26	007069				BÙI VĂN NGỌC HÀ	28/04/2010	7C3	
27	007070				LÊ NGỌC HÀ	30/03/2010	7C5	
28	007071				NGUYỄN HẢI HÀ	24/07/2010	7C4	
29	007072				NGUYỄN THỊ TRÚC HÀ	25/05/2010	7C1	
30	007073				VŨ HẢI HÀ	22/11/2010	7C6	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	007074				ĐÀO VĂN HẢI	04/10/2010	7C6	
32	007075				TÔ MINH HẢI	03/08/2010	7C2	
33	007076				NGUYỄN THANH HẢO	14/07/2010	7C7	
34	007077				ĐÀO THỊ HẠNH	09/01/2010	7C5	
35	007078				ĐINH NGỌC HÂN	18/01/2010	7C5	
36	007079				NGUYỄN THỊ BẢO HÂN	30/03/2010	7C5	
37	007080				NGUYỄN THỊ MINH HẰNG	15/03/2010	7C1	
38	007081				NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	12/02/2010	7C7	
39	007082				BÙI ĐÌNH HIẾU	03/06/2010	7C4	
40	007083				LÊ MINH HIẾU	28/01/2010	7C2	
41	007084				NGUYỄN NGỌC HIẾU	20/03/2010	7C1	
42	007085				PHẠM TRUNG HIẾU	26/01/2010	7C3	
43	007086				VÕ MINH HIẾU	27/07/2010	7C7	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	007087				NGUYỄN HOÀNG HIỆN	28/09/2010	7C2	
2	007088				TRẦN HỮU HIỆP	03/04/2010	7C7	
3	007089				NGUYỄN THANH HOA	01/12/2010	7C3	
4	007090				TRẦN VIỆT HOÀN	08/07/2010	7C3	
5	007091				NGUYỄN VĂN HÒA	01/01/2010	7C1	
6	007092				PHẠM TRUNG HÒA	21/05/2010	7C3	
7	007093				HOÀNG MINH HUY	23/11/2010	7C7	
8	007094				NGUYỄN GIA HUY	16/06/2010	7C7	
9	007095				TRẦN ĐỨC HUY	24/12/2010	7C3	
10	007096				NGUYỄN NGỌC HUYỀN	21/12/2010	7C1	
11	007097				NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	04/10/2010	7C7	
12	007098				PHẠM THỊ THANH HUYỀN	10/05/2010	7C4	
13	007099				PHẠM DUY HÙNG	18/07/2010	7C1	
14	007100				HOÀNG VĂN HÙNG	15/08/2010	7C4	
15	007101				ĐẶNG QUỲNH HƯƠNG	20/11/2010	7C5	
16	007102				LÊ THU HƯƠNG	10/12/2010	7C2	
17	007103				NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	14/06/2010	7C6	
18	007104				NGUYỄN THU HƯƠNG	22/06/2010	7C5	
19	007105				PHAN CHÍNH KHẢI	07/01/2010	7C6	
20	007106				ĐÀO DUY KHÁNH	03/09/2010	7C5	
21	007107				NGUYỄN BẢO KHÁNH	26/04/2010	7C5	
22	007108				NGUYỄN BÁ KHÁNH	13/09/2010	7C1	
23	007109				NGUYỄN QUANG KHÁNH	17/11/2010	7C2	
24	007110				NGUYỄN QUỐC KHÁNH	23/08/2010	7C6	
25	007111				NGUYỄN QUỐC KHÁNH	02/09/2010	7C1	
26	007112				PHẠM GIA KHÁNH	18/07/2010	7C4	
27	007113				PHẠM THỊ NGỌC KHÁNH	18/01/2010	7C2	
28	007114				TRẦN DUY KHÁNH	17/06/2010	7C1	
29	007115				NGUYỄN ĐĂNG KHÔI	23/01/2010	7C2	
30	007116				NGUYỄN TRỌNG KHÔI	18/05/2010	7C7	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	007117				NGUYỄN TRỌNG KHÔI	22/09/2010	7C7	
32	007118				NGUYỄN CHÍ KIẾN	06/09/2010	7C1	
33	007119				NGUYỄN VĂN KIÊN	14/05/2010	7C3	
34	007120				PHAN TRUNG KIÊN	04/04/2010	7C4	
35	007121				PHẠM VĂN KIÊN	07/01/2010	7C4	
36	007122				BÙI ĐÌNH NHẬT KIẾT	22/08/2010	7C3	
37	007123				LÊ ANH KIẾT	21/01/2010	7C2	
38	007124				NGUYỄN HOÀNG LAN	20/08/2010	7C7	
39	007125				PHẠM THỊ MAI LAN	11/07/2008	7C4	
40	007126				LÊ HÀ BẢO LÂM	06/06/2010	7C7	
41	007127				NGUYỄN PHÚ LÂM	22/02/2010	7C1	
42	007128				PHẠM THỊ BẢO LÂM	09/12/2010	7C2	
43	007129				TRẦN TÙNG LÂM	28/05/2010	7C7	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	007130				VŨ ĐỨC LÂM	20/09/2010	7C6	
2	007131				BÙI THỊ MAI LINH	12/04/2010	7C4	
3	007132				ĐÀO NGỌC THÙY LINH	25/03/2010	7C5	
4	007133				KHÚC NHẬT LINH	20/09/2010	7C4	
5	007134				LƯƠNG THÙY LINH	06/03/2010	7C7	
6	007135				MAI THÙY LINH	23/04/2010	7C7	
7	007136				NGUYỄN HOÀNG TRÚC LINH	29/04/2010	7C5	
8	007137				NGUYỄN KHÁNH LINH	10/12/2010	7C7	
9	007138				NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	09/06/2010	7C5	
10	007139				PHAN PHƯƠNG LINH	29/09/2010	7C6	
11	007140				PHẠM KHÁNH LINH	24/08/2010	7C5	
12	007141				PHẠM NGỌC LINH	30/08/2010	7C6	
13	007142				PHẠM THỊ MAI LINH	28/06/2010	7C3	
14	007143				TẠ LÊ HUYỀN LINH	02/12/2010	7C2	
15	007144				VŨ VĂN LINH	08/06/2010	7C3	
16	007145				VƯƠNG NHẬT LINH	13/09/2010	7C5	
17	007146				HỒ BẢO LONG	25/08/2010	7C6	
18	007147				PHẠM BẢO LONG	17/06/2010	7C6	
19	007148				PHẠM DUY LONG	05/09/2010	7C4	
20	007149				TRẦN PHI LONG	16/12/2010	7C2	
21	007150				VŨ HẢI LONG	30/01/2010	7C5	
22	007151				PHẠM VĂN LỢI	16/01/2010	7C7	
23	007152				NGUYỄN HIỀN LƯƠNG	02/11/2010	7C5	
24	007153				PHẠM ĐỨC LƯƠNG	18/05/2010	7C5	
25	007154				TRẦN ĐỨC LƯƠNG	11/03/2010	7C3	
26	007155				LÝ KIỀU LY	26/07/2010	7C1	
27	007156				NGUYỄN KHÁNH LY	08/09/2010	7C4	
28	007157				NGUYỄN PHẠM QUỲNH MAI	20/05/2010	7C3	
29	007158				NGUYỄN XUÂN MAI	23/11/2010	7C4	
30	007159				BÙI VŨ ĐỨC MINH	25/12/2010	7C5	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	007160				ĐẶNG NHẬT MINH	01/02/2010	7C5	
32	007161				ĐỖ TUẤN MINH	06/09/2010	7C1	
33	007162				HOÀNG LÊ MINH	19/12/2010	7C5	
34	007163				HOÀNG VĂN MINH	15/09/2010	7C2	
35	007164				MAI THỊ HỒNG MINH	27/02/2010	7C2	
36	007165				MAI VĂN MINH	15/10/2010	7C3	
37	007166				NGUYỄN QUANG MINH	04/07/2010	7C7	
38	007167				NGUYỄN THỊ MINH	07/06/2010	7C2	
39	007168				NGUYỄN THỊ THU MINH	01/01/2009	7C1	
40	007169				PHẠM NHẬT MINH	24/12/2010	7C5	
41	007170				PHẠM QUANG MINH	15/10/2010	7C6	
42	007171				TRẦN ANH MINH	28/07/2010	7C4	
43	007172				ĐÀO KHÁNH MY	10/10/2010	7C7	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	007173				HOÀNG TRÀ MY	23/11/2010	7C6	
2	007174				NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG MY	05/08/2010	7C6	
3	007175				NGUYỄN THỊ HÀ MY	08/05/2010	7C4	
4	007176				NGUYỄN TRÀ MY	11/06/2010	7C2	
5	007177				ĐỖ BẢO NAM	18/01/2010	7C5	
6	007178				NGUYỄN NHẬT NAM	19/12/2010	7C1	
7	007179				NGUYỄN VĂN HẢI NAM	12/07/2010	7C3	
8	007180				NGUYỄN VŨ THANH NGÂN	03/03/2010	7C2	
9	007181				VŨ THU NGÂN	21/11/2010	7C3	
10	007182				BÙI ĐÌNH NGHĨA	07/10/2010	7C4	
11	007183				NGUYỄN CÔNG NGHĨA	03/02/2010	7C2	
12	007184				NGUYỄN GIA NGHĨA	05/11/2010	7C2	
13	007185				PHẠM MINH NGHĨA	12/12/2010	7C2	
14	007186				CAO THỊ THANH NGỌC	25/12/2010	7C4	
15	007187				ĐOÀN KHÁNH NGỌC	20/07/2010	7C5	
16	007188				NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	16/04/2010	7C3	
17	007189				NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	12/10/2010	7C1	
18	007190				PHẠM ĐÀO NHƯ NGỌC	04/01/2010	7C3	
19	007191				TRẦN THỊ NGỌC	10/06/2010	7C1	
20	007192				BÙI ĐÀO NGUYỄN	21/04/2010	7C4	
21	007193				LÊ TUẤN NGUYỄN	18/05/2010	7C6	
22	007194				VŨ THỊ ÁNH NGUYỆT	23/01/2009	7C4	
23	007195				TRẦN THỊ NHÀN	21/06/2010	7C1	
24	007196				TRẦN THỊ THANH NHÀN	18/09/2010	7C1	
25	007197				PHẠM HỮU MẠNH NHẤN	18/02/2010	7C3	
26	007198				ĐẶNG VĂN NHẬT	14/01/2010	7C4	
27	007199				NGUYỄN VĂN NHẬT	01/01/2010	7C7	
28	007200				ĐỖ THỊ YẾN NHI	16/11/2010	7C2	
29	007201				HOÀNG THỊ YẾN NHI	22/08/2010	7C3	
30	007202				NGUYỄN LÊ UYỄN NHI	12/07/2010	7C3	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	007203				NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI	17/01/2010	7C1	
32	007204				NGUYỄN THỊ YẾN NHI	28/08/2010	7C7	
33	007205				NGUYỄN YẾN NHI	01/11/2010	7C2	
34	007206				BÙI THỊ HỒNG NHUNG	17/11/2010	7C4	
35	007207				NGUYỄN THỊ KHÁNH NHUNG	06/07/2010	7C3	
36	007208				NGUYỄN HOÀNG NHƯ Ý	20/03/2010	7C6	
37	007209				NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	02/11/2010	7C7	
38	007210				NGUYỄN VŨ PHONG	03/04/2010	7C1	
39	007211				ĐÀO LÝ BẢO PHÚC	04/12/2010	7C7	
40	007212				LÊ VĂN PHÚC	15/11/2010	7C4	
41	007213				NGUYỄN ĐỨC PHÚC	05/09/2010	7C1	
42	007214				TÔ MINH PHÚC	03/08/2010	7C2	
43	007215				VŨ HOÀNG PHÚC	16/12/2010	7C2	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	007216				HOÀNG MINH PHƯƠNG	05/12/2010	7C5	
2	007217				PHẠM HÀ PHƯƠNG	01/10/2010	7C7	
3	007218				HOÀNG HẢI QUÂN	28/07/2010	7C4	
4	007219				HOÀNG MINH QUÂN	18/08/2010	7C6	
5	007220				NGUYỄN HOÀNG QUÂN	13/11/2010	7C2	
6	007221				TRẦN MẠNH QUÂN	24/07/2010	7C4	
7	007222				TRẦN QUỐC QUÂN	02/11/2010	7C5	
8	007223				NGUYỄN ĐÌNH PHÚ QUÍ	14/01/2010	7C6	
9	007224				PHẠM THẾ QUYỀN	20/01/2010	7C3	
10	007225				LƯƠNG ĐẮC QUYẾT	25/09/2010	7C7	
11	007226				BÙI THỊ DIỄM QUỲNH	30/01/2010	7C4	
12	007227				ĐINH PHƯỢNG QUỲNH	12/10/2010	7C1	
13	007228				NGUYỄN THỊ QUỲNH	05/10/2010	7C3	
14	007229				NGUYỄN THỊ DIỄM QUỲNH	08/01/2010	7C3	
15	007230				NGUYỄN THỊ TRÚC QUỲNH	18/10/2010	7C6	
16	007231				TRẦN XUÂN QUÝ	04/03/2010	7C1	
17	007232				PHÙNG VĂN SANG	10/03/2010	7C6	
18	007233				NGUYỄN ĐỨC ANH SƠN	18/07/2010	7C7	
19	007234				TRẦN HỮU HẢI SƠN	23/10/2010	7C3	
20	007235				BÙI TIẾN TÀI	15/08/2010	7C4	
21	007236				TRẦN VĂN TÀI	31/01/2010	7C6	
22	007237				VŨ ĐỨC TÀI	11/04/2010	7C5	
23	007238				NGUYỄN MINH TÂM	11/03/2010	7C2	
24	007239				NGUYỄN VĂN THÀNH	24/04/2010	7C1	
25	007240				PHẠM CÔNG THÀNH	02/01/2010	7C1	
26	007241				TRẦN THỊ THÁNH	02/06/2010	7C3	
27	007242				ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	20/10/2010	7C5	
28	007243				HOÀNG PHƯƠNG THẢO	15/12/2010	7C1	
29	007244				NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	28/08/2010	7C5	
30	007245				NGUYỄN DUY THÁI	14/08/2010	7C2	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	007246				NGUYỄN HOÀNG THU THÁI	08/08/2010	7C2	
32	007247				NGUYỄN MINH THÁI	13/04/2010	7C5	
33	007248				TRẦN DANH THÁI	16/04/2010	7C6	
34	007249				NGUYỄN NGỌC THẠCH	14/09/2010	7C7	
35	007250				NGUYỄN BẢO THẮNG	27/08/2010	7C4	
36	007251				NGUYỄN VIỆT THẮNG	14/02/2010	7C1	
37	007252				VŨ HOÀNG BẢO THI	02/08/2010	7C4	
38	007253				MAI VĂN THỊNH	14/11/2010	7C4	
39	007254				ĐẶNG NGỌC THƠM	17/03/2010	7C1	
40	007255				PHẠM THU THỦY	25/02/2010	7C4	
41	007256				HOÀNG THỊ ANH THƯ	13/08/2010	7C5	
42	007257				NGUYỄN ANH THƯ	18/11/2010	7C7	
43	007258				VŨ ANH THƯ	29/09/2010	7C4	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	007259				LƯƠNG ĐẮC TIẾN	10/03/2010	7C3	
2	007260				NGUYỄN QUANG TIẾN	13/08/2010	7C3	
3	007261				NGUYỄN MINH TOÀN	11/03/2010	7C2	
4	007262				LƯƠNG THỊ THU TRANG	01/06/2010	7C5	
5	007263				NGUYỄN HÀ TRANG	11/09/2010	7C1	
6	007264				NGUYỄN HUYỀN TRANG	26/01/2010	7C6	
7	007265				NGUYỄN QUỲNH TRANG	05/12/2009	7C6	
8	007266				NGUYỄN THỊ MAI TRANG	08/10/2010	7C4	
9	007267				NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	31/05/2010	7C6	
10	007268				NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	12/07/2010	7C3	
11	007269				LƯƠNG THỊ TRINH	16/05/2010	7C7	
12	007270				BÙI XUÂN TRƯỜNG	11/02/2010	7C4	
13	007271				NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	20/02/2010	7C2	
14	007272				DƯƠNG ANH TUẤN	07/12/2010	7C2	
15	007273				HOÀNG ANH TUẤN	01/11/2010	7C4	
16	007274				PHẠM THẾ TUẤN	01/05/2010	7C3	
17	007275				TRẦN VĂN TUẤN	05/02/2010	7C4	
18	007276				VƯƠNG ĐỨC ANH TUẤN	13/07/2010	7C5	
19	007277				MAI MINH TUYẾN	23/07/2010	7C4	
20	007278				BÙI THỊ PHƯƠNG TÚ	08/02/2010	7C5	
21	007279				NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	09/01/2010	7C5	
22	007280				NGÔ THỊ KHÁNH VÂN	08/02/2010	7C5	
23	007281				PHẠM HỒNG VÂN	13/04/2010	7C4	
24	007282				TRẦN THẢO VÂN	30/03/2010	7C3	
25	007283				NGUYỄN THỊ VI	01/06/2010	7C2	
26	007284				PHẠM HẠ VI	07/05/2010	7C7	
27	007285				KHÚC XUÂN VIỆT	24/09/2010	7C1	
28	007286				NGUYỄN TRỌNG VIỆT	11/02/2010	7C7	
29	007287				PHẠM VĂN VIỆT	11/09/2010	7C3	
30	007288				VŨ THẾ VIỆT	09/01/2010	7C4	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	007289				HOÀNG THẾ VINH	09/08/2010	7C6	
32	007290				ĐÀO TUẤN VŨ	03/10/2010	7C2	
33	007291				ĐINH NGUYỄN VŨ	14/06/2010	7C6	
34	007292				NGUYỄN ĐÌNH VŨ	05/02/2010	7C2	
35	007293				NGUYỄN MINH VŨ	01/09/2010	7C7	
36	007294				MAI PHẠM NHẤT VY	28/04/2010	7C6	
37	007295				NGUYỄN HOÀNG KHÁNH VY	27/11/2010	7C7	
38	007296				LÊ THẾ VỸ	14/12/2010	7C1	
39	007297				NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	06/06/2010	7C7	
40	007298				TRẦN HẢI YẾN	25/07/2010	7C6	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	016001				NGUYỄN BẢO AN	08/07/2010	7C3	
2	016002				NGUYỄN NGỌC CHÍ AN	02/06/2010	7C5	
3	016003				NGUYỄN VŨ QUỐC AN	20/08/2010	7C4	
4	016004				ĐINH THỊ MAI ANH	28/12/2010	7C6	
5	016005				HỒ MINH ANH	26/01/2010	7C6	
6	016006				LÊ NHẬT ANH	24/08/2010	7C2	
7	016007				LÊ THIÊN ANH	31/07/2010	7C2	
8	016008				LÊ TUẤN ANH	12/07/2010	7C4	
9	016009				LƯU THỊ QUỲNH ANH	16/01/2010	7C5	
10	016010				MAI THỊ HẢI ANH	19/08/2010	7C3	
11	016011				NGUYỄN ĐÀM VIỆT ANH	07/02/2010	7C2	
12	016012				NGUYỄN ĐÌNH DUY ANH	03/10/2010	7C5	
13	016013				NGUYỄN ĐỨC ANH	24/12/2010	7C3	
14	016014				NGUYỄN QUỲNH ANH	15/06/2010	7C6	
15	016015				NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	04/04/2010	7C5	
16	016016				NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	09/11/2010	7C5	
17	016017				NGUYỄN THỊ VÂN ANH	07/12/2010	7C5	
18	016018				NGUYỄN VIỆT ANH	13/11/2009	7C2	
19	016019				NGUYỄN VIỆT ANH	10/01/2010	7C5	
20	016020				NGUYỄN VIỆT HẢI ANH	25/03/2010	7C4	
21	016021				PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH	22/03/2010	7C5	
22	016022				PHẠM THỊ VÂN ANH	22/10/2010	7C5	
23	016023				TRẦN NHẬT ANH	14/01/2010	7C6	
24	016024				TRẦN TRỌNG QUỐC ANH	28/12/2010	7C4	
25	016025				TRẦN VÂN TUẤN ANH	10/10/2010	7C2	
26	016026				VŨ PHƯƠNG ANH	21/04/2010	7C5	
27	016027				LÊ NGỌC ÁNH	03/07/2010	7C4	
28	016028				NGUYỄN NGỌC ÁNH	21/10/2010	7C5	
29	016029				NGUYỄN THỊ HỒNG ÁNH	24/06/2010	7C1	
30	016030				VŨ HỒNG ÂN	03/09/2010	7C5	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	016031				BÙI LƯU BẢO	31/01/2010	7C1	
32	016032				NGUYỄN GIA BẢO	28/02/2010	7C4	
33	016033				NGUYỄN QUỐC GIA BẢO	13/01/2010	7C2	
34	016034				TRƯƠNG GIA BẢO	04/12/2010	7C2	
35	016035				BÙI HOÀNG BÁCH	12/12/2010	7C6	
36	016036				NGUYỄN KHÚC THANH BÌNH	28/10/2010	7C3	
37	016037				NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	24/06/2010	7C5	
38	016038				MAI BẢO CHI	01/06/2010	7C2	
39	016039				NGUYỄN QUỲNH CHI	15/09/2010	7C2	
40	016040				ĐỖ VIỆT CHIẾN	25/09/2010	7C2	
41	016041				LƯU MINH CHIẾN	05/12/2010	7C2	
42	016042				TRẦN QUANG CHUNG	07/11/2010	7C1	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	016043				NGUYỄN VĂN CHỨC	12/10/2010	7C1	
2	016044				NGUYỄN ĐÌNH CƯƠNG	12/08/2010	7C2	
3	016045				ĐỖ TIẾN CƯỜNG	22/08/2010	7C4	
4	016046				NGUYỄN THỊ HUYỀN DIỆU	19/06/2010	7C2	
5	016047				HOÀNG THỊ THÙY DUNG	06/11/2010	7C4	
6	016048				PHẠM VŨ NGỌC DUNG	19/08/2010	7C6	
7	016049				ĐỖ KHÁNH DUY	30/12/2010	7C2	
8	016050				NGUYỄN ANH DUY	17/10/2010	7C3	
9	016051				NGUYỄN ĐỨC DUY	25/10/2010	7C2	
10	016052				NGUYỄN KHÁNH DUY	17/03/2010	7C5	
11	016053				NGUYỄN VĂN DUY	31/08/2010	7C3	
12	016054				LÊ VĂN DŨNG	26/07/2010	7C6	
13	016055				LƯU TIẾN DŨNG	09/11/2010	7C1	
14	016056				PHẠM TIẾN DŨNG	12/10/2010	7C1	
15	016057				TRẦN MẠNH DŨNG	17/04/2010	7C6	
16	016058				ĐỖ ĐỨC DƯƠNG	19/05/2010	7C5	
17	016059				NGUYỄN THÙY DƯƠNG	06/12/2010	7C4	
18	016060				TRẦN ĐĂNG DƯƠNG	10/07/2010	7C5	
19	016061				TRẦN LÊ ANH ĐÀO	20/01/2010	7C5	
20	016062				BÙI MINH ĐẠT	28/01/2010	7C2	
21	016063				BÙI TIẾN ĐẠT	10/10/2010	7C1	
22	016064				ĐỖ MẠNH ĐẠT	01/02/2010	7C6	
23	016065				NGUYỄN TIẾN ĐẠT	31/07/2010	7C5	
24	016066				NGUYỄN HẢI ĐĂNG	29/11/2010	7C6	
25	016067				LƯU THỊ HẢI ĐOAN	15/05/2010	7C3	
26	016068				ĐỖ XUÂN ĐỊNH	04/06/2010	7C1	
27	016069				ĐOÀN PHƯƠNG ĐÔNG	17/02/2010	7C4	
28	016070				BÙI ANH ĐỨC	28/09/2010	7C6	
29	016071				ĐỖ TIẾN ĐỨC	10/10/2010	7C4	
30	016072				NGÔ ANH ĐỨC	11/09/2010	7C6	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	016073				NGUYỄN MINH ĐỨC	02/01/2010	7C5	
32	016074				NGUYỄN NGỌC MINH ĐỨC	20/11/2010	7C4	
33	016075				NGUYỄN PHẠM ANH ĐỨC	26/01/2010	7C1	
34	016076				NGUYỄN TIẾN ĐỨC	17/01/2010	7C1	
35	016077				TRẦN MINH ĐỨC	27/01/2010	7C6	
36	016078				NGUYỄN HƯƠNG GIANG	10/12/2010	7C6	
37	016079				VŨ LÊ HƯƠNG GIANG	26/04/2010	7C6	
38	016080				ĐÀO THỊ THU HÀ	24/05/2010	7C1	
39	016081				NGUYỄN KHÁNH HÀ	05/07/2010	7C3	
40	016082				NGUYỄN VĂN HÀ	16/05/2010	7C4	
41	016083				NGUYỄN ĐẶNG MINH HẰNG	06/02/2010	7C5	
42	016084				BÙI THỊ THU HIỀN	20/11/2010	7C6	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	016085				LƯƠNG XUÂN HIẾU	13/08/2010	7C1	
2	016086				NGUYỄN ĐỨC HIẾU	14/08/2010	7C1	
3	016087				NGUYỄN TRUNG HIẾU	10/09/2010	7C2	
4	016088				LƯU ĐỨC HIỆP	09/10/2010	7C4	
5	016089				LÊ QUỲNH HOA	30/06/2010	7C6	
6	016090				LÊ THỊ THANH HOA	04/04/2010	7C5	
7	016091				MAI TRUNG HOÀNG	08/10/2010	7C3	
8	016092				NGUYỄN ĐỨC DUY HOÀNG	23/04/2010	7C3	
9	016093				VI TIẾN HOÀNG	12/05/2010	7C1	
10	016094				MAI ÍCH HUY	08/07/2010	7C1	
11	016095				TRẦN VIỆT HUY	16/08/2010	7C3	
12	016096				TRƯƠNG GIA HUY	10/11/2010	7C2	
13	016097				PHẠM KHÁNH HUYỀN	10/09/2010	7C5	
14	016098				PHẠM THỊ THU HUYỀN	13/03/2010	7C5	
15	016099				VŨ PHƯƠNG HUYỀN	27/09/2010	7C6	
16	016100				NGUYỄN MINH HUỠNH	23/06/2010	7C3	
17	016101				NGUYỄN TUẤN HÙNG	24/07/2010	7C6	
18	016102				LƯU LAN HƯƠNG	04/04/2010	7C3	
19	016103				NGUYỄN THU HƯƠNG	03/02/2010	7C2	
20	016104				LƯU TUẤN KHANG	21/03/2010	7C5	
21	016105				VŨ THẾ KHANG	14/08/2010	7C1	
22	016106				LƯU TUẤN KHANH	08/12/2010	7C1	
23	016107				DƯƠNG QUANG KHẢI	10/10/2010	7C1	
24	016108				ĐỖ NAM KHÁNH	24/12/2010	7C4	
25	016109				NGUYỄN NAM KHÁNH	18/10/2010	7C6	
26	016110				NGUYỄN VĂN KHÁNH	01/03/2010	7C5	
27	016111				NGUYỄN MINH KHÔI	15/04/2010	7C4	
28	016112				LÊ TRUNG KIÊN	15/02/2010	7C4	
29	016113				LƯU TRUNG KIÊN	02/05/2010	7C3	
30	016114				TRẦN BÙI HOÀI LAM	23/08/2010	7C3	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	016115				HOÀNG BẢO LÂM	27/10/2010	7C6	
32	016116				KHÚC THỊ GIAI LÂM	21/08/2010	7C5	
33	016117				LÊ TÙNG LÂM	16/09/2010	7C6	
34	016118				NGUYỄN KHÁNH LÂM	27/04/2010	7C4	
35	016119				PHẠM THÙY LÂM	24/04/2010	7C5	
36	016120				TRỊNH PHÚC LÂM	11/12/2010	7C4	
37	016121				VŨ ĐỨC LÂM	20/06/2010	7C6	
38	016122				CAO THỊ THÙY LINH	19/09/2010	7C2	
39	016123				ĐOÀN KHÁNH LINH	29/11/2009	7C2	
40	016124				ĐỖ THỊ THÙY LINH	07/06/2010	7C1	
41	016125				LÊ HỒ TÚ LINH	04/12/2010	7C6	
42	016126				LƯU TRƯỞNG MAI LINH	05/11/2010	7C4	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	016127				NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	27/05/2010	7C1	
2	016128				NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	12/11/2010	7C1	
3	016129				NGUYỄN THÙY LINH	28/01/2010	7C5	
4	016130				NGUYỄN THÙY LINH	14/10/2010	7C2	
5	016131				TRỊNH THÙY LINH	26/04/2010	7C1	
6	016132				VŨ NGUYỄN BẢO LINH	21/12/2010	7C4	
7	016133				VŨ THỊ LINH	15/02/2010	7C5	
8	016134				ĐÀO VIỆT LONG	25/05/2010	7C2	
9	016135				TIÊU HẢI LONG	11/12/2010	7C6	
10	016136				TRẦN HOÀNG PHI LONG	09/10/2010	7C3	
11	016137				NGUYỄN KHÁNH LY	05/05/2010	7C4	
12	016138				TRỊNH THỊ NGỌC LY	09/04/2010	7C5	
13	016139				CÔNG TRÀ MI	16/08/2010	7C1	
14	016140				ĐINH ĐỨC MINH	23/11/2010	7C4	
15	016141				ĐỖ HOÀNG MINH	24/11/2010	7C4	
16	016142				LÊ GIA MINH	16/08/2010	7C4	
17	016143				NGUYỄN BÙI GIA MINH	15/04/2010	7C4	
18	016144				NGUYỄN QUANG MINH	01/05/2010	7C1	
19	016145				NGUYỄN THỊ NGỌC MINH	18/01/2010	7C4	
20	016146				NGUYỄN TUẤN NHẬT MINH	17/05/2010	7C3	
21	016147				PHẠM CÔNG MINH	11/05/2010	7C6	
22	016148				PHẠM NGUYỄN TIẾN MINH	26/10/2010	7C2	
23	016149				NGUYỄN TIẾN NAM	19/09/2010	7C6	
24	016150				VŨ HẢI NAM	14/07/2010	7C2	
25	016151				ĐỖ THANH NGÂN	14/12/2010	7C2	
26	016152				TRỊNH THẢO NGÂN	10/09/2010	7C6	
27	016153				ĐỖ THỊ BẢO NGỌC	18/05/2010	7C3	
28	016154				HOÀNG BẢO NGỌC	13/10/2010	7C5	
29	016155				HUỲNH THỊ MINH NGỌC	01/06/2010	7C3	
30	016156				MAI HỒNG NGỌC	17/11/2010	7C6	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	016157				TRƯƠNG MỸ NGỌC	30/08/2010	7C4	
32	016158				VŨ THỊ BẢO NGỌC	18/05/2010	7C2	
33	016159				NGUYỄN HẢI NGUYỄN	30/07/2010	7C5	
34	016160				PHẠM THẢO NGUYỄN	30/11/2010	7C2	
35	016161				PHẠM TƯỜNG NGUYỄN	02/02/2010	7C3	
36	016162				TRỊNH THỊ THU NGUYỆT	22/09/2010	7C4	
37	016163				ĐẶNG THỊ THANH NHÀN	24/05/2010	7C4	
38	016164				LÊ THỊ THANH NHÀN	20/04/2010	7C1	
39	016165				ĐẶNG ĐÌNH NHÂN	09/11/2010	7C5	
40	016166				TRẦN MINH NHẬT	21/03/2010	7C1	
41	016167				ĐỖ THỊ YẾN NHI	08/01/2010	7C4	
42	016168				NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	25/06/2010	7C6	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	016169				NGUYỄN PHƯƠNG NHI	22/08/2010	7C6	
2	016170				NGUYỄN THỊ BÌNH NHI	05/07/2010	7C4	
3	016171				NGUYỄN YẾN NHI	22/08/2010	7C6	
4	016172				PHẠM YẾN NHI	30/05/2010	7C1	
5	016173				TRẦN NGỌC NHI	08/07/2010	7C1	
6	016174				TRƯƠNG TÂM NHI	22/12/2010	7C6	
7	016175				PHẠM THỊ HƯƠNG NHUNG	27/10/2010	7C2	
8	016176				NGUYỄN MINH PHONG	04/05/2010	7C3	
9	016177				NGUYỄN VIỆT PHONG	02/03/2010	7C5	
10	016178				NGUYỄN BẢO PHÚC	28/02/2010	7C4	
11	016179				NGUYỄN HỒNG PHÚC	29/06/2010	7C4	
12	016180				CẦN HÀ PHƯƠNG	16/12/2010	7C6	
13	016181				DƯƠNG THU PHƯƠNG	20/11/2010	7C4	
14	016182				HOÀNG MINH PHƯƠNG	13/07/2010	7C2	
15	016183				LÊ MAI PHƯƠNG	02/05/2010	7C2	
16	016184				LÊ MAI PHƯƠNG	08/05/2010	7C3	
17	016185				LÊ THỊ MAI PHƯƠNG	04/05/2010	7C2	
18	016186				LƯƠNG VÕ NAM PHƯƠNG	09/10/2010	7C4	
19	016187				NGUYỄN HOÀNG HÀ PHƯƠNG	18/10/2010	7C3	
20	016188				NGUYỄN MINH PHƯƠNG	23/11/2010	7C2	
21	016189				NGUYỄN THỊ HỒNG PHƯƠNG	02/03/2010	7C3	
22	016190				VŨ MINH QUANG	22/05/2010	7C2	
23	016191				ĐỖ MINH QUÂN	26/01/2010	7C3	
24	016192				LƯU MẠNH QUÂN	20/10/2010	7C1	
25	016193				LƯU MINH QUÂN	24/06/2010	7C1	
26	016194				NGUYỄN ANH QUÂN	22/11/2010	7C2	
27	016195				NGUYỄN NGỌC HOÀNG QUÂN	19/01/2010	7C5	
28	016196				ĐỖ THỊ NHƯ QUỲNH	06/12/2010	7C1	
29	016197				ĐỖ VÂN QUỲNH	16/08/2010	7C3	
30	016198				NGUYỄN THU QUỲNH	24/07/2010	7C4	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	016199				NGUYỄN ANH SƠN	18/08/2010	7C2	
32	016200				NGUYỄN THANH SƠN	09/06/2010	7C6	
33	016201				NGUYỄN VĂN SƠN	06/02/2010	7C5	
34	016202				HỒ DẠ THẢO	28/01/2010	7C6	
35	016203				NGUYỄN THANH THẢO	26/09/2010	7C6	
36	016204				TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	04/08/2010	7C4	
37	016205				NGUYỄN QUANG THẮNG	16/12/2010	7C3	
38	016206				NGÔ KHÁNH THI	17/06/2010	7C3	
39	016207				NGÔ ĐỨC THỊNH	03/05/2010	7C3	
40	016208				NGUYỄN ANH THƠ	08/11/2010	7C1	
41	016209				VŨ THỊ ANH THƠ	25/10/2010	7C3	
42	016210				LÊ HUYỀN THƠM	16/08/2010	7C4	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	016211				TRỊNH VĂN THUẬN	15/12/2010	7C2	
2	016212				PHẠM THỊ THANH THỦY	05/01/2010	7C5	
3	016213				LƯU KHÁNH THƯ	22/11/2010	7C5	
4	016214				LÊ MINH TIẾN	05/05/2010	7C6	
5	016215				NGUYỄN VĂN TIẾN	11/10/2010	7C4	
6	016216				NGUYỄN VĂN TOÀN	26/04/2010	7C1	
7	016217				BÙI THỊ BẢO TRANG	01/11/2010	7C1	
8	016218				ĐỖ THỊ THÙY TRANG	13/12/2010	7C3	
9	016219				LÊ THỊ QUỲNH TRANG	14/04/2010	7C5	
10	016220				LƯU BẢO TRANG	18/11/2010	7C3	
11	016221				PHẠM THU TRANG	13/09/2010	7C1	
12	016222				LÊ BẢO TRÂM	22/12/2010	7C2	
13	016223				NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂM	01/07/2010	7C5	
14	016224				ĐỖ ĐỨC TRÍ	29/01/2010	7C3	
15	016225				PHẠM THÀNH TRUNG	28/11/2010	7C3	
16	016226				LÊ ĐOÀN MINH TUẤN	20/10/2010	7C5	
17	016227				NGUYỄN THANH TUẤN	13/10/2010	7C5	
18	016228				PHẠM QUANG TÙNG	03/09/2010	7C6	
19	016229				LÊ CẨM TÚ	10/06/2010	7C5	
20	016230				NGUYỄN ANH TÚ	17/02/2010	7C1	
21	016231				ĐẶNG ĐỨC TƯỜNG	19/06/2010	7C3	
22	016232				LÊ THỊ PHƯƠNG UYÊN	17/10/2010	7C1	
23	016233				BÙI KHÁNH VI	05/09/2010	7C2	
24	016234				NGUYỄN QUỐC VIỆT	11/01/2010	7C3	
25	016235				NGUYỄN QUỐC VIỆT	22/07/2010	7C4	
26	016236				LÊ QUANG VINH	09/12/2010	7C6	
27	016237				VŨ QUỐC VINH	02/10/2010	7C3	
28	016238				CHU THUẬN VŨ	24/06/2010	7C2	
29	016239				LÊ MINH VŨ	17/05/2010	7C1	
30	016240				NGUYỄN ANH VŨ	19/12/2010	7C1	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	016241				NGUYỄN ĐOÀN HOÀNG VŨ	02/02/2010	7C6	
32	016242				TRẦN TRIỆU VŨ	19/01/2010	7C3	
33	016243				TRƯƠNG LONG VŨ	24/05/2010	7C3	
34	016244				ĐÀO KHÁNH VY	02/01/2010	7C1	
35	016245				NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	31/10/2010	7C3	
36	016246				TRẦN THỊ KIỀU VY	23/12/2010	7C5	
37	016247				BÙI THỊ HẢI YẾN	02/06/2010	7C1	
38	016248				NGUYỄN THỊ KIM YẾN	24/08/2010	7C3	
39	016249				PHẠM THỊ BẢO YẾN	27/06/2010	7C2	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	005001				NGUYỄN ĐÌNH AN	24/02/2010	7B3	
2	005002				ĐÀO ĐỨC ANH	05/12/2010	7B4	
3	005003				ĐÌNH HÀ ANH	24/09/2010	7B1	
4	005004				ĐỖ ĐỨC ANH	16/04/2010	7B1	
5	005005				HOÀNG THỊ NGỌC ANH	10/11/2010	7B1	
6	005006				LÊ BẢO ANH	20/11/2010	7B1	
7	005007				LƯU ĐÀO THỦY ANH	19/09/2010	7B5	
8	005008				NGUYỄN HÀ ANH	07/11/2010	7B3	
9	005009				NGUYỄN KỲ ANH	23/06/2010	7B1	
10	005010				PHẠM MINH ANH	23/12/2010	7B4	
11	005011				PHẠM THÁI ANH	07/12/2010	7B2	
12	005012				PHẠM TUẤN ANH	30/10/2010	7B2	
13	005013				PHẠM VIỆT ANH	10/02/2010	7B2	
14	005014				TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	27/06/2010	7B4	
15	005015				TRƯƠNG THỊ BẢO ANH	14/12/2010	7B3	
16	005016				VŨ ĐỨC ANH	08/05/2010	7B2	
17	005017				VŨ MAI ANH	01/10/2010	7B5	
18	005018				VŨ TUẤN ANH	10/09/2010	7B2	
19	005019				ĐOÀN THỊ NGỌC ÁNH	11/08/2010	7B2	
20	005020				LƯU GIA BẢO	07/11/2010	7B2	
21	005021				LƯU QUỐC BẢO	04/05/2010	7B3	
22	005022				NGUYỄN GIA BẢO	29/11/2010	7B1	
23	005023				NGUYỄN TRẦN GIA BẢO	25/08/2010	7B1	
24	005024				LƯU HOÀNG BÁCH	22/11/2010	7B2	
25	005025				VŨ HOÀNG BÁCH	04/06/2010	7B5	
26	005026				TRƯƠNG THANH BÌNH	19/01/2010	7B4	
27	005027				ĐẶNG THU BÍCH	19/07/2010	7B2	
28	005028				ĐOÀN QUỲNH CHI	22/11/2010	7B5	
29	005029				LƯU VŨ THÙY CHI	30/08/2010	7B4	
30	005030				TRƯƠNG THỊ KHÁNH CHI	20/01/2010	7B3	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	005031				LƯU MẠNH CHIẾN	22/06/2010	7B1	
32	005032				VŨ MINH CHUYÊN	19/10/2010	7B4	
33	005033				NGUYỄN DUY CÔNG	09/07/2010	7B2	
34	005034				NHÂM TIẾN CÔNG	11/12/2010	7B3	
35	005035				ĐÀO VIỆT CƯỜNG	17/06/2010	7B5	
36	005036				TRỊNH THỊ PHƯƠNG DIỄM	24/05/2010	7B1	
37	005037				LÊ THỊ MINH DIỆP	28/10/2010	7B4	
38	005038				NGUYỄN VŨ HUYỀN DIỆU	04/12/2010	7B5	
39	005039				NGUYỄN THÙY DUNG	17/09/2010	7B1	
40	005040				BÙI XUÂN DUY	16/01/2010	7B5	
41	005041				HOÀNG VĨNH DUY	21/08/2010	7B1	
42	005042				PHÙNG HẢI DUY	13/11/2010	7B3	
43	005043				TRẦN KHÁNH DUY	15/05/2010	7B3	
44	005044				LÊ QUANG DŨNG	04/07/2010	7B5	
45	005045				ĐINH HOÀNG DƯƠNG	21/07/2010	7B2	
46	005046				HOÀNG MINH DƯƠNG	03/05/2010	7B4	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	005047				HOÀNG THỊ THÙY DƯƠNG	21/09/2010	7B3	
2	005048				LÊ TÙNG DƯƠNG	09/11/2010	7B1	
3	005049				PHẠM THÙY DƯƠNG	12/02/2010	7B4	
4	005050				TRỊNH THỊ YẾN DƯƠNG	17/06/2010	7B5	
5	005051				VŨ ĐÌNH DƯƠNG	15/02/2010	7B4	
6	005052				NGUYỄN THỊ LINH ĐAN	21/12/2010	7B2	
7	005053				NGUYỄN BÁ ĐẠI	15/01/2010	7B1	
8	005054				NGUYỄN BÁ ĐẠT	20/07/2010	7B3	
9	005055				NGUYỄN ĐỨC ĐẠT	24/11/2010	7B1	
10	005056				NGUYỄN HUY ĐẠT	15/10/2010	7B2	
11	005057				VŨ TIẾN ĐẠT	04/01/2010	7B5	
12	005058				NGUYỄN HẢI ĐĂNG	22/07/2010	7B4	
13	005059				VŨ HẢI ĐĂNG	09/02/2010	7B2	
14	005060				NGUYỄN ANH ĐỨC	05/01/2010	7B4	
15	005061				NGUYỄN MẠNH ĐỨC	25/07/2010	7B5	
16	005062				NGUYỄN THÀNH ĐỨC	13/12/2010	7B5	
17	005063				TRẦN MẠNH ĐỨC	20/12/2010	7B2	
18	005064				ĐINH HỒNG GẮM	11/06/2010	7B1	
19	005065				NGUYỄN HOÀNG GIANG	12/05/2010	7B4	
20	005066				LA THU HÀ	05/01/2010	7B4	
21	005067				LÊ THU HÀ	10/08/2010	7B4	
22	005068				ĐÀO PHÚC HẢI	09/11/2010	7B4	
23	005069				ĐOÀN HOÀNG HẢI	28/11/2010	7B3	
24	005070				PHẠM ĐỨC HẢI	16/02/2010	7B5	
25	005071				TRẦN VŨ MINH HẢI	11/12/2009	7B1	
26	005072				LÊ XUÂN HẠ	18/01/2010	7B3	
27	005073				TRẦN ĐỨC HẬU	04/09/2010	7B5	
28	005074				PHẠM THỊ BÍCH HẰNG	22/12/2010	7B3	
29	005075				LÊ THỊ THÚY HIỀN	22/05/2010	7B2	
30	005076				ĐẶNG ĐỨC HIẾU	31/01/2010	7B5	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	005077				NGUYỄN TRUNG HIẾU	13/01/2010	7B1	
32	005078				NGUYỄN HUY HOÀN	22/04/2010	7B1	
33	005079				LƯU ĐỨC HÒA	24/11/2010	7B2	
34	005080				NGUYỄN DUY HÒA	06/07/2010	7B4	
35	005081				TRẦN THÁI HÒA	18/07/2010	7B3	
36	005082				PHẠM KIM HUỆ	04/01/2010	7B2	
37	005083				LÊ ANH HUY	14/05/2010	7B3	
38	005084				TRẦN VĂN HUY	10/03/2010	7B3	
39	005085				TRƯƠNG QUANG HUY	02/12/2010	7B5	
40	005086				ĐINH THỊ THANH HUYỀN	23/05/2010	7B2	
41	005087				ĐINH QUANG HÙNG	24/05/2010	7B3	
42	005088				LÝ CÔNG HÙNG	29/08/2010	7B1	
43	005089				HOÀNG TIẾN HỮU	01/01/2010	7B4	
44	005090				MAI ĐÌNH KHANG	19/08/2010	7B2	
45	005091				NGUYỄN SỸ KHANG	14/12/2010	7B2	
46	005092				PHẠM BẢO KHANG	26/12/2010	7B1	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	005093				TRẦN PHÚC KHANG	06/11/2010	7B1	
2	005094				BÙI VĂN KHÁNH	05/04/2010	7B1	
3	005095				TÔ ĐĂNG KHOA	20/10/2010	7B2	
4	005096				LƯU ĐỨC KHÔI	15/04/2010	7B3	
5	005097				LÊ TRUNG KIÊN	18/10/2010	7B3	
6	005098				LƯU ĐỨC KIÊN	10/11/2010	7B5	
7	005099				VŨ TRUNG KIÊN	12/08/2010	7B4	
8	005100				PHẠM THANH KIM	03/06/2010	7B5	
9	005101				BÙI LÊ TÙNG LÂM	17/05/2010	7B5	
10	005102				ĐÀO ĐỨC LÂM	27/12/2010	7B2	
11	005103				LÊ NGỌC TÙNG LÂM	07/11/2010	7B4	
12	005104				LÊ THANH LÂM	21/06/2010	7B3	
13	005105				PHẠM TÙNG LÂM	26/06/2010	7B1	
14	005106				NGUYỄN NHẬT LỆ	18/05/2009	7B3	
15	005107				ĐÀO PHƯƠNG LINH	18/02/2010	7B4	
16	005108				NGUYỄN DIỆU LINH	23/09/2010	7B4	
17	005109				NGUYỄN KHÁNH LINH	23/10/2010	7B1	
18	005110				NGUYỄN THỊ BẢO LINH	21/12/2010	7B5	
19	005111				PHẠM NGỌC LINH	25/06/2010	7B4	
20	005112				PHẠM TRẦN TRÚC LINH	16/10/2010	7B4	
21	005113				PHẠM TRÚC LINH	18/03/2010	7B3	
22	005114				VŨ NGỌC LINH	02/06/2010	7B4	
23	005115				LÊ QUANG LONG	12/06/2010	7B3	
24	005116				LƯU GIA LONG	05/01/2010	7B3	
25	005117				TRẦN BẢO LONG	24/03/2010	7B5	
26	005118				PHẠM XUÂN LỘC	20/07/2010	7B5	
27	005119				LƯU TRỌNG LƯƠNG	10/12/2010	7B2	
28	005120				HOÀNG KHÁNH LY	16/12/2010	7B5	
29	005121				NGUYỄN KHÁNH LY	20/02/2010	7B3	
30	005122				ĐÀO QUỲNH MAI	09/09/2010	7B4	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	005123				LÊ THỊ XUÂN MAI	27/10/2010	7B2	
32	005124				LƯU THỊ NGỌC MAI	06/05/2010	7B5	
33	005125				NGUYỄN NGỌC MAI	27/11/2010	7B1	
34	005126				PHẠM THỊ THANH MAI	26/10/2010	7B3	
35	005127				PHÙNG ĐỨC MẠNH	06/07/2010	7B4	
36	005128				LÊ QUANG MINH	28/02/2010	7B4	
37	005129				PHẠM VĂN MINH	17/09/2010	7B4	
38	005130				ĐẶNG PHƯƠNG MY	05/08/2010	7B4	
39	005131				NGUYỄN TRÀ MY	17/01/2010	7B4	
40	005132				NGUYỄN TRÀ MY	30/08/2010	7B1	
41	005133				VŨ TRÀ MY	13/10/2010	7B1	
42	005134				LÊ MINH NAM	19/01/2010	7B5	
43	005135				LÊ TRỊNH HOÀI NAM	29/11/2010	7B3	
44	005136				NGUYỄN HẢI NAM	09/07/2010	7B5	
45	005137				NGUYỄN SỸ HOÀI NAM	19/12/2010	7B1	
46	005138				NGUYỄN THÀNH NAM	23/04/2010	7B4	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	005139				ĐOÀN TRẦN QUỲNH NGA	16/08/2010	7B2	
2	005140				ĐẶNG THỊ THU NGÂN	13/04/2010	7B5	
3	005141				LƯU KHÁNH NGÂN	12/11/2010	7B4	
4	005142				PHẠM QUANG NGHĨA	22/01/2010	7B2	
5	005143				ĐINH BẢO NGỌC	11/09/2010	7B4	
6	005144				NGUYỄN NGÔ BẢO NGỌC	03/09/2010	7B5	
7	005145				PHAN BÍCH NGỌC	12/04/2010	7B3	
8	005146				TRẦN LƯU BẢO NGỌC	25/03/2010	7B4	
9	005147				BÙI THẢO NGUYỄN	15/01/2010	7B4	
10	005148				ĐẶNG ĐỨC NGUYỄN	01/08/2010	7B2	
11	005149				VŨ HÀ NGUYỄN	04/03/2010	7B4	
12	005150				VŨ VŨ TRỌNG NHÂN	04/07/2010	7B5	
13	005151				ĐINH THÁI NHẬT	25/03/2010	7B5	
14	005152				TRẦN MINH NHẬT	09/09/2010	7B3	
15	005153				ĐOÀN THẢO NHI	28/05/2010	7B3	
16	005154				NGÔ DIỄM NHI	24/01/2010	7B5	
17	005155				NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	06/01/2010	7B3	
18	005156				NGUYỄN YẾN NHI	30/01/2010	7B4	
19	005157				VŨ NGUYỄN YẾN NHI	11/04/2010	7B2	
20	005158				VŨ NGUYỄN YẾN NHI	24/07/2010	7B1	
21	005159				VŨ THỊ TUYẾT NHI	17/12/2010	7B2	
22	005160				TRỊNH THỊ HỒNG NHUNG	12/02/2010	7B4	
23	005161				LƯU THANH PHONG	27/08/2010	7B5	
24	005162				NGUYỄN ĐÌNH PHONG	11/07/2010	7B1	
25	005163				VŨ ĐÌNH ĐẠI PHONG	17/10/2010	7B5	
26	005164				ĐINH TRỌNG PHÚ	13/12/2010	7B3	
27	005165				NGUYỄN GIA PHÚ	07/08/2010	7B5	
28	005166				NGUYỄN ĐỨC PHÚC	24/11/2010	7B1	
29	005167				NGUYỄN ĐỨC PHÚC	14/12/2010	7B2	
30	005168				NGUYỄN HOÀNG PHÚC	29/12/2010	7B1	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	005169				NGUYỄN THU PHƯƠNG	19/08/2010	7B3	
32	005170				PHẠM BÍCH PHƯƠNG	25/02/2010	7B2	
33	005171				PHƯƠNG PHƯƠNG	30/09/2010	7B2	
34	005172				TRƯƠNG MINH PHƯƠNG	18/05/2010	7B4	
35	005173				PHẠM VIỆT QUANG	16/06/2010	7B5	
36	005174				PHẠM HỒNG QUÂN	02/06/2010	7B4	
37	005175				LƯU THIÊN QUỐC	29/12/2010	7B1	
38	005176				NGUYỄN XUÂN QUYÊN	25/03/2010	7B1	
39	005177				NGÔ THỊ THÚY QUỲNH	28/06/2010	7B3	
40	005178				NGUYỄN PHÚ QUÝ	08/05/2010	7B2	
41	005179				BÙI CHÂU SAN	18/09/2010	7B4	
42	005180				ĐINH VĂN SANG	27/02/2010	7B2	
43	005181				LƯU VĂN SAO	20/10/2010	7B5	
44	005182				BÙI NGUYỄN SƠN	04/03/2010	7B5	
45	005183				BÙI XUÂN TRƯỜNG SƠN	04/11/2010	7B2	
46	005184				NGÔ ĐỨC TÀI	18/12/2010	7B1	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	005185				BÙI TIẾN THÀNH	16/06/2010	7B3	
2	005186				ĐINH NHẬT THÀNH	31/07/2010	7B3	
3	005187				NGUYỄN ĐỨC THÀNH	01/12/2010	7B3	
4	005188				NGUYỄN TUẤN THÀNH	08/11/2010	7B5	
5	005189				NGUYỄN THỊ BÍCH THẢO	25/03/2010	7B4	
6	005190				PHẠM THANH THẢO	27/11/2010	7B3	
7	005191				TRẦN DIỆU THẢO	18/08/2010	7B5	
8	005192				PHẠM QUANG THÁI	16/12/2010	7B1	
9	005193				LƯU VĂN THẮNG	14/04/2009	7B2	
10	005194				LÊ THU THỦY	30/07/2010	7B3	
11	005195				NGUYỄN THỊ MINH THƯ	13/04/2010	7B5	
12	005196				NGUYỄN THÁI TOÀN	18/04/2010	7B1	
13	005197				VÕ KHÁNH TOÀN	19/03/2010	7B4	
14	005198				NGUYỄN HUYỀN TRANG	04/06/2010	7B5	
15	005199				NGUYỄN THÙY TRANG	28/11/2010	7B5	
16	005200				TRẦN THU TRANG	16/05/2010	7B3	
17	005201				PHẠM KIẾN TRUNG	30/01/2010	7B5	
18	005202				ĐINH THANH TRÚC	22/01/2010	7B3	
19	005203				LƯU THANH TRÚC	07/03/2010	7B2	
20	005204				LƯU THANH TRÚC	07/10/2010	7B3	
21	005205				THÂN QUANG TRƯỜNG	10/08/2010	7B5	
22	005206				ĐẶNG MINH TUỆ	23/08/2010	7B2	
23	005207				LÊ ĐỨC TUYỂN	30/11/2010	7B3	
24	005208				ĐỖ THANH TÙNG	25/06/2010	7B1	
25	005209				TRỊNH THANH TÙNG	18/02/2010	7B4	
26	005210				TRƯƠNG THỊ HỒNG VÂN	06/05/2010	7B3	
27	005211				DOÁN TRẦN HÀ VI	09/09/2010	7B2	
28	005212				LÊ CÔNG HOÀNG VIỆT	19/08/2010	7B4	
29	005213				LƯU HOÀNG VIỆT	08/10/2010	7B3	
30	005214				LƯU QUANG VINH	17/01/2010	7B4	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	005215				PHẠM QUANG VINH	05/10/2010	7B3	
32	005216				LÊ HIỂU VĨ	14/09/2010	7B2	
33	005217				NGUYỄN LƯU VĨ	06/01/2010	7B5	
34	005218				PHẠM MINH VŨ	02/01/2010	7B4	
35	005219				PHẠM QUANG VŨ	28/06/2010	7B2	
36	005220				VŨ NGUYỄN VŨ	15/11/2010	7B5	
37	005221				LŨU THỊ HÀ VY	15/06/2010	7B2	
38	005222				PHẠM NGỌC PHƯƠNG VY	12/08/2010	7B3	
39	005223				ĐOÀN HẢI YẾN	05/04/2010	7B5	
40	005224				NGUYỄN HẢI YẾN	09/11/2010	7B2	
41	005225				PHẠM THỊ HẢI YẾN	13/10/2010	7B1	
42	005226				TRƯƠNG THỊ HẢI YẾN	26/09/2010	7B5	
43	005227				VŨ HẢI YẾN	29/03/2010	7B3	
44	005228				VŨ THỊ HẢI YẾN	28/08/2010	7B1	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	004001				CHU ĐỨC BẢO AN	03/04/2010	7A2	
2	004002				NGUYỄN TRƯỜNG AN	24/09/2010	7A3	
3	004003				VŨ THỊ BÌNH AN	14/10/2010	7A3	
4	004004				ĐOÀN TUẤN ANH	31/01/2010	7A5	
5	004005				ĐỒNG THỊ QUỲNH ANH	31/08/2010	7A2	
6	004006				GIANG NGỌC ANH	11/08/2010	7A3	
7	004007				LÊ TRƯỞNG TUẤN ANH	13/12/2010	7A3	
8	004008				NGUYỄN ĐỨC ANH	14/11/2010	7A1	
9	004009				NGUYỄN QUỲNH ANH	29/08/2010	7A3	
10	004010				NGUYỄN VĂN ANH	18/07/2010	7A3	
11	004011				NGUYỄN VIỆT ANH	02/06/2010	7A1	
12	004012				NGUYỄN VŨ NGỌC ANH	25/09/2010	7A2	
13	004013				PHẠM QUỲNH ANH	04/07/2010	7A4	
14	004014				TRẦN QUỐC ANH	09/01/2010	7A4	
15	004015				TRẦN THỊ MAI ANH	24/09/2010	7A2	
16	004016				TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	05/01/2010	7A1	
17	004017				TRƯƠNG TUẤN ANH	18/11/2010	7A3	
18	004018				PHAN NGỌC ÁNH	20/09/2010	7A2	
19	004019				ĐINH GIA BẢO	27/01/2010	7A5	
20	004020				LÊ TƯỜNG BẢO	27/11/2010	7A3	
21	004021				NGUYỄN VĂN BẢO	30/12/2010	7A4	
22	004022				DƯƠNG ĐẶNG QUỐC BÌNH	23/03/2010	7A4	
23	004023				PHẠM THANH BÌNH	09/05/2010	7A5	
24	004024				NGUYỄN PHƯƠNG CẦN	30/10/2010	7A5	
25	004025				ĐỒNG THẢO CHI	16/06/2010	7A5	
26	004026				ĐỖ QUỲNH CHI	14/12/2010	7A3	
27	004027				NGUYỄN ĐỖ PHƯƠNG CHI	11/09/2010	7A2	
28	004028				PHẠM THỊ THÙY CHI	22/08/2010	7A3	
29	004029				TRẦN HÙNG CHIẾN	08/07/2010	7A5	
30	004030				LƯƠNG THÀNH CHÍ	04/11/2010	7A3	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	004031				BÙI LÂM CƯỜNG	26/10/2010	7A5	
32	004032				DƯƠNG HÙNG CƯỜNG	02/05/2010	7A2	
33	004033				NGUYỄN THÙY DUNG	15/12/2010	7A4	
34	004034				LÊ TƯỜNG DUY	15/11/2010	7A4	
35	004035				VŨ TRƯỜNG DUY	23/10/2010	7A1	
36	004036				BÙI MINH DŨNG	27/01/2010	7A3	
37	004037				CHU ĐỨC DŨNG	20/12/2010	7A5	
38	004038				NGUYỄN ANH DŨNG	26/08/2010	7A1	
39	004039				TRẦN ĐỨC DŨNG	19/10/2010	7A1	
40	004040				NGUYỄN BẠCH DƯƠNG	03/02/2010	7A5	
41	004041				NGUYỄN THUỶ DƯƠNG	30/11/2009	7A3	
42	004042				NGUYỄN THÙY DƯƠNG	26/10/2010	7A1	
43	004043				VŨ XUÂN DƯƠNG	08/07/2010	7A5	
44	004044				LÊ TƯỜNG ĐẠT	20/01/2010	7A4	
45	004045				NGUYỄN ĐỨC ĐẠT	02/07/2010	7A2	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	004046				NGUYỄN PHÚC ĐẠT	14/11/2010	7A3	
2	004047				NGUYỄN TIẾN ĐẠT	15/04/2010	7A5	
3	004048				HÀ HẢI ĐĂNG	13/12/2010	7A5	
4	004049				NGUYỄN HẢI ĐĂNG	05/10/2010	7A4	
5	004050				NGUYỄN NGỌC ĐỒNG	01/12/2010	7A4	
6	004051				NGUYỄN ANH ĐỨC	19/02/2010	7A2	
7	004052				NGUYỄN ĐOÀN MẠNH ĐỨC	19/10/2010	7A4	
8	004053				NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	02/02/2010	7A4	
9	004054				ĐINH THỊ BẢO HÀ	18/02/2010	7A4	
10	004055				ĐOÀN NGỌC HÀ	26/03/2010	7A2	
11	004056				MAI BẠCH NGÂN HÀ	18/11/2010	7A5	
12	004057				PHẠM THU HÀ	29/01/2010	7A3	
13	004058				LÊ MẠNH HẢI	20/09/2010	7A2	
14	004059				LÊ VĂN HẢI	25/09/2010	7A1	
15	004060				LỤC MINH HẢI	23/08/2010	7A2	
16	004061				NGUYỄN NGỌC THIÊN HÂN	12/10/2010	7A2	
17	004062				NGUYỄN THU HẰNG	04/10/2010	7A2	
18	004063				NGUYỄN THỊ THU HIỀN	07/10/2010	7A4	
19	004064				LÊ MINH HIẾU	27/10/2010	7A1	
20	004065				VŨ TRẦN HIẾU	28/11/2010	7A3	
21	004066				ĐỖ PHƯƠNG HOA	09/02/2010	7A1	
22	004067				BÙI HUY HOÀNG	11/12/2010	7A2	
23	004068				BÙI VIỆT HOÀNG	20/11/2010	7A5	
24	004069				PHẠM VĂN HOÀNG	30/08/2010	7A2	
25	004070				ĐỖ THỊ HỒNG	25/01/2010	7A4	
26	004071				LÊ QUANG HUY	08/02/2010	7A3	
27	004072				NGUYỄN MINH HUY	30/09/2010	7A4	
28	004073				TRƯƠNG GIA HUY	05/11/2010	7A4	
29	004074				NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	10/09/2010	7A1	
30	004075				TRẦN THỊ THANH HUYỀN	31/01/2010	7A5	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	004076				TRƯƠNG KHÁNH HUYỀN	06/05/2010	7A5	
32	004077				DƯƠNG NGÔ QUANG HÙNG	27/08/2010	7A1	
33	004078				TRƯƠNG MẠNH HÙNG	25/11/2010	7A2	
34	004079				ĐÀO TUẤN HÙNG	03/02/2010	7A2	
35	004080				PHẠM DUY HÙNG	28/02/2010	7A3	
36	004081				TRẦN THẾ HÙNG	13/08/2010	7A2	
37	004082				HÀ THU HƯƠNG	16/12/2010	7A4	
38	004083				LÊ THANH HƯƠNG	01/12/2010	7A1	
39	004084				NGUYỄN THU HƯỜNG	26/08/2010	7A1	
40	004085				ĐẶNG HÀ NGÂN KHÁNH	10/07/2010	7A1	
41	004086				NGUYỄN LƯU GIA KHÁNH	17/12/2010	7A4	
42	004087				NGUYỄN ĐỨC KIM KHIẾT	03/03/2010	7A5	
43	004088				LƯU TRUNG KIÊN	31/05/2010	7A1	
44	004089				VŨ TRUNG KIÊN	20/03/2010	7A2	
45	004090				PHẠM TRÚC LAM	18/08/2010	7A5	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	004091				ĐÀO TUYẾT LAN	06/10/2010	7A3	
2	004092				BÙI HOÀNG THÙY LINH	19/01/2010	7A5	
3	004093				BÙI THÙY LINH	24/02/2010	7A2	
4	004094				DƯƠNG NGỌC LINH	02/09/2010	7A1	
5	004095				DƯƠNG THỊ KHÁNH LINH	20/05/2010	7A5	
6	004096				ĐINH THỊ PHƯƠNG LINH	25/02/2010	7A5	
7	004097				ĐỒNG KHÁNH LINH	05/11/2010	7A4	
8	004098				HOÀNG KHÁNH LINH	27/06/2010	7A1	
9	004099				LÊ MAI LINH	12/08/2010	7A1	
10	004100				LÊ THÙY LINH	14/11/2010	7A2	
11	004101				NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	02/10/2010	7A4	
12	004102				NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	30/11/2010	7A4	
13	004103				NGUYỄN THỊ THÙY LINH	23/08/2010	7A4	
14	004104				NGUYỄN THÙY LINH	26/05/2010	7A5	
15	004105				NGUYỄN THÙY LINH	15/10/2010	7A5	
16	004106				BÙI HUY LONG	05/06/2010	7A5	
17	004107				NGUYỄN HUY LONG	18/05/2010	7A2	
18	004108				HOÀNG THỊ SAO LY	03/12/2010	7A1	
19	004109				NGUYỄN THẢO LY	13/08/2010	7A2	
20	004110				NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	27/12/2010	7A1	
21	004111				PHẠM THỊ THANH MAI	04/08/2010	7A5	
22	004112				TRƯƠNG THỊ TUYẾT MAI	11/10/2010	7A5	
23	004113				LÊ TIẾN MẠNH	22/04/2010	7A1	
24	004114				MAI THẾ MẠNH	07/07/2010	7A5	
25	004115				CHU THỊ MẶN	12/03/2010	7A3	
26	004116				ĐỒNG ĐỨC BẢO MINH	02/04/2010	7A1	
27	004117				ĐỒNG QUỐC MINH	02/05/2010	7A5	
28	004118				HOÀNG NHẬT MINH	01/06/2010	7A1	
29	004119				LÊ QUANG MINH	13/03/2010	7A4	
30	004120				NGÔ QUANG MINH	16/12/2010	7A2	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	004121				NGUYỄN NHẬT MINH	22/01/2010	7A3	
32	004122				TRƯƠNG HOÀNG MINH	29/07/2010	7A3	
33	004123				ĐẶNG TRÀ MY	25/02/2010	7A1	
34	004124				LÊ HÀ MY	07/01/2010	7A1	
35	004125				NGUYỄN TRÀ MY	24/08/2010	7A2	
36	004126				DOÃN TRỌNG NAM	14/05/2010	7A5	
37	004127				NGUYỄN HOÀI NAM	26/07/2010	7A5	
38	004128				NGUYỄN HỮU NAM	25/01/2010	7A4	
39	004129				DƯƠNG THU NGÂN	03/08/2010	7A5	
40	004130				NGUYỄN HỮU NGHIÊM	09/04/2010	7A1	
41	004131				BÙI KHÁNH NGỌC	09/07/2010	7A4	
42	004132				LÊ NHƯ NGỌC	01/06/2010	7A1	
43	004133				LÊ THỊ HỒNG NGỌC	31/08/2010	7A4	
44	004134				NGUYỄN ĐẶNG KHÁNH NGỌC	08/08/2010	7A2	
45	004135				NGUYỄN HOÀNG MINH NGỌC	25/01/2010	7A4	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	004136				NGUYỄN LÊ MINH NGỌC	28/05/2010	7A2	
2	004137				NGUYỄN THỊ NGỌC	23/07/2010	7A4	
3	004138				ĐỒNG ĐỨC NGUYỄN	07/09/2010	7A5	
4	004139				HOÀNG NGỌC NGUYỄN	27/12/2010	7A1	
5	004140				ĐOÀN THIÊN NHÂN	12/10/2010	7A3	
6	004141				LÊ VĂN NHÂN	14/03/2010	7A4	
7	004142				HOÀNG MAI TUYẾT NHI	22/09/2010	7A3	
8	004143				NGUYỄN YẾN NHI	25/09/2010	7A2	
9	004144				TRƯƠNG YẾN NHI	30/06/2010	7A3	
10	004145				NGUYỄN QUỲNH NHƯ	19/04/2010	7A4	
11	004146				VŨ GIA NHƯ	02/01/2010	7A4	
12	004147				HOÀNG THỊ KIM OANH	30/06/2010	7A4	
13	004148				NGUYỄN THỊ NGỌC OANH	13/05/2010	7A4	
14	004149				PHAN THANH PHONG	10/02/2010	7A3	
15	004150				PHẠM ĐỨC PHÚC	15/12/2010	7A2	
16	004151				VŨ DƯƠNG HOÀNG PHÚC	11/04/2010	7A1	
17	004152				BÙI THỊ MAI PHƯƠNG	25/07/2010	7A3	
18	004153				NGUYỄN MAI PHƯƠNG	15/04/2010	7A1	
19	004154				NGUYỄN THẾ PHƯƠNG	29/10/2010	7A5	
20	004155				NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	18/05/2010	7A5	
21	004156				NGUYỄN VŨ HÀ PHƯƠNG	29/07/2010	7A3	
22	004157				TRẦN BÍCH PHƯƠNG	31/07/2010	7A4	
23	004158				LÊ PHƯƠNG QUANG	05/03/2010	7A1	
24	004159				BÙI HOÀNG MINH QUÂN	13/01/2010	7A3	
25	004160				ĐỖ XUÂN QUÂN	20/07/2010	7A3	
26	004161				NGUYỄN ANH QUÂN	03/09/2010	7A1	
27	004162				PHẠM KHẮC QUÂN	08/05/2010	7A1	
28	004163				TRẦN THU QUYÊN	23/11/2010	7A4	
29	004164				NGUYỄN THÁI SƠN	22/07/2008	7A3	
30	004165				DƯƠNG HỮU TÀI	21/03/2010	7A1	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	004166				ĐÀM THẾ TÀI	27/09/2010	7A2	
32	004167				PHẠM ĐỨC TÀI	26/08/2010	7A4	
33	004168				NGÔ THỊ THANH TÂM	21/03/2010	7A2	
34	004169				NGUYỄN ĐỨC TÂM	07/08/2010	7A3	
35	004170				NGUYỄN THANH TÂM	10/10/2010	7A4	
36	004171				TRẦN THANH TÂM	08/06/2010	7A5	
37	004172				NGUYỄN THỊ THANH	24/06/2010	7A2	
38	004173				PHẠM THỊ MAI THANH	13/09/2010	7A3	
39	004174				VŨ TIẾN THÀNH	26/10/2010	7A3	
40	004175				DƯƠNG PHƯƠNG THẢO	21/06/2010	7A5	
41	004176				NGÔ PHƯƠNG THẢO	17/12/2010	7A1	
42	004177				NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	09/03/2010	7A2	
43	004178				VŨ MINH THẢO	26/09/2010	7A3	
44	004179				NGUYỄN MINH THÁI	11/12/2010	7A3	
45	004180				HOÀNG MINH CHIẾN THẮNG	27/07/2010	7A2	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	004181				NGUYỄN TRƯỜNG THỊNH	24/12/2010	7A5	
2	004182				NGUYỄN VĂN THỊNH	21/01/2010	7A5	
3	004183				NGUYỄN THỊ HOÀI THU	27/09/2010	7A3	
4	004184				NGUYỄN VĂN THUẬN	03/11/2010	7A3	
5	004185				VŨ THANH THỦY	08/06/2010	7A1	
6	004186				DƯƠNG THỊ THÚY	27/09/2010	7A4	
7	004187				ĐOÀN MINH THƯ	19/01/2010	7A1	
8	004188				LÊ ANH THƯ	22/09/2010	7A3	
9	004189				LÊ THỊ ANH THƯ	19/03/2010	7A2	
10	004190				NGUYỄN ANH THƯ	28/12/2010	7A3	
11	004191				NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	18/05/2010	7A2	
12	004192				PHẠM THỊ MINH THƯƠNG	05/08/2010	7A5	
13	004193				LÊ TƯỜNG TIẾN	06/01/2010	7A2	
14	004194				NGUYỄN ĐỨC TIẾN	31/03/2010	7A1	
15	004195				NGUYỄN MINH TOẢN	20/09/2010	7A4	
16	004196				NGUYỄN THÙY TRANG	31/01/2010	7A4	
17	004197				NGUYỄN THÙY TRANG	28/04/2010	7A3	
18	004198				PHẠM HUYỀN TRANG	20/06/2010	7A4	
19	004199				TRẦN HUYỀN TRANG	03/07/2010	7A2	
20	004200				VŨ THỊ THU TRANG	08/03/2010	7A3	
21	004201				NGUYỄN MẠNH TRUNG	21/09/2010	7A2	
22	004202				PHẠM THÀNH TRUNG	08/06/2010	7A4	
23	004203				HOÀNG THANH TRÚC	11/11/2010	7A3	
24	004204				HOÀNG THỊ THANH TRÚC	08/11/2010	7A1	
25	004205				NGUYỄN ANH TUẤN	21/08/2010	7A2	
26	004206				TRƯƠNG THỊ MINH TUỆ	11/11/2010	7A5	
27	004207				ĐINH THỊ CẨM TÚ	10/01/2010	7A5	
28	004208				LÊ THỊ CẨM TÚ	23/07/2010	7A3	
29	004209				NGUYỄN MINH TÚ	20/09/2010	7A4	
30	004210				NGUYỄN PHÚ TÚ	23/10/2010	7A4	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	004211				NGUYỄN HỮU UY	09/04/2010	7A1	
32	004212				CHU KHẢI UYÊN	08/02/2010	7A3	
33	004213				NGUYỄN KHÁNH VÂN	23/02/2010	7A2	
34	004214				LÊ ĐỨC TÀI VÂN	31/01/2010	7A1	
35	004215				BÙI HẠ VI	15/03/2010	7A2	
36	004216				CHU HỒ TƯỜNG VI	30/04/2010	7A2	
37	004217				NGUYỄN QUANG VINH	19/02/2010	7A5	
38	004218				CHU ĐỨC VŨ	26/02/2010	7A2	
39	004219				CHU ĐỨC ANH VŨ	06/01/2010	7A5	
40	004220				HOÀNG ANH VŨ	01/07/2010	7A1	
41	004221				DƯƠNG PHƯƠNG VY	28/10/2010	7A5	
42	004222				CHU THỊ MINH XINH	29/12/2010	7A4	
43	004223				CHU THỊ HẢI YẾN	22/01/2010	7A1	
44	004224				NGUYỄN HẢI YẾN	21/12/2010	7A1	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	014001				CAO DUY ANH	01/07/2010	7B5	
2	014002				DOÃN QUỲNH ANH	11/12/2009	7B5	
3	014003				ĐỖ HẢI ANH	20/07/2010	7B2	
4	014004				ĐỖ NHẬT ANH	08/06/2010	7B1	
5	014005				HỒ VIỆT ANH	05/02/2010	7B3	
6	014006				KHÚC HÀ ANH	10/03/2010	7B6	
7	014007				LÊ THỊ MAI ANH	01/07/2010	7B3	
8	014008				LÊ VIỆT ANH	13/11/2010	7B5	
9	014009				NGUYỄN ĐỨC ANH	18/05/2010	7B2	
10	014010				NGUYỄN PHÚC TRANG ANH	24/03/2010	7B3	
11	014011				NGUYỄN QUỲNH ANH	20/10/2010	7B3	
12	014012				NGUYỄN THẾ ANH	24/08/2010	7B4	
13	014013				NGUYỄN VIỆT ANH	12/11/2010	7B1	
14	014014				NHỮ NGỌC TUẤN ANH	24/04/2010	7B2	
15	014015				PHẠM QUỲNH ANH	16/02/2010	7B1	
16	014016				TẠ LÊ PHƯƠNG ANH	12/07/2010	7B4	
17	014017				TRẦN NGỌC ANH	12/07/2010	7B4	
18	014018				TRẦN THỊ MINH ANH	10/02/2010	7B1	
19	014019				TRẦN THỊ QUỲNH ANH	28/02/2010	7B1	
20	014020				VŨ QUANG ANH	15/04/2010	7B6	
21	014021				VŨ QUỐC ANH	28/10/2010	7B4	
22	014022				VŨ XUÂN HÙNG ANH	12/10/2010	7B1	
23	014023				PHẠM NGỌC ÁNH	03/02/2010	7B6	
24	014024				PHÚ THỊ NGỌC ÁNH	29/10/2010	7B4	
25	014025				DƯƠNG GIA BẢO	28/08/2010	7B3	
26	014026				HOÀNG GIA BẢO	16/04/2010	7B6	
27	014027				NGUYỄN THÁI BẢO	05/05/2010	7B4	
28	014028				HÀ QUANG BÁCH	09/04/2010	7B2	
29	014029				TRẦN VIỆT BÁCH	03/10/2010	7B2	
30	014030				TẠ KHÁNH BẢNG	21/09/2010	7B2	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	014031				TRẦN QUỐC BÌNH	24/10/2010	7B2	
32	014032				LÊ MINH CHÂU	21/01/2010	7B3	
33	014033				HOÀNG KHÁNH CHI	04/10/2010	7B2	
34	014034				TRẦN MẠNH CƯỜNG	20/08/2010	7B5	
35	014035				ĐÀO MINH DUY	01/11/2010	7B5	
36	014036				LÊ KHÁNH DUY	05/07/2010	7B4	
37	014037				NGUYỄN KHÁNH DUY	26/05/2010	7B2	
38	014038				LÊ THỊ PHƯƠNG DUYÊN	06/07/2010	7B3	
39	014039				BÙI MẠNH DŨNG	03/11/2010	7B1	
40	014040				NGÔ ANH DŨNG	26/02/2010	7B5	
41	014041				NGÔ TRÍ DŨNG	08/04/2010	7B1	
42	014042				NGÔ VIỆT DŨNG	28/05/2010	7B2	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	014043				NGUYỄN TIẾN DŨNG	22/04/2010	7B4	
2	014044				TẠ PHÚC DƯƠNG	05/11/2010	7B6	
3	014045				TRẦN THÁI BÌNH DƯƠNG	24/07/2010	7B2	
4	014046				BÙI TIẾN ĐẠT	15/10/2010	7B3	
5	014047				NGUYỄN TIẾN ĐẠT	12/11/2010	7B5	
6	014048				PHẠM DUY ĐẠT	30/08/2010	7B3	
7	014049				TRẦN HẢI ĐĂNG	24/04/2010	7B6	
8	014050				LÊ VĂN MINH ĐỨC	23/07/2010	7B2	
9	014051				PHẠM TIẾN ĐỨC	26/10/2010	7B1	
10	014052				BÙI NGUYỄN CHÂU GIANG	08/07/2010	7B4	
11	014053				LÊ HƯƠNG GIANG	23/09/2010	7B6	
12	014054				NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	21/05/2010	7B1	
13	014055				ĐẶNG THU HÀ	01/11/2010	7B2	
14	014056				HOÀNG THỊ HÀ	03/10/2010	7B4	
15	014057				NGÔ THANH HÀ	30/06/2010	7B5	
16	014058				NGUYỄN KHÁNH HÀ	14/04/2010	7B1	
17	014059				NGUYỄN PHƯƠNG HÀ	25/05/2010	7B3	
18	014060				NGUYỄN THU HÀ	23/12/2010	7B6	
19	014061				NGUYỄN ĐỨC HẢI	26/10/2010	7B6	
20	014062				NGUYỄN HOÀNG HẢI	02/05/2010	7B3	
21	014063				ĐỖ THỊ HẠ	05/09/2010	7B3	
22	014064				NGUYỄN HỮU HÂN	15/06/2010	7B3	
23	014065				ĐỖ MINH HẰNG	25/09/2010	7B2	
24	014066				ĐỖ THỊ MINH HẰNG	11/05/2010	7B5	
25	014067				ĐỖ THỊ THU HẰNG	24/10/2010	7B2	
26	014068				NGUYỄN THỊ HẰNG	28/02/2010	7B3	
27	014069				LÊ THỊ HIỀN	28/07/2010	7B1	
28	014070				LÊ BÁ HIỂU	19/04/2010	7B2	
29	014071				TRẦN TRUNG HIẾN	04/02/2010	7B4	
30	014072				CAO TRUNG HIỂU	03/10/2010	7B6	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	014073				ĐỖ KHẮC MINH HIẾU	21/10/2010	7B1	
32	014074				HOÀNG MINH HIẾU	01/10/2010	7B3	
33	014075				TẠ ĐỨC HIẾU	05/11/2010	7B2	
34	014076				TRỊNH TRUNG HIẾU	21/11/2010	7B6	
35	014077				NGUYỄN HOÀNG HIỆP	18/12/2010	7B3	
36	014078				LƯU THỊ HOA	08/03/2010	7B6	
37	014079				NGUYỄN HỮU HOAN	15/06/2010	7B3	
38	014080				NGUYỄN VIỆT HOÀNG	06/10/2010	7B1	
39	014081				LÊ THỊ KHÁNH HÒA	03/05/2010	7B1	
40	014082				NGUYỄN THỊ MINH HÒA	09/04/2010	7B2	
41	014083				NGUYỄN VINH HÒA	20/02/2010	7B3	
42	014084				CAO XUÂN HUY	04/12/2010	7B1	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	014085				ĐOÀN GIA HUY	08/10/2010	7B3	
2	014086				LÊ ĐÌNH HUY	08/12/2010	7B2	
3	014087				LÊ VŨ HUY	23/08/2010	7B2	
4	014088				MAI DƯƠNG HUY	14/05/2010	7B6	
5	014089				NGUYỄN VĂN HUY	25/05/2010	7B1	
6	014090				NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	10/01/2010	7B5	
7	014091				NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	15/07/2010	7B1	
8	014092				NGUYỄN THU HUYỀN	06/03/2010	7B4	
9	014093				PHẠM THỊ KHÁNH HUYỀN	22/06/2010	7B1	
10	014094				BÙI QUANG HÙNG	20/07/2010	7B1	
11	014095				NGUYỄN TUẤN HÙNG	26/12/2010	7B1	
12	014096				NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	30/09/2010	7B5	
13	014097				PHẠM MAI HƯƠNG	10/05/2010	7B3	
14	014098				VŨ PHÚC AN KHANG	17/05/2010	7B2	
15	014099				HÀ DUY KHÁNH	09/02/2010	7B3	
16	014100				HOÀNG TRẦN NHẬT KHÁNH	16/11/2010	7B5	
17	014101				LÊ NAM KHÁNH	19/09/2010	7B2	
18	014102				PHAN LÊ DUY KHÁNH	05/12/2010	7B3	
19	014103				PHẠM GIA KHÁNH	13/11/2010	7B2	
20	014104				VŨ VÂN KHÁNH	15/06/2010	7B1	
21	014105				NGUYỄN ĐẶNG THÀNH KHOA	07/09/2010	7B1	
22	014106				ĐỖ MINH KHÔI	06/06/2010	7B1	
23	014107				NGUYỄN ANH KHÔI	26/12/2010	7B6	
24	014108				BÙI TRUNG KIÊN	15/01/2010	7B1	
25	014109				BÙI THỊ NGỌC LÂM	20/03/2010	7B5	
26	014110				ĐỖ TÙNG LÂM	11/11/2009	7B5	
27	014111				LÊ THẾ LÂM	27/05/2010	7B2	
28	014112				NGUYỄN BẢO LÂM	18/07/2010	7B1	
29	014113				NGUYỄN TÙNG LÂM	29/10/2010	7B1	
30	014114				PHẠM THÀNH LÂM	02/04/2010	7B3	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	014115				TRẦN ANH LÂM	26/12/2010	7B2	
32	014116				DƯƠNG PHƯƠNG LINH	15/09/2010	7B4	
33	014117				ĐINH PHƯƠNG LINH	26/10/2010	7B2	
34	014118				ĐOÀN HÀ LINH	21/02/2010	7B4	
35	014119				LÊ ĐỨC NGỌC LINH	30/06/2010	7B4	
36	014120				LÊ NGUYỄN BẢO LINH	23/02/2010	7B1	
37	014121				LÊ THỊ THÙY LINH	10/12/2010	7B4	
38	014122				NGUYỄN BẢO LINH	08/09/2010	7B6	
39	014123				NGUYỄN HOÀNG LINH	18/02/2010	7B1	
40	014124				NGUYỄN TRÚC LINH	04/02/2010	7B3	
41	014125				PHẠM MAI LINH	25/01/2010	7B3	
42	014126				PHẠM THỊ PHƯƠNG LINH	06/08/2010	7B2	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	014127				TRẦN NGỌC LINH	18/11/2009	7B4	
2	014128				TRẦN NGỌC LINH	25/07/2010	7B1	
3	014129				VŨ HÀ LINH	08/02/2010	7B1	
4	014130				PHẠM THANH LOAN	12/08/2010	7B1	
5	014131				DOÃN NGỌC HẢI LONG	10/04/2010	7B5	
6	014132				NGUYỄN NGỌC LONG	31/10/2009	7B3	
7	014133				NGUYỄN SỸ LONG	18/06/2010	7B6	
8	014134				PHẠM BẢO LONG	30/04/2010	7B1	
9	014135				TRẦN QUỐC LONG	23/05/2010	7B4	
10	014136				TRẦN TIẾN LỘC	16/02/2010	7B1	
11	014137				TRẦN ĐẠI LỢI	31/10/2009	7B5	
12	014138				LÊ BÙI KHÁNH LY	25/07/2010	7B2	
13	014139				NGUYỄN KHÁNH LY	18/04/2010	7B6	
14	014140				PHẠM KHÁNH LY	21/02/2010	7B3	
15	014141				HÀ THỊ MAI	05/09/2010	7B2	
16	014142				HOÀNG HÀ NGỌC MAI	31/07/2010	7B1	
17	014143				NGUYỄN THỊ THANH MAI	03/04/2010	7B4	
18	014144				PHAN THỊ NGỌC MAI	22/01/2010	7B5	
19	014145				PHẠM PHƯƠNG MAI	01/09/2010	7B1	
20	014146				TRẦN NGỌC MAI	20/02/2010	7B2	
21	014147				PHẠM TIẾN MẠNH	10/06/2010	7B5	
22	014148				BÙI LƯƠNG MINH	17/02/2010	7B2	
23	014149				LÊ TUỆ MINH	12/05/2010	7B2	
24	014150				MAI TUẤN MINH	03/05/2010	7B1	
25	014151				NGUYỄN HOÀNG MINH	06/04/2010	7B1	
26	014152				NGUYỄN NHẬT MINH	14/04/2010	7B6	
27	014153				NGUYỄN NHẬT MINH	26/08/2010	7B3	
28	014154				NGUYỄN THANH MINH	05/04/2010	7B2	
29	014155				PHẠM QUỐC MINH	31/10/2010	7B2	
30	014156				TRẦN QUỐC MINH	18/10/2010	7B3	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	014157				VŨ BẢO MINH	21/10/2010	7B5	
32	014158				NGUYỄN HÀ MY	24/09/2010	7B1	
33	014159				NGUYỄN THỊ TRÀ MY	02/11/2010	7B4	
34	014160				PHẠM HÀ MY	12/06/2010	7B6	
35	014161				LÊ VŨ HOÀI NAM	25/02/2010	7B6	
36	014162				NGUYỄN BẢO NAM	09/10/2009	7B4	
37	014163				NGUYỄN BẢO NAM	30/06/2010	7B6	
38	014164				TRẦN PHƯƠNG NAM	28/07/2010	7B2	
39	014165				BÙI THU NGA	27/10/2010	7B6	
40	014166				HOÀNG THỊ NGÂN	03/10/2010	7B4	
41	014167				NGUYỄN KIM NGÂN	18/04/2010	7B5	
42	014168				PHẠM THỊ THU NGÂN	06/01/2010	7B6	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	014169				VŨ THỊ THU NGÂN	18/01/2010	7B2	
2	014170				BÙI PHẠM BẢO NGỌC	11/08/2010	7B2	
3	014171				BÙI THỊ KHÁNH NGỌC	06/08/2010	7B3	
4	014172				HÀ MINH NGỌC	26/07/2010	7B1	
5	014173				LÊ THU NGỌC	12/06/2010	7B4	
6	014174				NGUYỄN KHÁNH NGỌC	02/08/2010	7B6	
7	014175				PHẠM BẢO NGỌC	25/05/2010	7B4	
8	014176				TRẦN BẢO NGỌC	05/08/2010	7B2	
9	014177				TRẦN THỊ ÁNH NGỌC	12/08/2010	7B5	
10	014178				NGUYỄN NGỌC NGUYỄN	18/06/2010	7B6	
11	014179				NGUYỄN THỊ THẢO NGUYỄN	22/03/2010	7B4	
12	014180				TRẦN MINH NGUYỆT	10/04/2010	7B1	
13	014181				VŨ THỊ THANH NHÂN	17/12/2010	7B4	
14	014182				TRỊNH MAI NHI	16/10/2010	7B6	
15	014183				HOÀNG PHƯƠNG NHUNG	31/08/2010	7B3	
16	014184				NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	12/01/2010	7B5	
17	014185				HOÀNG VIỆT PHONG	01/05/2010	7B1	
18	014186				NGUYỄN KHẮC PHONG	16/12/2010	7B6	
19	014187				NGÔ XUÂN PHÚ	15/05/2010	7B5	
20	014188				ĐOÀN ĐỨC PHÚC	03/04/2010	7B3	
21	014189				NGUYỄN ĐỨC PHÚC	14/03/2010	7B4	
22	014190				BÙI HOÀI PHƯƠNG	26/06/2010	7B2	
23	014191				BÙI MINH PHƯƠNG	31/01/2010	7B3	
24	014192				ĐINH NGỌC PHƯƠNG PHƯƠNG	16/11/2010	7B2	
25	014193				LÊ MAI PHƯƠNG	29/03/2010	7B1	
26	014194				NGUYỄN MAI PHƯƠNG	17/12/2010	7B6	
27	014195				NGUYỄN THU PHƯƠNG	01/09/2010	7B5	
28	014196				TRỊNH KHÁNH PHƯƠNG	16/08/2010	7B6	
29	014197				VŨ MAI PHƯƠNG	25/06/2010	7B2	
30	014198				ĐẶNG DUY QUANG	09/11/2010	7B4	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	014199				KHÚC THÀNH MINH QUẢN	25/09/2010	7B2	
32	014200				PHẠM MINH QUẢN	14/05/2010	7B2	
33	014201				MAI HÀ KHÁNH QUYÊN	16/05/2010	7B6	
34	014202				PHẠM VĂN QUYẾN	15/04/2010	7B2	
35	014203				BÁ THỊ NHƯ QUỲNH	16/06/2010	7B3	
36	014204				PHẠM NHƯ QUỲNH	04/01/2010	7B5	
37	014205				TRẦN THÚY QUỲNH	26/01/2010	7B1	
38	014206				LÊ PHẠM MINH SƠN	27/05/2010	7B2	
39	014207				NGUYỄN THÁI SƠN	05/11/2010	7B6	
40	014208				KHÚC THỊ MINH TÂM	25/09/2010	7B2	
41	014209				ĐINH LƯU GIA TÂY	03/09/2010	7B4	
42	014210				NGUYỄN CHÍ THANH	09/08/2010	7B1	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	014211				TRỊNH HƯƠNG THẢO	16/03/2010	7B2	
2	014212				ĐỖ VĂN THÁI	11/02/2009	7B3	
3	014213				LÊ QUỐC THÁI	21/12/2010	7B2	
4	014214				PHẠM DUY THÁI	11/03/2010	7B3	
5	014215				NGUYỄN VĂN THUẬN	07/12/2010	7B4	
6	014216				NGUYỄN ANH THƯ	17/12/2010	7B3	
7	014217				NGUYỄN MINH THƯ	27/12/2010	7B1	
8	014218				NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	21/09/2010	7B3	
9	014219				TRẦN HẠ THƯƠNG	31/03/2008	7B5	
10	014220				LÊ ĐỨC TIẾN	19/03/2010	7B2	
11	014221				NGUYỄN CÔNG TIẾN	23/02/2010	7B6	
12	014222				BÙI THỊ HUYỀN TRANG	17/10/2010	7B2	
13	014223				PHẠM PHÚC HỒNG TRANG	17/07/2010	7B6	
14	014224				ĐẶNG VIỆT TRUNG	07/01/2010	7B6	
15	014225				NGUYỄN HOÀNG THANH TRÚC	20/10/2010	7B5	
16	014226				TRƯƠNG LÂM TRÚC	21/09/2010	7B1	
17	014227				DƯƠNG TIẾN TRƯỜNG	20/12/2010	7B2	
18	014228				PHAN XUÂN TRƯỜNG	23/04/2010	7B4	
19	014229				HOÀNG ANH TUẤN	27/05/2010	7B3	
20	014230				ĐOÀN THANH TÙNG	05/01/2010	7B3	
21	014231				NGUYỄN THANH TÙNG	23/08/2010	7B1	
22	014232				TRẦN THANH TÙNG	18/12/2010	7B5	
23	014233				PHẠM ANH TÚ	20/09/2010	7B6	
24	014234				TÔ TUẤN TÚ	29/12/2009	7B4	
25	014235				HOÀNG THỊ UYÊN	05/02/2010	7B3	
26	014236				LÊ THỊ NHẢ UYÊN	22/10/2010	7B5	
27	014237				NGUYỄN THẢO VÂN	27/11/2010	7B2	
28	014238				NGUYỄN PHƯƠNG VI	17/06/2010	7B4	
29	014239				TRẦN TƯỜNG VI	26/08/2010	7B5	
30	014240				NGUYỄN QUỐC VIỆT	02/06/2010	7B4	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	014241				MAI THÀNH VINH	09/12/2010	7B6	
32	014242				LÊ QUANG VŨ	07/09/2010	7B6	
33	014243				HÀ BẢO VY	13/04/2010	7B5	
34	014244				PHẠM PHƯƠNG VY	18/09/2010	7B1	
35	014245				TRẦN HÀ VY	22/09/2010	7B2	
36	014246				PHẠM THẾ VỸ	20/07/2010	7B1	
37	014247				NGUYỄN PHẠM HẢI YẾN	02/02/2010	7B2	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	006001				ĐƯƠNG DUY ANH	11/06/2010	7A	
2	006002				ĐINH THỊ HẢI ANH	29/05/2010	7D	
3	006003				ĐOÀN THỊ NGỌC ANH	21/09/2010	7B	
4	006004				ĐỖ THỊ VÂN ANH	24/10/2010	7A	
5	006005				KHÚC HOÀI ANH	27/12/2010	7D	
6	006006				LÊ PHẠM HIẾU ANH	27/12/2010	7A	
7	006007				LÊ THỊ LAN ANH	13/11/2010	7C	
8	006008				LÊ THỊ PHƯƠNG ANH	28/07/2010	7B	
9	006009				LÊ THỊ QUỲNH ANH	01/01/2010	7B	
10	006010				LÊ VIỆT ANH	25/02/2010	7B	
11	006011				LÊ VŨ HOÀNG ANH	30/01/2010	7B	
12	006012				NGUYỄN THỊ HÀ ANH	27/06/2010	7D	
13	006013				NGUYỄN THỊ HẢI ANH	18/05/2010	7D	
14	006014				TRƯƠNG THỊ QUỲNH ANH	13/10/2010	7D	
15	006015				VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	06/01/2010	7B	
16	006016				LÊ QUANG ÁNH	31/07/2010	7C	
17	006017				LŨU GIA BẢO	13/06/2010	7C	
18	006018				LÊ VĂN VIỆT BÁCH	20/04/2010	7A	
19	006019				LÊ VĂN BIỂN	12/07/2010	7B	
20	006020				VŨ DOÃN MINH CHÂU	05/08/2010	7A	
21	006021				ĐINH THỊ KIM CHI	11/01/2010	7C	
22	006022				LÊ QUỲNH CHI	26/05/2010	7C	
23	006023				LÊ THỊ QUỲNH CHI	25/01/2010	7B	
24	006024				NGUYỄN THỊ THỦY CHI	17/11/2010	7B	
25	006025				NGUYỄN THÙY CHI	07/11/2010	7D	
26	006026				VŨ THỊ MAI CHI	16/06/2010	7C	
27	006027				LÊ VĂN CƯỜNG	08/10/2010	7A	
28	006028				HOÀNG MINH CƯỜNG	13/08/2010	7A	
29	006029				NGUYỄN THỊ DINH	02/04/2010	7D	
30	006030				PHẠM VĂN DUY	02/12/2010	7D	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	006031				NGÔ THỊ NGỌC DUYÊN	09/01/2010	7A	
32	006032				NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	21/10/2010	7A	
33	006033				LƯU TRUNG DŨNG	23/12/2010	7B	
34	006034				NGUYỄN THỊ ÁNH DƯƠNG	25/10/2010	7C	
35	006035				TRẦN THỊ KHÁNH DƯƠNG	05/09/2009	7D	
36	006036				PHẠM TIẾN ĐẠT	26/09/2010	7D	
37	006037				PHẠM VŨ TIẾN ĐẠT	28/03/2010	7B	
38	006038				VŨ DOÃN ĐẠT	24/06/2010	7D	
39	006039				VŨ VĂN ĐẠT	27/09/2010	7D	
40	006040				NGUYỄN HỮU HẢI ĐĂNG	13/08/2010	7A	
41	006041				LÊ MINH ĐỨC	10/09/2010	7C	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	006042				NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	09/10/2010	7D	
2	006043				PHẠM MINH ĐỨC	10/01/2010	7B	
3	006044				LÊ VĂN GIÁP	05/10/2010	7B	
4	006045				LÊ HOÀNG HÀ	26/12/2010	7D	
5	006046				VÕ HOÀNG HẢI	21/07/2010	7C	
6	006047				TRẦN HỮU HIỆP	17/01/2010	7C	
7	006048				PHẠM THỊ BẢO HOÀN	28/04/2010	7C	
8	006049				NGUYỄN THỊ HUẾ	13/11/2010	7B	
9	006050				LÊ THỊ HUỆ	17/09/2010	7D	
10	006051				HOÀNG ĐÌNH HUY	29/07/2010	7D	
11	006052				LÊ VĂN HUY	04/11/2010	7C	
12	006053				PHÙNG CÔNG HUY	25/10/2010	7A	
13	006054				VŨ DOãn HUY	09/01/2010	7A	
14	006055				LƯU THỊ KHÁNH HUYỀN	03/12/2010	7B	
15	006056				LÊ THỊ THÚY HUÔNG	29/11/2010	7B	
16	006057				ĐINH VĂN HUÔNG	22/08/2010	7D	
17	006058				LÊ AN PHÚC KHANG	22/07/2010	7A	
18	006059				TRẦN HỮU KHANG	18/11/2010	7A	
19	006060				HOÀNG VĂN KHÁNH	04/05/2010	7A	
20	006061				LÊ QUỐC KHÁNH	26/10/2010	7C	
21	006062				NGUYỄN BẢO NAM KHÁNH	07/09/2010	7C	
22	006063				LÊ THỊ MINH KHUÊ	15/10/2010	7B	
23	006064				LÊ TRÁC TUẤN KIỆT	24/01/2010	7D	
24	006065				NGUYỄN TÙNG LÂM	11/10/2010	7A	
25	006066				BÙI DIỆU LINH	27/09/2010	7A	
26	006067				LÊ THÙY LINH	06/02/2010	7B	
27	006068				NGUYỄN THỊ THÙY LINH	15/09/2010	7D	
28	006069				PHẠM THỊ HUYỀN LINH	27/07/2010	7A	
29	006070				VŨ THỊ KHÁNH LINH	28/07/2010	7C	
30	006071				LÊ BÁCH LONG	10/06/2010	7A	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	006072				LÊ QUỐC LONG	27/05/2010	7D	
32	006073				PHẠM VĂN LONG	17/08/2010	7A	
33	006074				ĐINH THỊ CẨM LY	12/04/2010	7A	
34	006075				LÊ THỊ MAI	18/10/2010	7B	
35	006076				VŨ THÙY MAI	03/11/2010	7C	
36	006077				LÊ VĂN MẠNH	20/10/2010	7A	
37	006078				NGUYỄN DUY MẠNH	14/09/2010	7C	
38	006079				ĐINH YẾN TRÀ MI	24/07/2010	7C	
39	006080				LÊ TRÁC HẢI MINH	03/12/2010	7A	
40	006081				PHẠM THU MINH	07/12/2010	7B	
41	006082				TRẦN KHẮC MINH	16/08/2010	7B	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	006083				VŨ ANH MINH	28/07/2010	7C	
2	006084				VŨ NHẬT MINH	29/12/2010	7D	
3	006085				ĐINH THỊ YẾN MY	11/11/2010	7D	
4	006086				LÊ THỊ TRÀ MY	07/01/2010	7C	
5	006087				NGUYỄN VĂN NAM	02/01/2010	7A	
6	006088				NGUYỄN VIỆT NAM	07/11/2010	7D	
7	006089				NGÔ KHÁNH NGỌC	31/01/2010	7C	
8	006090				LÊ HOÀNG NGUYỄN	04/11/2010	7D	
9	006091				ĐẶNG NHƯ NGUYỆT	21/06/2010	7D	
10	006092				LÊ THỊ YẾN NHI	01/01/2010	7A	
11	006093				NGUYỄN NGỌC NHI	07/10/2010	7B	
12	006094				VŨ THỊ YẾN NHI	14/05/2010	7A	
13	006095				LÊ THỊ HƯƠNG NHUNG	04/11/2010	7A	
14	006096				LÊ THỊ THU NHUNG	09/06/2010	7C	
15	006097				NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	24/09/2010	7A	
16	006098				LÊ QUỐC PHONG	16/02/2010	7D	
17	006099				VŨ DOÃN NAM PHONG	31/10/2010	7B	
18	006100				LÊ QUỐC PHÚC	24/02/2010	7D	
19	006101				TRẦN HOÀNG PHÚC	23/07/2010	7A	
20	006102				ĐÀO MINH PHƯƠNG	24/03/2010	7C	
21	006103				LÊ QUỐC MINH PHƯƠNG	22/10/2010	7A	
22	006104				LÊ THU PHƯƠNG	19/12/2010	7B	
23	006105				VŨ THỊ MAI PHƯƠNG	09/10/2010	7D	
24	006106				VŨ THU PHƯƠNG	18/07/2010	7C	
25	006107				LÊ THỊ PHƯỢNG	13/10/2010	7B	
26	006108				ĐINH VĂN QUANG	23/03/2010	7A	
27	006109				LÊ BÁCH QUANG	28/09/2010	7A	
28	006110				NGUYỄN ĐĂNG QUANG	04/10/2010	7D	
29	006111				PHẠM VĂN QUANG	22/03/2009	7D	
30	006112				LÊ VĂN QUÂN	16/10/2010	7B	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	006113				NGUYỄN ĐĂNG MẠNH QUÂN	30/06/2010	7B	
32	006114				NGUYỄN NGỌC QUỲNH	09/05/2010	7A	
33	006115				NGUYỄN NHƯ QUỲNH	23/06/2010	7C	
34	006116				VŨ NGUYỄN NHƯ QUỲNH	05/06/2010	7D	
35	006117				NGUYỄN VIỆT SÁNG	17/08/2010	7B	
36	006118				NGUYỄN VIỆT TÀI	09/08/2010	7D	
37	006119				TRẦN HỮU TÀI	30/11/2010	7D	
38	006120				HOÀNG PHƯƠNG THẢO	26/12/2010	7D	
39	006121				LÊ THỊ THANH THẢO	02/02/2010	7C	
40	006122				NGUYỄN ĐÌNH THÁI	28/09/2010	7A	
41	006123				NGUYỄN HUYỀN THU	20/04/2010	7C	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	006124				PHẠM ĐỨC THUẬN	20/10/2010	7D	
2	006125				VŨ THỊ THÙY	26/09/2010	7A	
3	006126				LÊ THỊ THỦY	25/09/2010	7B	
4	006127				LÊ THỊ THU THỦY	16/09/2010	7C	
5	006128				LÊ THỊ ANH THƯ	01/02/2010	7B	
6	006129				NGUYỄN THỊ ANH THƯƠNG	15/02/2010	7C	
7	006130				NGUYỄN DUY TIẾN	21/11/2010	7B	
8	006131				ĐOÀN THÙY TRANG	10/05/2010	7B	
9	006132				HOÀNG THU TRANG	01/12/2010	7B	
10	006133				LÊ THỊ HUYỀN TRANG	07/01/2010	7B	
11	006134				MAI THU TRANG	07/03/2010	7D	
12	006135				NGUYỄN THỊ TRANG	27/07/2010	7A	
13	006136				NGUYỄN THÙY TRANG	03/08/2010	7A	
14	006137				PHẠM THỊ THẢO TRANG	01/10/2010	7C	
15	006138				TRẦN THỊ QUỲNH TRANG	09/12/2010	7D	
16	006139				VŨ THU TRANG	28/09/2010	7A	
17	006140				BÙI QUANG TRƯỜNG	10/10/2010	7D	
18	006141				LÊ QUỐC TRƯỜNG	27/09/2010	7A	
19	006142				LÊ THỊ MINH TUYẾT	25/09/2010	7B	
20	006143				ĐINH VĂN TÙNG	15/07/2010	7B	
21	006144				LÊ VĂN TÙNG	02/09/2010	7A	
22	006145				VŨ XUÂN TÙNG	20/04/2010	7C	
23	006146				ĐOÀN THỊ CẨM TÚ	16/03/2010	7B	
24	006147				ĐỖ VĂN TÚ	01/01/2010	7A	
25	006148				ĐỖ THỊ TƯƠI	09/10/2010	7C	
26	006149				VŨ THỊ TỔ UYÊN	18/02/2010	7C	
27	006150				LÊ KHÁNH VÂN	22/03/2010	7D	
28	006151				LÊ THỊ VÂN	15/03/2010	7C	
29	006152				LÊ CÔNG VINH	08/10/2010	7D	
30	006153				LÊ VĂN VINH	03/10/2010	7B	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	006154				LÊ VĂN TIẾN VINH	23/12/2010	7B	
32	006155				LÊ VĂN VĨ	05/07/2010	7D	
33	006156				LÊ QUANG VŨ	03/06/2010	7C	
34	006157				LÊ QUỐC VŨ	05/01/2010	7C	
35	006158				LÊ NGUYỄN YẾN VY	02/03/2010	7B	
36	006159				LÊ THỊ THẢO VY	14/11/2010	7C	
37	006160				NGUYỄN MINH VY	25/06/2010	7C	
38	006161				NGUYỄN THỊ XUÂN	24/02/2010	7C	
39	006162				LÊ THỊ HẢI YẾN	30/03/2010	7C	

BẢNG GHI TÊN DỰ THI
TRƯỜNG: THCS AN HOÀ

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	003001				NGUYỄN VĂN AN	18/08/2010	7C	
2	003002				PHẠM HẢI AN	02/11/2010	7A	
3	003003				HOÀNG QUỲNH ANH	28/10/2010	7A	
4	003004				LÊ THỊ QUỲNH ANH	30/08/2010	7C	
5	003005				LÊ TUẤN ANH	23/09/2010	7D	
6	003006				LƯU VŨ MAI ANH	03/11/2010	7A	
7	003007				MAI PHƯƠNG ANH	24/06/2010	7A	
8	003008				NGÔ THỊ MAI ANH	16/08/2010	7A	
9	003009				NGÔ VIỆT ANH	10/09/2010	7B	
10	003010				NGUYỄN DIỆU ANH	08/03/2010	7B	
11	003011				NGUYỄN HUY ANH	29/01/2010	7B	
12	003012				NGUYỄN NGỌC ANH	13/11/2010	7C	
13	003013				NGUYỄN VIỆT ANH	17/05/2010	7C	
14	003014				NGUYỄN VIỆT ANH	13/01/2011	7B	
15	003015				TRỊNH VÂN ANH	30/09/2010	7C	
16	003016				TRƯƠNG LAN ANH	11/11/2010	7B	
17	003017				NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	23/08/2010	7A	
18	003018				NGUYỄN THỊ NGUYỆT ÁNH	22/12/2010	7C	
19	003019				VŨ THỊ NGỌC ÁNH	15/01/2010	7D	
20	003020				LÊ NGUYỄN BẢO	27/05/2010	7B	
21	003021				NGÔ GIA BẢO	17/01/2010	7C	
22	003022				NGUYỄN GIA BẢO	30/03/2010	7D	
23	003023				PHẠM VIỆT BÁCH	17/10/2010	7C	
24	003024				LÊ HỮU BẰNG	19/01/2010	7C	
25	003025				NGÔ THỊ NGỌC BÍCH	18/06/2010	7B	
26	003026				NGÔ NGUYỄN BẢO CHÂU	01/09/2010	7B	
27	003027				TỔNG NGUYỄN BẢO CHÂU	27/09/2010	7C	
28	003028				NGUYỄN TRẦN YẾN CHI	20/08/2010	7B	
29	003029				LƯU ĐỨC CHUNG	26/05/2010	7C	
30	003030				NGUYỄN VĂN CHUNG	06/09/2010	7C	

BẢNG GHI TÊN DỰ THI
TRƯỜNG: THCS AN HOÀ

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	003031				VŨ ĐỨC CƯỜNG	15/08/2010	7C	
32	003032				VŨ VĂN DU	29/05/2010	7D	
33	003033				LƯU THỊ THÙY DUNG	03/11/2010	7B	
34	003034				LƯU THỊ KỲ DUYÊN	14/10/2010	7A	
35	003035				NGUYỄN HẢI DUYÊN	28/07/2010	7A	
36	003036				HÀ MẠNH DŨNG	25/09/2010	7A	
37	003037				ĐỖ TÙNG DƯƠNG	23/06/2010	7C	
38	003038				NGÔ THỊ DƯƠNG DƯƠNG	20/08/2010	7E	
39	003039				NGÔ TÙNG DƯƠNG	15/01/2010	7C	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	003040				NGUYỄN HOÀNG DƯƠNG	12/09/2010	7B	
2	003041				NGUYỄN QUANG DƯƠNG	17/09/2010	7B	
3	003042				TRỊNH HOÀNG DƯƠNG	16/01/2010	7D	
4	003043				VŨ THỊ THÙY DƯƠNG	07/11/2010	7C	
5	003044				NGÔ GIA ĐẠİ	22/07/2010	7E	
6	003045				LÊ PHÚC ĐẠT	14/11/2010	7D	
7	003046				LƯU VĂN ĐẠT	10/03/2010	7D	
8	003047				NGUYỄN TIẾN ĐẠT	05/11/2010	7B	
9	003048				PHẠM THÀNH ĐẠT	14/04/2010	7E	
10	003049				ĐÀO MINH ĐỨC	10/04/2010	7A	
11	003050				LƯU TRUNG ĐỨC	19/11/2010	7B	
12	003051				NGUYỄN VĂN ĐỨC	03/07/2010	7D	
13	003052				VŨ MINH ĐỨC	10/10/2010	7C	
14	003053				NGUYỄN THU GIANG	13/04/2010	7A	
15	003054				NGUYỄN QUANG HÀ	28/08/2010	7C	
16	003055				TỔNG VĨ HÀO	24/05/2010	7B	
17	003056				NGÔ HOÀNG HẢI	22/10/2010	7A	
18	003057				HOÀNG THỊ HẢO	20/05/2010	7C	
19	003058				ĐÀO GIA HÂN	07/11/2010	7D	
20	003059				NGUYỄN HỒNG NGỌC HÂN	23/12/2010	7B	
21	003060				NGUYỄN THỊ MINH HẰNG	08/09/2010	7D	
22	003061				ĐÀO THỊ THU HIỀN	05/09/2010	7B	
23	003062				LƯU THỊ LƯƠNG HIỀN	16/11/2010	7B	
24	003063				NGUYỄN KHÁNH HIỀN	14/12/2010	7A	
25	003064				NGUYỄN THỊ THU HIỀN	06/01/2010	7A	
26	003065				ĐỖ TRUNG HIẾU	26/03/2010	7B	
27	003066				LÊ MINH HIẾU	28/08/2010	7A	
28	003067				LƯU TRUNG HIẾU	24/09/2010	7A	
29	003068				NGUYỄN ĐÀO TRUNG HIẾU	02/12/2010	7D	
30	003069				NGUYỄN MINH HIẾU	26/09/2010	7C	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	003070				TỔNG MINH HIẾU	25/10/2010	7C	
32	003071				NGÔ QUANG HOÀNG	06/01/2010	7C	
33	003072				TỔNG VIỆT HOÀNG	02/08/2010	7B	
34	003073				TRẦN LÂM HOÀNG	16/08/2010	7E	
35	003074				TRẦN MINH HOÀNG	17/07/2010	7D	
36	003075				TRƯƠNG VIỆT HOÀNG	26/06/2010	7E	
37	003076				VŨ MINH HOÀNG	20/09/2010	7C	
38	003077				NGÔ THỊ HÒA	08/05/2010	7A	
39	003078				VŨ THÀNH HUÂN	28/10/2010	7E	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	003079				BÙI QUANG HUY	23/09/2010	7B	
2	003080				NGÔ VĂN HUY	29/09/2010	7C	
3	003081				NGUYỄN HOÀNG HUY	29/05/2010	7E	
4	003082				NGUYỄN THỊ MINH HUYỀN	27/08/2010	7A	
5	003083				NGUYỄN MẠNH HÙNG	09/03/2010	7B	
6	003084				NGUYỄN VIỆT HÙNG	26/09/2010	7E	
7	003085				NGUYỄN VIỆT HÙNG	29/09/2010	7A	
8	003086				PHẠM GIA HÙNG	24/07/2010	7A	
9	003087				NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	27/05/2010	7C	
10	003088				TRƯƠNG THỊ THÚY HƯỜNG	21/01/2010	7B	
11	003089				ĐÀO DUY KHÁNH	22/10/2010	7A	
12	003090				NGUYỄN DUY KHÁNH	06/04/2010	7D	
13	003091				NGUYỄN QUỐC KHÁNH	02/09/2010	7D	
14	003092				NGUYỄN ANH KHÔI	21/09/2010	7C	
15	003093				MAI TRUNG KIÊN	02/01/2010	7D	
16	003094				NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	01/11/2010	7B	
17	003095				TRƯƠNG THỊ NGỌC LAN	17/09/2009	7D	
18	003096				DƯƠNG TÙNG LÂM	11/11/2010	7C	
19	003097				VŨ TÙNG LÂM	04/01/2010	7D	
20	003098				NGÔ THỊ HỒNG LIÊN	05/04/2010	7C	
21	003099				BÙI BẢO LINH	26/05/2010	7A	
22	003100				BÙI BẢO LINH	30/09/2010	7B	
23	003101				ĐỖ YẾN LINH	15/05/2010	7A	
24	003102				NGUYỄN NGỌC KHÁNH LINH	12/05/2010	7E	
25	003103				TỔNG BẢO LINH	03/10/2010	7C	
26	003104				TỔNG THỊ THÙY LINH	03/09/2010	7A	
27	003105				TRẦN DIỆU LINH	27/08/2010	7A	
28	003106				VŨ DIỆU LINH	12/05/2010	7C	
29	003107				VŨ THỊ DIỆU LINH	07/02/2010	7D	
30	003108				VŨ THỊ HÀ LINH	17/01/2010	7A	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	003109				LƯU THỊ THANH LOAN	01/08/2010	7B	
32	003110				NGÔ HUY LONG	27/01/2010	7C	
33	003111				ĐỒNG THỊ KHÁNH LY	29/06/2010	7A	
34	003112				LƯU HƯƠNG LY	30/01/2010	7B	
35	003113				NGÔ THỊ KHÁNH LY	14/11/2010	7E	
36	003114				VŨ THỊ YẾN LY	25/10/2009	7E	
37	003115				NGUYỄN THỊ XUÂN MAI	31/07/2010	7E	
38	003116				VŨ NGỌC MAI	23/02/2010	7A	
39	003117				NGUYỄN ĐỨC MINH	22/11/2010	7E	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	003118				NGUYỄN HOÀNG MINH	03/05/2010	7E	
2	003119				NGUYỄN THÀNH MINH	06/04/2010	7A	
3	003120				NGÔ THỊ TRÀ MY	21/09/2010	7C	
4	003121				NGÔ TRÀ MY	02/02/2010	7D	
5	003122				NGUYỄN THỊ TRÀ MY	13/12/2009	7D	
6	003123				MAI TRUNG NAM	14/12/2010	7E	
7	003124				NGÔ NHẬT NAM	04/08/2010	7B	
8	003125				VŨ HOÀI NAM	19/01/2010	7E	
9	003126				NGUYỄN THỊ NGÂN	10/08/2010	7B	
10	003127				BÙI NHƯ NGỌC	22/08/2010	7A	
11	003128				HOÀNG BÍCH NGỌC	11/10/2010	7B	
12	003129				TỔNG THẾ NGỌC	23/08/2010	7D	
13	003130				VŨ ÁNH NGỌC	17/08/2010	7E	
14	003131				LƯU CHÍ NGUYỄN	01/06/2010	7B	
15	003132				NGUYỄN PHÚC NGUYỄN	29/11/2010	7B	
16	003133				NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	13/07/2010	7B	
17	003134				NGUYỄN VĂN NGUYỄN	15/11/2010	7E	
18	003135				NGÔ THỊ THANH NHÂN	07/11/2010	7A	
19	003136				NGÔ THỊ YẾN NHI	11/06/2010	7A	
20	003137				TRẦN THỊ ÁNH NHUNG	17/04/2010	7A	
21	003138				VŨ HỒNG NHUNG	26/09/2010	7D	
22	003139				LƯU QUỲNH NHƯ	01/01/2010	7B	
23	003140				TỔNG THỊ NGỌC OANH	16/10/2010	7E	
24	003141				LƯU VĂN PHÁT	05/01/2010	7B	
25	003142				BÙI ĐẠI PHONG	28/04/2010	7B	
26	003143				NGUYỄN NGUYỄN PHONG	05/01/2010	7E	
27	003144				NGUYỄN VĂN PHÚC	04/03/2010	7E	
28	003145				ĐÀO KHÁNH PHƯƠNG	17/06/2010	7A	
29	003146				LÊ THỊ THẢO PHƯƠNG	23/12/2010	7A	
30	003147				LƯU THẾ PHƯƠNG	14/01/2010	7E	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	003148				LƯU MINH PHƯỢNG	16/03/2010	7A	
32	003149				LƯU THỊ MINH PHƯỢNG	03/02/2010	7A	
33	003150				NGÔ VĂN QUYẾT	13/07/2010	7E	
34	003151				TRƯƠNG VĂN QUYẾT	10/08/2010	7D	
35	003152				ĐÀO HOÀNG NHƯ QUỲNH	13/12/2010	7D	
36	003153				NGUYỄN NHƯ QUỲNH	11/10/2010	7C	
37	003154				NGÔ GIA TẤN TÀI	07/03/2010	7D	
38	003155				NGUYỄN MINH TÀI	29/04/2010	7C	
39	003156				NGUYỄN THỊ MAI THANH	24/01/2010	7C	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	003157				LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	14/11/2010	7D	
2	003158				NGÔ PHƯƠNG THẢO	19/11/2010	7E	
3	003159				NGUYỄN THỊ THẢO	31/07/2010	7D	
4	003160				VŨ THỊ PHƯƠNG THẢO	08/02/2010	7E	
5	003161				NGUYỄN VĂN THÁI	26/09/2010	7E	
6	003162				NGUYỄN NGỌC THẠCH	03/02/2010	7C	
7	003163				NGUYỄN VĂN THI	14/11/2010	7E	
8	003164				PHẠM NGỌC THIỆP	14/03/2010	7A	
9	003165				TRỊNH THỊ THANH THỦY	11/02/2010	7D	
10	003166				NGUYỄN MINH THƯ	26/07/2010	7A	
11	003167				NGÔ VĂN THƯƠNG	24/10/2010	7B	
12	003168				PHẠM MAI THƯƠNG	27/09/2010	7C	
13	003169				NGUYỄN VĂN TIẾN	14/02/2010	7E	
14	003170				VŨ VĂN TIỆP	31/07/2010	7E	
15	003171				LƯU MẠNH TOÀN	24/05/2010	7D	
16	003172				VŨ ĐỨC TOÀN	15/03/2010	7B	
17	003173				ĐÀO THỊ NGỌC TRANG	01/05/2010	7B	
18	003174				LÊ THU TRANG	27/09/2010	7C	
19	003175				LƯU THỊ TRANG	02/02/2010	7A	
20	003176				NGUYỄN THU TRANG	15/02/2010	7D	
21	003177				ĐÀO VĂN KHÁNH TRUNG	13/02/2010	7D	
22	003178				NGUYỄN THÀNH TRUNG	12/07/2010	7E	
23	003179				PHẠM TRÍ TRUNG	21/12/2010	7E	
24	003180				NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	21/11/2010	7B	
25	003181				PHẠM VĂN TRƯỜNG	24/02/2009	7D	
26	003182				VŨ XUÂN TRƯỜNG	23/10/2010	7A	
27	003183				NGÔ CÔNG TUẤN	31/10/2010	7B	
28	003184				NGUYỄN ANH TUẤN	04/09/2010	7E	
29	003185				VŨ ANH TUẤN	06/08/2010	7E	
30	003186				NGÔ MINH TUỆ	10/10/2010	7C	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	003187				LƯU VĂN TÙNG	29/01/2010	7B	
32	003188				NGÔ VĂN TÙNG	26/07/2010	7E	
33	003189				TRƯƠNG TRẦN VIỆT	11/11/2010	7B	
34	003190				VŨ LÂM VINH	19/07/2010	7C	
35	003191				NGÔ VĂN VĨ	02/03/2010	7D	
36	003192				NGUYỄN NGỌC VY	24/07/2010	7B	
37	003193				NGUYỄN PHẠM TƯỜNG VY	16/11/2010	7A	
38	003194				NGÔ THỊ HẢI YẾN	29/06/2010	7C	
39	003195				NGÔ THỊ NGỌC YẾN	15/10/2010	7E	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	010001				NGÔ HẢI AN	26/08/2010	7C1	
2	010002				BÙI TUẤN ANH	14/02/2010	7C5	
3	010003				NGÔ THỊ PHƯƠNG ANH	26/10/2010	7C1	
4	010004				NGUYỄN QUỲNH ANH	07/04/2010	7C1	
5	010005				NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	01/04/2010	7C3	
6	010006				NGUYỄN TUẤN ANH	14/11/2010	7C3	
7	010007				NGUYỄN VĂN ANH	20/08/2010	7C3	
8	010008				PHẠM NGỌC TUẤN ANH	09/12/2010	7C1	
9	010009				PHẠM PHƯƠNG ANH	20/07/2010	7C1	
10	010010				PHẠM THỊ MAI ANH	24/03/2010	7C5	
11	010011				PHẠM THÙY ANH	23/04/2010	7C2	
12	010012				TRẦN THỊ NGỌC ANH	10/10/2010	7C1	
13	010013				VŨ PHƯƠNG ANH	30/04/2010	7C5	
14	010014				VŨ TUẤN ANH	21/12/2010	7C2	
15	010015				LÊ NGỌC ÁNH	06/11/2010	7C2	
16	010016				TRẦN THÁI BẢO	02/01/2010	7C3	
17	010017				LÊ THANH BÌNH	26/12/2010	7C4	
18	010018				TRẦN MINH CHÂU	20/06/2010	7C3	
19	010019				NGUYỄN MAI CHI	10/02/2010	7C2	
20	010020				NGUYỄN MAI CHI	11/03/2010	7C1	
21	010021				NGUYỄN NGỌC THÙY CHI	30/07/2010	7C1	
22	010022				NGUYỄN THỊ HIỀN CHI	20/01/2010	7C5	
23	010023				NGUYỄN THỊ THẢO CHI	11/05/2010	7C3	
24	010024				PHẠM THỊ MAI CHI	12/01/2010	7C2	
25	010025				PHẠM THỊ THÙY CHI	20/02/2010	7C2	
26	010026				NGUYỄN VĂN CÔNG	03/10/2010	7C3	
27	010027				VŨ VĂN DOANH	21/04/2010	7C2	
28	010028				PHAN NHẬT THIÊN DU	09/01/2010	7C4	
29	010029				NGÔ THỊ THANH DUNG	25/04/2010	7C4	
30	010030				LÊ VĂN DUY	01/03/2009	7C3	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	010031				NGUYỄN KHÁNH DUY	18/03/2010	7C4	
32	010032				NGUYỄN VĂN DUY	06/11/2010	7C3	
33	010033				BÙI VĂN DŨNG	30/03/2010	7C3	
34	010034				CAO MẠNH DŨNG	12/02/2010	7C2	
35	010035				LƯƠNG MẠNH DŨNG	29/12/2010	7C2	
36	010036				NGUYỄN HOÀNG DŨNG	27/03/2010	7C4	
37	010037				NGUYỄN TIẾN DŨNG	14/04/2010	7C3	
38	010038				ĐÀO ĐỨC DƯƠNG	19/12/2010	7C4	
39	010039				PHAN CỐNG DƯƠNG	30/07/2010	7C4	
40	010040				VŨ BÁ TRỌNG DƯƠNG	09/01/2010	7C1	
41	010041				VŨ NAM THÀNH DƯƠNG	10/05/2010	7C5	
42	010042				LÊ QUANG ĐẠI	20/02/2010	7C2	
43	010043				BÙI QUỐC ĐẠT	31/01/2010	7C4	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TÓÁN	VĂN				
1	010044				CAO VĂN ĐẠT	10/08/2010	7C1	
2	010045				LÊ DUY ĐẠT	22/03/2010	7C1	
3	010046				LƯƠNG THÀNH ĐẠT	21/06/2010	7C2	
4	010047				VŨ TRỌNG ĐẠT	06/09/2010	7C1	
5	010048				NGUYỄN DUY ĐIỂN	10/03/2010	7C2	
6	010049				NGUYỄN THÀNH ĐỒ	14/11/2010	7C4	
7	010050				HÀ ANH ĐỨC	31/01/2010	7C2	
8	010051				LÊ MINH ĐỨC	28/04/2010	7C4	
9	010052				NGUYỄN VĂN ĐỨC	19/05/2010	7C2	
10	010053				NGUYỄN VIỆT ĐỨC	19/12/2010	7C3	
11	010054				TRẦN MINH ĐỨC	17/07/2010	7C3	
12	010055				VŨ VĂN ĐỨC	31/03/2010	7C4	
13	010056				NGUYỄN SINH HAI	13/11/2010	7C2	
14	010057				ĐINH TUẤN HÀ	09/07/2009	7C4	
15	010058				PHẠM THU HÀ	22/01/2010	7C1	
16	010059				BÙI MINH HẢI	21/09/2010	7C5	
17	010060				NGUYỄN THỊ HẢI	17/07/2010	7C1	
18	010061				VŨ ĐỨC HẢI	31/10/2010	7C2	
19	010062				BÙI ĐỨC HẬU	12/06/2010	7C4	
20	010063				NGUYỄN MINH HẰNG	17/11/2010	7C3	
21	010064				TRẦN THỊ MINH HẰNG	04/06/2010	7C3	
22	010065				ĐÀO THU HIỀN	19/10/2010	7C1	
23	010066				PHẠM NGỌC HIỀN	05/01/2010	7C1	
24	010067				PHẠM THẢO HIỀN	01/08/2010	7C1	
25	010068				NGUYỄN ĐỨC HIẾU	18/10/2010	7C3	
26	010069				PHẠM TRUNG HIẾU	14/11/2010	7C1	
27	010070				VŨ TRUNG HIẾU	18/01/2010	7C5	
28	010071				NGUYỄN TUẤN HIỆP	01/09/2010	7C4	
29	010072				ĐÀO THỊ MAI HOA	01/12/2010	7C2	
30	010073				LÊ THỊ HOÀ	21/09/2010	7C4	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	010074				TRẦN VIỆT HOÀNG	12/05/2010	7C5	
32	010075				NGUYỄN THỊ HỒNG	20/10/2009	7C4	
33	010076				VŨ THU HỒNG	30/10/2010	7C5	
34	010077				VŨ MẠNH HÙNG	04/05/2010	7C5	
35	010078				VŨ MẠNH HÙNG	18/05/2010	7C2	
36	010079				NGÔ THỊ THU HƯỜNG	16/03/2010	7C1	
37	010080				NGUYỄN HUY KHANG	18/01/2009	7C1	
38	010081				LƯƠNG DUY KHÁNH	17/11/2010	7C2	
39	010082				PHẠM LÊ NGUYỄN KHÁNH	10/10/2010	7C3	
40	010083				NGÔ TRUNG KIÊN	27/07/2010	7C4	
41	010084				TRẦN ĐỨC KIÊN	02/11/2010	7C3	
42	010085				VŨ TRUNG KIÊN	19/01/2010	7C5	
43	010086				DƯƠNG NGỌC LAN	22/08/2010	7C3	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	010087				NGÔ NGỌC LAN	03/01/2010	7C2	
2	010088				NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	14/07/2010	7C5	
3	010089				NGUYỄN THẾ LÂM	28/09/2010	7C4	
4	010090				VY VĂN LÂM	15/02/2010	7C4	
5	010091				ĐINH HOÀNG NGỌC LINH	07/11/2010	7C4	
6	010092				LÊ MẠNH LINH	28/03/2010	7C3	
7	010093				LÊ TRANG LINH	22/07/2010	7C1	
8	010094				LƯƠNG KHÁNH LINH	08/07/2010	7C1	
9	010095				NGUYỄN BẢO LINH	01/10/2010	7C3	
10	010096				NGUYỄN KHÁNH LINH	10/02/2010	7C4	
11	010097				NGUYỄN THÙY LINH	06/06/2010	7C4	
12	010098				NGUYỄN THÙY LINH	01/10/2010	7C3	
13	010099				PHẠM PHƯƠNG LINH	03/09/2010	7C1	
14	010100				PHẠM THỊ HÀ LINH	16/07/2010	7C5	
15	010101				PHẠM THỊ THÙY LINH	01/06/2010	7C4	
16	010102				VŨ THỊ LINH	24/11/2010	7C3	
17	010103				NGUYỄN PHƯƠNG LOAN	06/07/2010	7C3	
18	010104				NGÔ HOÀNG GIA LONG	21/06/2010	7C5	
19	010105				PHẠM ĐỒNG VĂN LONG	06/07/2010	7C2	
20	010106				PHAN HOÀNG LỢI	05/04/2010	7C2	
21	010107				LÊ KHÁNH LY	20/01/2010	7C1	
22	010108				HOÀNG THỊ PHƯƠNG MAI	15/04/2010	7C1	
23	010109				NGUYỄN XUÂN MINH	22/07/2009	7C2	
24	010110				PHẠM CÔNG MINH	23/03/2010	7C5	
25	010111				TẠ TIẾN MINH	06/10/2010	7C2	
26	010112				PHẠM THỊ TRÀ MY	13/11/2010	7C5	
27	010113				VŨ THẢO MY	18/08/2010	7C5	
28	010114				VŨ THỊ YẾN MY	23/09/2010	7C5	
29	010115				NGUYỄN PHƯƠNG NAM	06/02/2010	7C2	
30	010116				PHẠM BẢO NAM	21/08/2010	7C2	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	010117				VŨ NHẬT NAM	09/01/2010	7C5	
32	010118				VŨ NHẬT NAM	05/10/2010	7C3	
33	010119				VŨ PHƯƠNG NAM	08/11/2010	7C5	
34	010120				NGUYỄN PHẠM THANH NGÂN	24/09/2010	7C1	
35	010121				NGUYỄN THỊ THU NGÂN	16/08/2010	7C3	
36	010122				VŨ THỊ KIM NGÂN	09/06/2010	7C5	
37	010123				HOÀNG KIM NGHĨA	08/02/2010	7C4	
38	010124				LÊ MINH NGỌC	15/11/2010	7C5	
39	010125				LÊ ĐÌNH NGUYỄN	04/09/2010	7C5	
40	010126				LÊ THỊ ÁNH NGUYỆT	05/05/2010	7C4	
41	010127				VŨ THỊ THANH NHÂN	09/12/2010	7C3	
42	010128				ĐOÀN THỊ THÚY NHI	21/09/2010	7C4	
43	010129				PHẠM YẾN NHI	17/12/2010	7C2	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	010130				PHẠM HỒNG NHUNG	01/09/2010	7C1	
2	010131				TRẦN DIỄM NHƯ	15/07/2010	7C3	
3	010132				VŨ THỊ KIỀU OANH	28/02/2010	7C5	
4	010133				ĐOÀN TRỌNG PHÚC	09/09/2010	7C1	
5	010134				NGUYỄN ĐỨC PHÚC	13/02/2010	7C5	
6	010135				NGUYỄN ĐỨC PHÚC	14/11/2010	7C4	
7	010136				PHẠM THỊ MINH PHƯƠNG	17/07/2010	7C1	
8	010137				VŨ THỊ THU PHƯƠNG	25/12/2010	7C5	
9	010138				NGUYỄN MINH PHƯỢNG	24/10/2010	7C5	
10	010139				ĐOÀN MINH QUÂN	14/12/2010	7C2	
11	010140				NGUYỄN ĐỨC QUÂN	19/03/2010	7C3	
12	010141				TRẦN ĐỨC QUÂN	15/06/2010	7C3	
13	010142				TRẦN MINH QUÂN	19/02/2010	7C3	
14	010143				TRẦN MINH QUÂN	24/04/2010	7C3	
15	010144				VŨ ANH QUÂN	05/08/2010	7C2	
16	010145				LÊ HOÀNG QUYÊN	14/02/2010	7C4	
17	010146				LÊ DIỄM QUỲNH	07/10/2010	7C1	
18	010147				PHẠM NHƯ QUỲNH	22/09/2009	7C1	
19	010148				NGUYỄN PHÚ QUÝ	24/04/2010	7C3	
20	010149				PHẠM VĂN SANG	15/10/2010	7C3	
21	010150				NGÔ THANH TÂM	31/10/2010	7C5	
22	010151				PHẠM THỊ ĐOAN TÂM	09/03/2010	7C4	
23	010152				DƯƠNG KHẢI THÀNH	03/02/2010	7C1	
24	010153				NGUYỄN DUY THÀNH	26/08/2010	7C5	
25	010154				PHẠM ĐỨC THÀNH	15/06/2010	7C4	
26	010155				PHẠM ĐỨC THÀNH	05/10/2010	7C2	
27	010156				ĐOÀN PHƯƠNG THẢO	26/11/2010	7C2	
28	010157				LÊ THỊ THẢO	25/03/2009	7C5	
29	010158				NGUYỄN LÂM THẢO	01/11/2010	7C1	
30	010159				NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	29/11/2010	7C3	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	010160				TRẦN PHẠM PHƯƠNG THẢO	03/02/2010	7C2	
32	010161				NGUYỄN DUY THÁI	13/10/2010	7C3	
33	010162				NGUYỄN QUANG THÁI	22/08/2010	7C5	
34	010163				NGUYỄN VĂN THI	20/03/2010	7C4	
35	010164				LƯƠNG KHÁNH THIỆN	29/12/2010	7C2	
36	010165				NGUYỄN PHƯƠNG THU	27/09/2010	7C2	
37	010166				CAO MINH THUẬN	21/10/2010	7C4	
38	010167				VŨ THU THỦY	01/12/2010	7C2	
39	010168				LƯƠNG MINH THƯ	15/04/2010	7C1	
40	010169				PHAN VĂN TIẾN	06/03/2010	7C5	
41	010170				ĐÀO THẾ TRANG	25/07/2010	7C1	
42	010171				ĐÀO THỊ YẾN TRANG	11/11/2010	7C2	
43	010172				ĐỖ THÙY TRANG	20/03/2010	7C5	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	010173				HOÀNG THU TRANG	21/10/2010	7C2	
2	010174				NGUYỄN THỊ YẾN TRANG	09/10/2010	7C3	
3	010175				TRẦN THỊ MAI TRANG	30/10/2010	7C3	
4	010176				TRẦN THỊ THU TRANG	14/08/2010	7C3	
5	010177				TRƯƠNG THỊ TRANG	23/12/2010	7C2	
6	010178				LÊ THỊ THANH TRÚC	18/11/2010	7C1	
7	010179				NGUYỄN PHẠM THANH TRÚC	28/07/2010	7C4	
8	010180				NGUYỄN MINH TRƯỜNG	20/01/2010	7C4	
9	010181				VŨ MẠNH TRƯỜNG	08/01/2010	7C5	
10	010182				VŨ MINH TUẤN	02/12/2010	7C5	
11	010183				VŨ VĂN TUYẾN	09/10/2010	7C2	
12	010184				VŨ ÁNH TUYẾT	31/03/2010	7C5	
13	010185				ĐOÀN ANH TÚ	01/11/2010	7C4	
14	010186				PHAN ĐOÀN MINH TÚ	07/01/2010	7C5	
15	010187				VŨ ANH TÚ	14/03/2010	7C5	
16	010188				NGUYỄN QUỐC CÁT TƯỜNG	14/10/2010	7C4	
17	010189				LÊ THỊ VÂN	26/01/2010	7C5	
18	010190				NGÔ NGỌC VÂN	10/02/2010	7C1	
19	010191				NGÔ BẢO VI	30/05/2010	7C2	
20	010192				NGUYỄN QUỐC VIỆT	14/01/2010	7C5	
21	010193				NGUYỄN TUẤN VIỆT	21/11/2010	7C3	
22	010194				VŨ ĐỨC VIỆT	09/03/2010	7C4	
23	010195				VŨ VĂN VIỆT	28/12/2010	7C5	
24	010196				ĐÀO KHÁNH VINH	05/03/2010	7C2	
25	010197				VŨ ĐỨC VƯỢNG	08/12/2010	7C5	
26	010198				VŨ PHƯƠNG VY	24/12/2010	7C4	
27	010199				ĐOÀN HẢI YẾN	01/09/2010	7C1	
28	010200				NGUYỄN BẢO YẾN	20/09/2010	7C3	
29	010201				NGUYỄN HẢI YẾN	07/10/2010	7C2	
30	010202				NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	02/11/2010	7C2	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	012001				ĐỖ TUẤN ANH	24/02/2010	7B	
2	012002				NGUYỄN THỊ VÂN ANH	20/10/2010	7B	
3	012003				TRẦN QUỲNH ANH	14/02/2010	7C	
4	012004				VŨ BẢO ANH	02/12/2010	7C	
5	012005				HOÀNG NGỌC ÁNH	05/08/2010	7B	
6	012006				VŨ GIA BẢO	05/04/2010	7A	
7	012007				NGUYỄN THỊ BẢO CHÂU	13/09/2010	7A	
8	012008				LÊ LINH CHI	03/10/2010	7A	
9	012009				PHẠM THỊ THÙY CHI	07/07/2010	7B	
10	012010				BÙI KHÁNH DUY	13/10/2010	7C	
11	012011				BÙI KHƯƠNG DUY	12/09/2010	7C	
12	012012				NGUYỄN DUY	17/09/2010	7B	
13	012013				NGUYỄN TIẾN DUY	20/12/2010	7C	
14	012014				ĐỒNG BÁ DƯƠNG	11/09/2010	7C	
15	012015				NGUYỄN THỊ KHÁNH DƯƠNG	22/08/2010	7C	
16	012016				VŨ THẾ DƯƠNG	05/10/2010	7B	
17	012017				ĐỖ TIẾN ĐẠT	20/07/2010	7B	
18	012018				NGUYỄN ĐÌNH ĐẠT	08/02/2010	7C	
19	012019				PHẠM ANH ĐẠT	19/10/2010	7B	
20	012020				NGÔ THỊ HƯƠNG GIANG	31/01/2010	7C	
21	012021				NGUYỄN HƯƠNG GIANG	25/04/2010	7C	
22	012022				ĐỖ THU HÀ	13/06/2010	7B	
23	012023				TRẦN THỊ MỸ HẠNH	06/05/2010	7A	
24	012024				NGUYỄN HUY HIỀN	13/03/2010	7A	
25	012025				MAI NGỌC HIẾU	30/05/2010	7C	
26	012026				HOÀNG XUÂN HIỆP	28/08/2010	7C	
27	012027				PHẠM VĂN QUỐC HOÀNG	24/03/2010	7A	
28	012028				HOÀNG MINH HUY	28/11/2010	7B	
29	012029				NGUYỄN QUANG HUY	12/09/2010	7A	
30	012030				PHẠM VĂN QUỐC HUY	24/03/2010	7C	

S TT	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	012031				TRẦN ANH HUY	11/11/2010	7C	
32	012032				NGUYỄN THỊ HUYỀN	15/06/2010	7B	
33	012033				TRẦN MẠNH HÙNG	11/05/2010	7A	
34	012034				NGÔ VĂN HƯNG	30/06/2010	7C	
35	012035				NGUYỄN VĂN HƯNG	24/07/2010	7A	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	012036				ĐỒNG THỊ QUỲNH HƯƠNG	16/02/2010	7B	
2	012037				ĐỖ THU HƯỜNG	02/07/2010	7B	
3	012038				PHẠM THU HƯỜNG	12/09/2010	7C	
4	012039				PHẠM GIA KHANH	21/01/2010	7B	
5	012040				BÙI LONG KHÁNH	14/05/2010	7A	
6	012041				PHẠM MINH KHÔI	06/03/2010	7B	
7	012042				VŨ DUY KHƯƠNG	31/05/2010	7A	
8	012043				BÙI TRUNG KIÊN	15/09/2010	7B	
9	012044				TRẦN ĐÀO THANH LÂM	26/11/2010	7A	
10	012045				CAO THUỶ LINH	20/10/2010	7B	
11	012046				HOÀNG KHÁNH LINH	14/03/2010	7A	
12	012047				NGUYỄN HOÀNG LINH	17/06/2010	7C	
13	012048				NGUYỄN NGỌC KHÁNH LINH	08/11/2010	7A	
14	012049				TRẦN KHÁNH LINH	14/10/2010	7A	
15	012050				HOÀNG HẢI LONG	08/03/2010	7A	
16	012051				BÙI XUÂN MAI	02/08/2010	7B	
17	012052				ĐỒNG NGỌC MINH	29/01/2010	7A	
18	012053				HOÀNG ANH MINH	20/09/2010	7B	
19	012054				NGUYỄN DIỄM MY	14/12/2010	7C	
20	012055				NGUYỄN TRÀ MY	16/09/2010	7A	
21	012056				NGÔ HẢI NAM	17/11/2009	7C	
22	012057				MAI THANH NGÂN	24/01/2010	7B	
23	012058				VŨ MAI NGÂN	09/05/2010	7C	
24	012059				ĐOÀN NGUYỄN TUYẾT NGỌC	08/07/2010	7B	
25	012060				HOÀNG BẢO NGỌC	17/12/2010	7B	
26	012061				NGUYỄN MINH NGỌC	14/01/2010	7A	
27	012062				NGUYỄN THỊ KHÁNH NGỌC	22/08/2010	7C	
28	012063				PHẠM THỊ BÍCH NGỌC	28/11/2010	7A	
29	012064				NGUYỄN THẢO NGUYÊN	21/08/2010	7A	
30	012065				TRẦN HẢI NGUYÊN	01/02/2010	7B	

S TT	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	012066				LƯU PHẠM YẾN NHI	09/10/2010	7B	
32	012067				PHẠM THỊ YẾN NHI	24/10/2010	7C	
33	012068				LÊ HỒNG NHUNG	27/08/2010	7A	
34	012069				NGÔ THỊ HỒNG NHUNG	24/01/2010	7C	
35	012070				LÊ VĂN PHONG	25/08/2009	7B	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	012071				MAI KIỀU PHONG	01/11/2010	7B	
2	012072				NGÔ GIA PHONG	29/08/2010	7A	
3	012073				NGUYỄN CÔNG TRỌNG PHÚ	02/07/2010	7A	
4	012074				NGUYỄN ĐÌNH PHÚC	11/04/2010	7C	
5	012075				HOÀNG THU PHƯƠNG	18/05/2010	7C	
6	012076				PHẠM THANH PHƯƠNG	26/06/2010	7A	
7	012077				TRƯƠNG NGỌC MINH PHƯƠNG	14/07/2010	7A	
8	012078				TRẦN LỆ QUYÊN	17/07/2010	7A	
9	012079				CHU VĂN QUYÊN	14/02/2010	7B	
10	012080				NGUYỄN PHƯỚC SANG	02/06/2010	7A	
11	012081				ĐINH THÁI SƠN	21/07/2010	7B	
12	012082				NGUYỄN THÁI SƠN	31/01/2010	7C	
13	012083				TRẦN QUANG SƠN	21/12/2010	7A	
14	012084				ĐỖ MINH TÂM	06/12/2010	7A	
15	012085				TRẦN DIỆU THẢO	09/08/2010	7C	
16	012086				NGUYỄN PHƯƠNG THÊU	22/04/2010	7C	
17	012087				TRẦN ĐÌNH TIẾN	03/01/2010	7A	
18	012088				ĐỖ HUYỀN TRANG	02/12/2010	7B	
19	012089				NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	08/05/2010	7C	
20	012090				PHẠM QUỲNH TRANG	12/10/2010	7C	
21	012091				TRẦN THANH TÙNG	18/12/2010	7A	
22	012092				LÊ NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	09/08/2010	7A	
23	012093				NGUYỄN TƯỜNG VÂN	23/09/2010	7B	
24	012094				TRẦN THẢO VÂN	20/01/2010	7C	
25	012095				MAI NGỌC VIỆT	02/01/2010	7C	
26	012096				TRẦN ĐÌNH VIỆT	27/11/2010	7C	
27	012097				LÊ NGUYỄN VŨ	04/01/2010	7C	
28	012098				NGUYỄN TUẤN VŨ	04/08/2010	7A	
29	012099				NGUYỄN NGỌC YẾN VY	15/11/2010	7C	
30	012100				TÔ YẾN VY	29/06/2010	7B	

S TT	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	012101				NGUYỄN THANH XUÂN	07/03/2010	7A	
32	012102				BÙI HOÀNG YẾN	02/06/2010	7B	
33	012103				PHẠM THẢO YẾN	20/01/2010	7B	

BẢNG GHI TÊN DỰ THI
TRƯỜNG: THCS AN DƯƠNG

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	002001				ĐẶNG BẢO AN	14/06/2010	7B2	
2	002002				ĐỖ BẢO AN	30/03/2010	7B4	
3	002003				NGUYỄN ĐẶNG THỦY AN	05/10/2010	7B6	
4	002004				PHAN HẢI AN	28/11/2010	7B4	
5	002005				PHẠM DƯƠNG AN	08/11/2010	7B4	
6	002006				BÙI PHƯƠNG ANH	24/12/2010	7B6	
7	002007				ĐẶNG THỊ MAI ANH	29/03/2010	7B6	
8	002008				ĐỖ MINH ANH	13/02/2010	7B3	
9	002009				HOÀNG PHƯƠNG ANH	20/02/2010	7B5	
10	002010				LÊ CÔNG TUẤN ANH	12/08/2010	7B5	
11	002011				LÊ QUỐC ANH	06/04/2010	7B5	
12	002012				NGUYỄN HÀ ANH	27/06/2010	7B5	
13	002013				NGUYỄN PHÚ VIỆT ANH	31/01/2010	7B6	
14	002014				NGUYỄN PHƯƠNG ANH	25/05/2010	7B3	
15	002015				NGUYỄN THỊ VÂN ANH	12/07/2010	7B2	
16	002016				NGUYỄN VŨ MỸ ANH	02/03/2010	7B2	
17	002017				PHẠM HẢI ANH	09/05/2010	7B1	
18	002018				PHẠM QUANG ANH	23/09/2010	7B4	
19	002019				PHẠM VIỆT ANH	28/01/2010	7B6	
20	002020				TRẦN DIỆP ANH	13/11/2010	7B3	
21	002021				TRỊNH NGUYỄN VÂN ANH	29/05/2010	7B5	
22	002022				TRỊNH THỊ MAI ANH	27/09/2010	7B6	
23	002023				VŨ CHÂU ANH	12/08/2010	7B6	
24	002024				VŨ NHẬT PHƯƠNG ANH	02/05/2010	7B6	
25	002025				ĐOÀN NGỌC ÁNH	22/05/2010	7B1	
26	002026				NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	13/06/2010	7B1	
27	002027				PHẠM NHẬT ÁNH	02/01/2010	7B5	
28	002028				VŨ TRỌNG ÁNH	12/05/2010	7B1	
29	002029				NGUYỄN NGỌC BẢO	24/07/2010	7B5	
30	002030				PHẠM NGUYỄN GIA BẢO	09/12/2010	7B5	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	002031				VŨ ĐỨC BẢO	16/11/2010	7B5	
32	002032				BÙI HOÀNG BÁCH	21/12/2010	7B5	
33	002033				PHẠM THANH BÌNH	06/08/2010	7B3	
34	002034				NGUYỄN PHAN MINH CHÂU	29/12/2010	7B1	
35	002035				PHAN THỊ MINH CHÂU	05/01/2010	7B5	
36	002036				BÙI TUYẾT CHI	05/09/2010	7B1	
37	002037				PHẠM ANH CHI	16/10/2010	7B5	
38	002038				ĐỖ THÀNH CÔNG	26/12/2010	7B2	
39	002039				ĐỖ VĂN CƯỜNG	07/03/2010	7B5	
40	002040				NGUYỄN TRỌNG CƯỜNG	21/05/2010	7B3	
41	002041				BÙI NGỌC DIỆP	23/07/2010	7B6	
42	002042				PHẠM THÙY DUNG	25/09/2010	7B4	
43	002043				NGUYỄN ĐỨC DUY	22/01/2010	7B1	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	002044				NGUYỄN KHÁNH DUY	19/07/2010	7B6	
2	002045				TRẦN NHẬT DUY	11/12/2010	7B4	
3	002046				NGUYỄN MẠNH DŨNG	18/06/2010	7B1	
4	002047				NGUYỄN MẠNH DŨNG	18/09/2010	7B3	
5	002048				NGUYỄN TRUNG DŨNG	24/03/2010	7B3	
6	002049				LÊ ÁNH DƯƠNG	27/06/2010	7B6	
7	002050				NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	08/03/2010	7B3	
8	002051				PHẠM THÙY DƯƠNG	12/06/2010	7B6	
9	002052				VŨ ĐẶNG TÙNG DƯƠNG	10/06/2010	7B5	
10	002053				ĐINH HOÀNG ĐẠI	14/06/2010	7B2	
11	002054				ĐỖ KHẮC ĐẠI	19/02/2010	7B1	
12	002055				NGÔ TIẾN ĐẠT	14/12/2010	7B1	
13	002056				PHẠM THÀNH ĐẠT	09/02/2010	7B5	
14	002057				VŨ TIẾN ĐẠT	28/01/2010	7B1	
15	002058				VŨ TUẤN ĐẠT	08/08/2010	7B3	
16	002059				NGUYỄN PHỤNG ĐIỀU	26/10/2010	7B1	
17	002060				ĐÀO MINH ĐỨC	14/09/2010	7B6	
18	002061				LÊ NGUYỄN XUÂN ĐỨC	01/03/2010	7B1	
19	002062				NGUYỄN TRUNG ĐỨC	28/03/2010	7B6	
20	002063				HOÀNG KHÁNH GIANG	14/05/2010	7B6	
21	002064				VŨ THỊ HƯƠNG GIANG	28/12/2010	7B5	
22	002065				ĐOÀN BẢO HÀ	13/08/2010	7B6	
23	002066				NGUYỄN THANH HÀ	21/09/2010	7B3	
24	002067				NGUYỄN THÚY HÀ	04/04/2010	7B6	
25	002068				TRẦN ĐÌNH HẢI	23/07/2010	7B4	
26	002069				CAO THỊ NGỌC HÂN	26/08/2010	7B3	
27	002070				ĐINH THỊ NGỌC HÂN	24/10/2010	7B2	
28	002071				NGUYỄN TRUNG HIẾU	15/02/2009	7B2	
29	002072				PHẠM THÀNH HIẾU	26/02/2010	7B5	
30	002073				TRẦN TRUNG HIẾU	05/03/2010	7B2	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	002074				PHẠM HOÀNG HIỆP	30/08/2010	7B1	
32	002075				NGUYỄN MINH HOÀNG	14/01/2010	7B4	
33	002076				VŨ DUY HOÀNG	30/11/2010	7B3	
34	002077				BÙI VĂN HỌC	22/05/2010	7B2	
35	002078				ĐOÀN MẠNH HUY	22/11/2010	7B3	
36	002079				ĐỖ VĂN HUY	09/01/2010	7B3	
37	002080				ĐỖ VĂN HUY	12/11/2010	7B1	
38	002081				NGUYỄN QUỐC HUY	27/12/2010	7B5	
39	002082				TRỊNH MINH HUY	06/12/2010	7B2	
40	002083				NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	09/03/2010	7B3	
41	002084				VŨ KHÁNH HUYỀN	21/12/2009	7B2	
42	002085				ĐÀO VIỆT HÙNG	02/03/2010	7B2	
43	002086				HOÀNG VIỆT HÙNG	25/06/2010	7B1	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	002087				NGUYỄN VŨ MẠNH HÙNG	02/06/2010	7B3	
2	002088				PHẠM GIA HÙNG	25/10/2010	7B5	
3	002089				VŨ TUẤN HÙNG	23/02/2010	7B1	
4	002090				TRƯƠNG LAN HƯƠNG	10/06/2010	7B5	
5	002091				ĐÀO VĂN KHANG	02/01/2010	7B4	
6	002092				LÊ MINH KHÁNH	06/11/2010	7B3	
7	002093				NGHIÊM DUY KHÁNH	26/12/2010	7B4	
8	002094				NGUYỄN NAM KHÁNH	15/03/2010	7B3	
9	002095				NGUYỄN NGỌC KHÁNH	21/06/2010	7B2	
10	002096				NGUYỄN VĂN KHÁNH	09/01/2010	7B5	
11	002097				NGUYỄN VIỆT KHÁNH	08/01/2010	7B4	
12	002098				PHẠM LÊ KHÁNH	17/11/2010	7B5	
13	002099				BÙI MINH KHIÊM	01/01/2010	7B4	
14	002100				NGUYỄN ĐÌNH MINH KHIẾT	03/10/2010	7B2	
15	002101				NGUYỄN NGỌC KHÔI	15/02/2010	7B6	
16	002102				ĐỖ MINH KHUÊ	21/11/2010	7B4	
17	002103				VŨ THỊ MINH KHUÊ	08/02/2010	7B3	
18	002104				MAI TRUNG KIÊN	23/06/2010	7B3	
19	002105				NGÔ MẠNH KIÊN	29/06/2010	7B6	
20	002106				NGUYỄN TRẦN ANH KIÊN	12/07/2010	7B2	
21	002107				NGUYỄN VĂN KIÊN	06/09/2010	7B2	
22	002108				TÔ ANH KIÊN	30/12/2010	7B1	
23	002109				ĐÀO MINH KIẾT	24/01/2010	7B2	
24	002110				BÙI ĐỨC TÙNG LÂM	19/07/2010	7B3	
25	002111				LƯU ĐỨC LÂM	28/06/2010	7B2	
26	002112				NGUYỄN LÊ THÙY LÂM	19/07/2010	7B1	
27	002113				NGUYỄN LÝ HOÀNG LÂM	22/10/2010	7B1	
28	002114				NGUYỄN TÙNG LÂM	10/10/2010	7B2	
29	002115				PHẠM NGUYỄN ĐỨC LÂM	20/06/2010	7B5	
30	002116				BÙI BẢO LINH	01/03/2010	7B2	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	002117				ĐẶNG THÙY LINH	27/12/2010	7B1	
32	002118				HOÀNG BẢO LINH	09/02/2010	7B6	
33	002119				HOÀNG KHÁNH LINH	02/11/2010	7B3	
34	002120				HOÀNG MAI LINH	01/06/2010	7B1	
35	002121				LÊ MAI LINH	19/11/2010	7B1	
36	002122				LÊ PHƯƠNG LINH	04/01/2010	7B5	
37	002123				NGUYỄN KHÁNH LINH	25/04/2010	7B2	
38	002124				NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	22/08/2010	7B4	
39	002125				PHẠM KHÁNH LINH	16/10/2010	7B3	
40	002126				TỔNG KHÁNH LINH	15/12/2010	7B4	
41	002127				TRẦN KHÁNH LINH	21/07/2010	7B4	
42	002128				VŨ NGỌC HÀ LINH	07/07/2010	7B6	
43	002129				NGUYỄN BÍCH LOAN	03/04/2010	7B5	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	002130				NGUYỄN HOÀNG LONG	06/12/2010	7B1	
2	002131				NGUYỄN MẠNH LONG	20/02/2010	7B4	
3	002132				NGUYỄN MINH LONG	13/08/2010	7B6	
4	002133				TRỊNH KHẮC LUÂN	02/04/2010	7B4	
5	002134				BÙI THỊ PHƯƠNG MAI	23/02/2010	7B1	
6	002135				ĐỖ TIẾN MẠNH	30/07/2010	7B5	
7	002136				LÊ ĐỨC MẠNH	21/05/2010	7B4	
8	002137				NGUYỄN LÊ QUỐC MẠNH	10/12/2010	7B1	
9	002138				BÙI GIA MINH	29/07/2010	7B1	
10	002139				BÙI HIỂU MINH	03/02/2010	7B4	
11	002140				ĐẶNG ĐỨC MINH	28/12/2010	7B4	
12	002141				ĐỖ NHẬT MINH	22/03/2010	7B6	
13	002142				HỒ NHẬT MINH	29/12/2010	7B3	
14	002143				NGUYỄN ĐÌNH MINH	21/09/2010	7B3	
15	002144				NGUYỄN HẢI MINH	01/09/2010	7B6	
16	002145				NGUYỄN NHỮ NHẬT MINH	12/12/2010	7B6	
17	002146				NGUYỄN QUANG MINH	14/02/2010	7B4	
18	002147				NGUYỄN THỊ HỒNG MINH	30/05/2010	7B6	
19	002148				NGUYỄN THỊ YÊN MINH	25/08/2010	7B1	
20	002149				NGUYỄN TRƯỞNG NHẬT MINH	13/08/2010	7B6	
21	002150				PHẠM ĐỨC MINH	15/04/2010	7B4	
22	002151				PHẠM GIA MINH	16/07/2010	7B4	
23	002152				TRẦN HOÀNG MINH	05/12/2010	7B4	
24	002153				TRỊNH QUANG MINH	07/12/2010	7B6	
25	002154				NGUYỄN NGỌC TRÀ MY	02/04/2010	7B1	
26	002155				NGUYỄN THỊ HÀ MY	30/12/2010	7B4	
27	002156				NGUYỄN TRÀ MY	09/04/2010	7B1	
28	002157				BÙI VĂN NAM	31/05/2010	7B6	
29	002158				NGUYỄN DUY BẢO NAM	14/11/2010	7B1	
30	002159				NGUYỄN PHƯƠNG NAM	03/02/2010	7B4	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	002160				PHẠM TRUNG NAM	03/02/2010	7B5	
32	002161				TRỊNH THÀNH NAM	05/07/2010	7B4	
33	002162				VŨ PHƯƠNG NAM	06/07/2010	7B5	
34	002163				NGUYỄN THANH NGÀ	26/09/2010	7B4	
35	002164				ĐẶNG THỊ THU NGÂN	08/05/2010	7B6	
36	002165				TRẦN BẢO NGÂN	08/10/2010	7B5	
37	002166				ĐÀO KHÁNH NGỌC	08/11/2010	7B3	
38	002167				LÊ BÍCH NGỌC	13/03/2010	7B1	
39	002168				NGUYỄN BẢO NGỌC	19/11/2010	7B3	
40	002169				NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	05/10/2010	7B1	
41	002170				NGUYỄN TUẤN NGỌC	20/11/2010	7B2	
42	002171				PHẠM THỊ MINH NGỌC	28/11/2010	7B6	
43	002172				PHẠM TRẦN BÍCH NGỌC	25/10/2010	7B3	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	002173				PHẠM KHÔI NGUYỄN	31/08/2010	7B5	
2	002174				ĐINH MINH NHẬT	23/08/2010	7B4	
3	002175				NGUYỄN HOÀNG NHẬT	02/05/2010	7B3	
4	002176				TỔNG HẠO NHIÊN	31/08/2010	7B6	
5	002177				LƯƠNG HỒNG NHUNG	15/07/2010	7B1	
6	002178				NGUYỄN QUỲNH NHƯ	23/11/2010	7B1	
7	002179				ĐINH THỊ HẢI NINH	14/01/2010	7B4	
8	002180				NGUYỄN ĐÌNH THANH PHONG	19/03/2010	7B5	
9	002181				VŨ HỮU PHONG	01/09/2010	7B4	
10	002182				NGUYỄN ĐỨC PHÚ	08/08/2010	7B6	
11	002183				NGUYỄN SĨ PHÚ	16/10/2010	7B2	
12	002184				TRỊNH BÁ PHÚ	23/02/2010	7B6	
13	002185				ĐINH HỒNG PHÚC	30/04/2010	7B4	
14	002186				ĐỖ THANH PHƯƠNG	16/03/2010	7B4	
15	002187				PHẠM THỊ MAI PHƯƠNG	01/06/2010	7B2	
16	002188				TRẦN BẢO HÀ PHƯƠNG	25/08/2010	7B3	
17	002189				NGUYỄN VIỆT QUANG	16/01/2010	7B5	
18	002190				NGUYỄN MINH QUÂN	01/10/2010	7B4	
19	002191				NGUYỄN ĐỨC QUÝ	08/08/2010	7B6	
20	002192				DƯƠNG GIANG SƠN	23/11/2010	7B1	
21	002193				NGUYỄN NGỌC SƠN	09/10/2010	7B2	
22	002194				NGUYỄN VĂN TẾT	13/02/2010	7B2	
23	002195				ĐINH TIẾN THÀNH	05/07/2010	7B4	
24	002196				NGUYỄN CÔNG THÀNH	29/11/2010	7B6	
25	002197				NGUYỄN QUANG THÀNH	18/09/2010	7B3	
26	002198				BÙI PHƯƠNG THẢO	29/01/2010	7B4	
27	002199				NGUYỄN LÊ DIỆU THẢO	04/02/2010	7B6	
28	002200				NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	04/01/2010	7B6	
29	002201				VŨ PHƯƠNG THẢO	27/08/2010	7B3	
30	002202				BÙI LƯƠNG THÁI	12/06/2010	7B5	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	002203				ĐỖ VĂN THÁI	16/08/2010	7B2	
32	002204				LÊ HUY THẮNG	09/10/2010	7B3	
33	002205				PHẠM THỊ KIM THIÊN	13/08/2010	7B2	
34	002206				NGUYỄN HIẾU THOẠI	07/10/2010	7B1	
35	002207				NGUYỄN ĐỨC THỊNH	10/02/2010	7B2	
36	002208				NGUYỄN YẾN THỊNH	16/01/2010	7B4	
37	002209				NGUYỄN ANH THU	26/02/2010	7B2	
38	002210				ĐỖ PHƯƠNG THỦY	21/04/2010	7B1	
39	002211				NGUYỄN LÊ THU THỦY	03/11/2010	7B4	
40	002212				TRẦN ANH THƯ	07/03/2010	7B3	
41	002213				VŨ MINH THƯ	06/02/2010	7B5	
42	002214				ĐINH QUANG TIẾN	15/02/2010	7B2	
43	002215				NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	17/01/2010	7B6	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	002216				NGUYỄN MINH TIẾN	17/05/2010	7B3	
2	002217				NGUYỄN XUÂN TIẾN	11/08/2010	7B3	
3	002218				VŨ KHÁNH TOÀN	01/11/2010	7B4	
4	002219				BÙI PHƯƠNG TRANG	11/03/2010	7B4	
5	002220				ĐỖ THỊ TRANG	16/06/2010	7B6	
6	002221				HOÀNG MINH TRANG	01/10/2010	7B3	
7	002222				LÊ VŨ MAI TRANG	17/02/2010	7B5	
8	002223				NGUYỄN HÀ TRANG	01/03/2010	7B2	
9	002224				NGUYỄN KIỀU TRANG	13/03/2010	7B5	
10	002225				PHẠM BẢO TRANG	18/12/2010	7B4	
11	002226				PHẠM THỊ YẾN TRANG	31/10/2010	7B4	
12	002227				NGUYỄN PHƯƠNG TRÀ	08/07/2010	7B3	
13	002228				PHẠM ANH TRÂM	28/09/2010	7B5	
14	002229				NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRINH	17/05/2010	7B2	
15	002230				BÙI THÀNH TRUNG	15/10/2010	7B2	
16	002231				VŨ NGUYỄN THANH TRÚC	17/08/2010	7B4	
17	002232				VŨ NAM TRƯỜNG	13/02/2010	7B4	
18	002233				ĐOÀN VĂN TÙNG	19/08/2010	7B3	
19	002234				NGUYỄN LÂM TÙNG	29/12/2010	7B4	
20	002235				NGUYỄN THANH TÙNG	09/04/2010	7B2	
21	002236				NGUYỄN XUÂN TÙNG	25/03/2010	7B1	
22	002237				PHẠM BẢO LÂM TÙNG	17/12/2010	7B6	
23	002238				PHẠM QUANG TÙNG	25/05/2010	7B3	
24	002239				BÙI THANH TÚ	21/12/2010	7B1	
25	002240				ĐÀO NGỌC TÚ	18/09/2010	7B3	
26	002241				NGÔ ĐỨC MINH TÚ	29/08/2010	7B3	
27	002242				NGUYỄN VĂN THÀNH TÚ	16/09/2010	7B1	
28	002243				LÊ THANH UY	05/05/2010	7B3	
29	002244				LÊ PHẠM PHƯƠNG UYÊN	18/08/2010	7B3	
30	002245				NGUYỄN HOÀNG BẢO UYÊN	25/02/2010	7B6	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	002246				NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	07/03/2010	7B5	
32	002247				NGUYỄN THỊ PHƯƠNG UYÊN	14/12/2010	7B2	
33	002248				TRẦN QUỐC VIỆT	19/10/2010	7B5	
34	002249				NGUYỄN SINH THÀNH VINH	19/06/2010	7B2	
35	002250				NGUYỄN THÀNH VINH	22/08/2010	7B2	
36	002251				NGUYỄN ÁNH VŨ	16/12/2010	7B1	
37	002252				NGUYỄN HOÀNG UY VŨ	22/01/2010	7B4	
38	002253				PHẠM MINH VŨ	20/11/2010	7B4	
39	002254				BÙI HÀ VY	16/01/2010	7B3	
40	002255				BÙI KHÁNH VY	09/08/2010	7B3	
41	002256				LÊ HẢI YẾN	26/09/2010	7B2	
42	002257				NGUYỄN HẢI YẾN	31/10/2010	7B2	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	001001				NGUYỄN THỊ KIM AN	11/08/2010	7A	
2	001002				NGUYỄN THUẬN AN	29/09/2010	7C	
3	001003				NGUYỄN THUẬN AN	11/10/2010	7D	
4	001004				PHÙNG HỮU AN	14/08/2010	7A	
5	001005				ĐẶNG VIỆT ANH	27/11/2010	7A	
6	001006				ĐỖ ĐỨC ANH	17/11/2010	7H	
7	001007				LÊ THỊ PHƯƠNG ANH	08/05/2010	7H	
8	001008				LÊ TUẤN ANH	01/10/2010	7D	
9	001009				NGUYỄN LÂM ANH	15/08/2010	7B	
10	001010				NGUYỄN PHÚ ANH	16/10/2010	7B	
11	001011				PHẠM HUY ANH	20/10/2010	7C	
12	001012				PHẠM NGỌC ANH	16/09/2010	7E	
13	001013				PHẠM THỊ TÚ ANH	07/06/2010	7B	
14	001014				PHẠM TRUNG TUẤN ANH	29/08/2010	7C	
15	001015				TRẦN PHAN ANH	13/06/2010	7D	
16	001016				TRẦN SƠN THÁI ANH	29/04/2010	7H	
17	001017				TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	27/04/2010	7B	
18	001018				TRƯƠNG BẢO ANH	15/12/2010	7A	
19	001019				VŨ HOÀNG GIA ANH	30/08/2010	7A	
20	001020				VŨ HOÀNG NHẬT ANH	30/08/2010	7A	
21	001021				ĐOÀN GIA BẢO	30/09/2010	7B	
22	001022				NGUYỄN TIẾN BẢO	16/01/2010	7E	
23	001023				VŨ GIA BẢO	29/05/2010	7B	
24	001024				NGUYỄN QUANG BÁCH	24/10/2010	7C	
25	001025				VŨ HẢI BÀNG	11/05/2010	7C	
26	001026				VŨ VĂN BẮC	03/02/2010	7D	
27	001027				NGUYỄN AN BÌNH	07/01/2010	7B	
28	001028				TRƯƠNG THANH BÌNH	25/03/2010	7A	
29	001029				ĐỖ BẢO CHÂU	15/10/2010	7B	
30	001030				NGUYỄN BẢO CHÂU	27/11/2010	7D	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	001031				PHẠM MINH CHÂU	17/11/2010	7D	
32	001032				ĐẶNG KHÁNH CHI	05/09/2010	7C	
33	001033				NGUYỄN KHÁNH CHI	22/04/2010	7E	
34	001034				NGUYỄN LINH CHI	30/08/2010	7C	
35	001035				NGUYỄN QUỲNH CHI	15/08/2010	7C	
36	001036				NGUYỄN THỊ NGỌC CHI	13/11/2010	7A	
37	001037				LÊ HÙNG CƯỜNG	24/01/2010	7A	
38	001038				NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	05/10/2010	7B	
39	001039				HOÀNG THÙY DIỄM	20/01/2010	7H	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	001040				TẠ NGỌC DIỆP	19/10/2010	7C	
2	001041				ĐẶNG TIẾN DUY	26/08/2010	7C	
3	001042				NGUYỄN HIẾU DUY	11/12/2009	7H	
4	001043				NGUYỄN NAM DUY	25/10/2010	7C	
5	001044				NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	17/07/2010	7D	
6	001045				VŨ MINH DŨNG	10/12/2009	7E	
7	001046				VŨ TIẾN DŨNG	25/07/2010	7H	
8	001047				LÊ THUỶ DƯƠNG	14/01/2010	7C	
9	001048				PHẠM TÙNG DƯƠNG	12/03/2010	7E	
10	001049				VŨ MẠNH DƯƠNG	29/12/2010	7A	
11	001050				BÙI THÀNH ĐẠT	10/10/2010	7H	
12	001051				LÊ VĂN ĐẠT	08/02/2010	7H	
13	001052				NGỌC MẠNH ĐẠT	01/09/2010	7C	
14	001053				NGUYỄN HOÀNG ĐẠT	30/08/2010	7D	
15	001054				NGUYỄN VŨ ĐẠT	04/07/2010	7A	
16	001055				TỪ QUANG ĐẠT	02/08/2010	7D	
17	001056				VŨ BÁ THÀNH ĐẠT	06/09/2010	7D	
18	001057				NGUYỄN PHÚC MINH ĐĂNG	13/03/2010	7D	
19	001058				LÊ VĂN ĐỨC	17/12/2010	7H	
20	001059				NGUYỄN VI ĐỨC	20/04/2010	7D	
21	001060				NGUYỄN VŨ ĐỨC	23/12/2010	7D	
22	001061				PHẠM ANH ĐỨC	18/03/2010	7H	
23	001062				ĐỒNG THỊ HƯƠNG GIANG	06/09/2010	7H	
24	001063				DƯƠNG HẢI HÀ	17/08/2010	7H	
25	001064				PHẠM NGÂN HÀ	22/02/2010	7E	
26	001065				VŨ NGỌC HÀ	20/03/2010	7C	
27	001066				VŨ THỊ NGÂN HÀ	26/08/2010	7E	
28	001067				PHAN VĂN HẢI	19/08/2010	7C	
29	001068				NGUYỄN BÙI HẬU	26/12/2010	7C	
30	001069				ĐÀO MINH HẰNG	03/02/2010	7C	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	001070				ĐỖ MINH HẰNG	09/08/2010	7E	
32	001071				NGUYỄN THU HẰNG	14/03/2010	7E	
33	001072				NGUYỄN THANH HIỀN	17/11/2010	7B	
34	001073				KHỔNG TRUNG HIẾU	29/06/2010	7B	
35	001074				NGUYỄN KHẮC HIẾU	20/12/2010	7D	
36	001075				PHẠM ĐỨC HIẾU	02/03/2010	7B	
37	001076				PHẠM MINH HIẾU	16/05/2010	7B	
38	001077				TRẦN DUY HIẾU	20/12/2010	7A	
39	001078				ĐỖ THỊ THANH HOA	24/05/2010	7A	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	001079				MAI THỊ HOA	09/03/2010	7B	
2	001080				PHẠM HUYỀN MAI HOA	16/12/2010	7B	
3	001081				TRỊNH THỊ NGỌC HOA	23/08/2010	7E	
4	001082				ĐINH VIỆT HOÀN	16/11/2010	7D	
5	001083				NGUYỄN HUY HOÀNG	12/10/2010	7E	
6	001084				NGUYỄN HUY HOÀNG	07/11/2010	7E	
7	001085				TRẦN XUÂN HÒA	23/12/2010	7E	
8	001086				PHẠM MẠNH HUÂN	05/02/2010	7H	
9	001087				LÊ BẢO HUY	15/01/2010	7E	
10	001088				NGUYỄN GIA HUY	26/12/2009	7E	
11	001089				ĐÀO THỊ KHÁNH HUYỀN	04/03/2010	7C	
12	001090				NGÔ NGỌC HUYỀN	26/06/2010	7B	
13	001091				NGUYỄN MINH HUYỀN	16/10/2010	7B	
14	001092				VŨ KHÁNH HUYỀN	16/09/2010	7A	
15	001093				HOÀNG PHI HÙNG	29/07/2010	7E	
16	001094				NGUYỄN PHI HÙNG	16/01/2010	7H	
17	001095				BÙI ĐOÀN THÀNH HÙNG	02/01/2010	7H	
18	001096				ĐỖ DUY HÙNG	27/06/2010	7C	
19	001097				LƯƠNG KHÁNH HƯNG	07/06/2010	7H	
20	001098				NGUYỄN KHÁNH HƯNG	11/10/2010	7D	
21	001099				NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	29/04/2010	7B	
22	001100				NGUYỄN THU HƯƠNG	29/12/2010	7H	
23	001101				VŨ QUỲNH HƯƠNG	07/12/2010	7D	
24	001102				ĐỖ VĨ KHANG	03/03/2010	7A	
25	001103				BÙI GIA KHÁNH	05/12/2010	7H	
26	001104				ĐỖ CÔNG KHÁNH	02/02/2010	7B	
27	001105				HOÀNG ĐỨC KHÁNH	22/04/2010	7C	
28	001106				TRẦN AN KHÁNH	08/11/2010	7A	
29	001107				TRẦN THỊ NGỌC KHÁNH	11/10/2008	7D	
30	001108				NGUYỄN ĐĂNG KHOA	18/09/2010	7E	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	001109				LÊ TUẤN KIỆT	10/08/2010	7A	
32	001110				BÙI THU KỲ	04/08/2010	7H	
33	001111				NGUYỄN MINH LÂM	09/09/2010	7A	
34	001112				NGUYỄN QUỐC LÂM	06/08/2010	7B	
35	001113				PHÙNG TÙNG LÂM	21/07/2010	7E	
36	001114				TRẦN HẢI LÂM	23/12/2010	7A	
37	001115				ĐINH BÙI DIỆU LINH	23/10/2010	7H	
38	001116				MAI THÙY LINH	18/06/2010	7H	
39	001117				NGUYỄN DIỆU LINH	26/01/2010	7E	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	001118				NGUYỄN DIỆU LINH	07/11/2010	7E	
2	001119				NGUYỄN PHƯƠNG LINH	12/10/2010	7E	
3	001120				NGUYỄN THỊ THÙY LINH	04/06/2010	7B	
4	001121				NGUYỄN THÙY LINH	03/06/2010	7H	
5	001122				PHẠM KHÁNH LINH	15/08/2010	7D	
6	001123				TRỊNH KHÁNH LINH	23/06/2010	7C	
7	001124				VŨ DIỆU LINH	11/12/2010	7E	
8	001125				VŨ ĐỖ TIÊU LINH	30/04/2010	7C	
9	001126				ĐỒNG HỮU LONG	17/02/2010	7E	
10	001127				HOÀNG THÁI LONG	05/11/2010	7H	
11	001128				NGUYỄN THANH LONG	19/09/2009	7H	
12	001129				MAI BẢO LY	29/04/2009	7H	
13	001130				NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	28/08/2010	7E	
14	001131				NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	07/05/2010	7H	
15	001132				VŨ NGỌC MAI	30/09/2010	7E	
16	001133				MAI VĂN MẠNH	09/05/2010	7C	
17	001134				BÙI DUY MINH	28/10/2010	7C	
18	001135				ĐỖ ĐỨC MINH	29/03/2010	7C	
19	001136				NGUYỄN ĐỨC MINH	21/08/2010	7B	
20	001137				TRẦN ĐẶNG BÌNH MINH	25/08/2010	7C	
21	001138				VŨ NGỌC MINH	01/06/2010	7C	
22	001139				NGUYỄN DIỄM MY	27/07/2010	7D	
23	001140				DƯƠNG TIẾN NAM	14/10/2010	7A	
24	001141				NGUYỄN BẢO NAM	13/11/2010	7A	
25	001142				PHẠM HOÀNG NHẬT NAM	22/01/2010	7C	
26	001143				TRẦN ĐÌNH TUẤN NAM	13/12/2010	7H	
27	001144				LÂM TRANG NGÂN	12/12/2010	7D	
28	001145				LÊ HÀ NGÂN	18/01/2010	7A	
29	001146				QUÁCH THỊ KIM NGÂN	08/04/2010	7D	
30	001147				TRẦN THIÊN NGÂN	15/11/2010	7C	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	001148				VŨ KIM NGÂN	07/10/2010	7D	
32	001149				NGUYỄN THẾ NGHĨA	04/04/2010	7E	
33	001150				PHẠM GIA NGHĨA	07/12/2010	7C	
34	001151				HOÀNG KHÁNH NGỌC	11/09/2010	7C	
35	001152				NGÔ BÍCH NGỌC	26/12/2010	7D	
36	001153				NGUYỄN BẢO NGỌC	21/09/2010	7A	
37	001154				NGUYỄN BÙI BÍCH NGỌC	09/10/2010	7C	
38	001155				NGUYỄN KHÁNH NGỌC	03/04/2010	7C	
39	001156				NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	14/10/2010	7H	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	001157				VŨ THỊ HỒNG NGỌC	08/09/2010	7A	
2	001158				ĐINH PHÚC NGUYỄN	06/09/2010	7C	
3	001159				ĐOÀN SĨ NGUYỄN	23/08/2010	7A	
4	001160				TRẦN DUY MINH NHẬT	02/11/2010	7H	
5	001161				ĐỖ THỊ BẢO NHI	07/06/2010	7H	
6	001162				ĐỖ YẾN NHI	23/08/2010	7B	
7	001163				LÊ VÕ TUYẾT NHI	06/03/2010	7D	
8	001164				NGUYỄN NGÂN NHI	19/01/2010	7A	
9	001165				NGUYỄN YẾN NHI	27/10/2010	7D	
10	001166				PHẠM TRANG NHUNG	07/08/2010	7B	
11	001167				TRẦN NAM PHONG	06/11/2010	7E	
12	001168				CAO MINH PHÚ	07/10/2010	7E	
13	001169				NGUYỄN ĐỨC PHÚC	17/03/2010	7E	
14	001170				VŨ NGUYỄN GIA PHÚC	19/02/2010	7E	
15	001171				ĐỖ THỊ MAI PHƯƠNG	25/10/2010	7D	
16	001172				LÊ THỊ MINH PHƯƠNG	27/11/2010	7H	
17	001173				LŨU NGỌC MINH PHƯƠNG	01/08/2010	7A	
18	001174				TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG	04/10/2010	7D	
19	001175				VŨ ĐOÀN MINH PHƯƠNG	10/09/2010	7A	
20	001176				VŨ HÀ PHƯƠNG	04/11/2010	7D	
21	001177				NGUYỄN MINH QUÂN	10/08/2010	7B	
22	001178				TRẦN HỒNG QUÂN	10/04/2010	7D	
23	001179				ĐỖ MỸ QUYÊN	28/01/2010	7C	
24	001180				LÊ THỊ MINH QUYÊN	26/05/2010	7E	
25	001181				NGUYỄN VĂN QUYÊN	27/07/2010	7A	
26	001182				NGUYỄN NGỌC ÁNH QUỲNH	08/07/2010	7E	
27	001183				BÙI THÁI SƠN	26/01/2010	7E	
28	001184				TRẦN THÁI SƠN	10/08/2010	7H	
29	001185				NGUYỄN HOÀI THANH	11/11/2010	7D	
30	001186				DƯƠNG VIỆT THÀNH	08/05/2010	7D	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	001187				LÊ CÔNG THÀNH	09/09/2010	7D	
32	001188				NGUYỄN TRƯỜNG THÀNH	24/11/2010	7C	
33	001189				PHẠM SỸ THÀNH	11/11/2010	7H	
34	001190				ĐOÀN THU THẢO	17/08/2010	7B	
35	001191				ĐỖ SƠN THẢO	02/11/2010	7E	
36	001192				NGUYỄN DANH THẮNG	03/06/2010	7E	
37	001193				VŨ HOÀNG THẮNG	04/10/2010	7H	
38	001194				LÊ DUYÊN THỦY	21/10/2010	7H	
39	001195				NGUYỄN THỊ THANH THỦY	19/08/2010	7B	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	001196				NGUYỄN THỊ THU THỦY	07/01/2010	7H	
2	001197				BÙI NGUYỄN NGỌC THƯ	27/03/2010	7B	
3	001198				NGUYỄN MINH THƯ	07/10/2010	7E	
4	001199				PHẠM ANH THƯ	15/03/2010	7C	
5	001200				NGUYỄN MẠNH THƯỜNG	26/10/2010	7B	
6	001201				HOÀNG BẢO THY	04/11/2010	7B	
7	001202				PHẠM DUY TIỀN	10/07/2010	7B	
8	001203				PHẠM MINH TIẾN	21/03/2010	7B	
9	001204				HOÀNG NGỌC TOÀN	28/02/2010	7H	
10	001205				TẠ ĐÌNH TOÀN	29/01/2010	7D	
11	001206				BÙI HOÀNG HUYỀN TRANG	23/02/2010	7B	
12	001207				NGUYỄN HÀ TRANG	27/09/2010	7E	
13	001208				NGUYỄN HUYỀN TRANG	30/11/2010	7B	
14	001209				NGUYỄN QUỲNH TRANG	20/07/2010	7H	
15	001210				NGUYỄN THỊ TRANG	01/08/2010	7A	
16	001211				PHẠM HÀ TRANG	02/10/2010	7A	
17	001212				CAO THỊ PHƯƠNG TRÀ	10/11/2010	7D	
18	001213				TRỊNH THỊ HOÀI TRÂM	14/05/2010	7A	
19	001214				PHẠM MINH TRÍ	14/04/2010	7E	
20	001215				NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	25/08/2010	7A	
21	001216				NGUYỄN ANH TUẤN	08/08/2010	7D	
22	001217				ĐẶNG ANH TUẤN TÚ	06/12/2010	7B	
23	001218				ĐINH DUY TUẤN TÚ	30/03/2010	7D	
24	001219				NGUYỄN NGỌC TÚ	05/11/2010	7C	
25	001220				PHẠM ANH TÚ	16/10/2010	7A	
26	001221				CAO PHƯƠNG UYÊN	22/11/2010	7A	
27	001222				ĐOÀN THỊ NGỌC UYÊN	20/03/2010	7B	
28	001223				PHẠM THẢO VÂN	26/09/2010	7E	
29	001224				VŨ THẢO VÂN	29/09/2010	7A	
30	001225				ĐOÀN THỊ THẢO VI	23/08/2010	7B	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	001226				LÊ NGUYỄN QUỲNH VI	21/03/2010	7A	
32	001227				VŨ THẢO VI	10/07/2010	7D	
33	001228				NGUYỄN THÁI VINH	12/07/2010	7B	
34	001229				NGUYỄN HOÀNG VŨ	05/11/2010	7A	
35	001230				NGÔ TƯỜNG VY	09/08/2010	7C	
36	001231				BÙI HOÀNG YẾN	15/06/2010	7H	
37	001232				PHẠM TRƯỞNG HẢI YẾN	03/08/2010	7B	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	009001				BÙI MINH AN	23/05/2010	7C4	
2	009002				ĐÀO THỊ PHƯƠNG AN	23/05/2010	7C4	
3	009003				ĐINH THỊ CHÂM ANH	20/07/2010	7C2	
4	009004				LÊ VIỆT ANH	04/06/2010	7C2	
5	009005				NGUYỄN KIM ANH	17/10/2010	7C4	
6	009006				NGUYỄN PHƯƠNG ANH	05/04/2010	7C1	
7	009007				NGUYỄN QUYỀN ANH	30/12/2010	7C3	
8	009008				PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH	07/08/2010	7C4	
9	009009				TRẦN THỊ VÂN ANH	01/08/2010	7C3	
10	009010				TRỊNH LAN ANH	30/07/2010	7C2	
11	009011				VŨ HÀ ANH	23/09/2010	7C3	
12	009012				VŨ TUẤN ANH	19/12/2010	7C4	
13	009013				ĐÀO HỒNG ÁNH	05/11/2010	7C4	
14	009014				ĐỖ PHƯƠNG ÁNH	17/08/2010	7C2	
15	009015				MAI THỊ NGỌC ÁNH	25/10/2010	7C3	
16	009016				NGUYỄN QUỐC ÂN	15/12/2010	7C1	
17	009017				ĐẶNG GIA BẢO	24/09/2010	7C2	
18	009018				PHẠM DUY BÌNH	16/02/2010	7C1	
19	009019				NGUYỄN KHÁNH CHI	07/05/2010	7C1	
20	009020				NGUYỄN MAI CHI	30/08/2010	7C1	
21	009021				TẠ KHÁNH CHI	13/09/2010	7C2	
22	009022				TIÊU VĂN CÔNG	24/12/2010	7C2	
23	009023				PHẠM MINH CƯỜNG	09/07/2010	7C3	
24	009024				PHAN NGỌC DIỆP	20/11/2010	7C2	
25	009025				TRẦN THỊ NGỌC DIỆP	14/05/2010	7C1	
26	009026				BÙI ĐỨC DUY	10/03/2010	7C4	
27	009027				LÊ BÙI KHÁNH DUY	17/09/2010	7C1	
28	009028				NGUYỄN NGỌC DUY	28/10/2010	7C2	
29	009029				ĐỖ QUANG DŨNG	18/02/2010	7C2	
30	009030				VŨ LỆNH DŨNG	26/05/2010	7C4	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	009031				ĐÀO ĐẠI MINH DƯƠNG	03/11/2010	7C4	
32	009032				ĐINH THÙY DƯƠNG	23/12/2010	7C1	
33	009033				ĐỖ HÀ YẾN DƯƠNG	10/12/2010	7C2	
34	009034				LÊ THANH DƯƠNG	04/04/2010	7C1	
35	009035				PHẠM MINH DƯƠNG	11/05/2010	7C2	
36	009036				MAI ANH ĐÀO	24/05/2010	7C1	
37	009037				ĐÀO TIẾN ĐẠT	28/12/2010	7C3	
38	009038				VŨ TIẾN ĐẠT	07/01/2010	7C1	
39	009039				NGÔ LÊ MINH ĐĂNG	21/07/2010	7C3	
40	009040				NGUYỄN MINH ĐỨC	04/04/2010	7C2	
41	009041				CAO THI NGỌC HÀ	03/01/2010	7C2	
42	009042				ĐÀO THỊ THANH HÀ	23/02/2010	7C4	
43	009043				ĐINH THỊ NGÂN HÀ	28/10/2010	7C2	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	009044				VŨ THU HÀ	12/04/2010	7C4	
2	009045				ĐINH NGỌC HẢI	23/11/2010	7C4	
3	009046				NGUYỄN ĐỨC HẢI	17/08/2010	7C2	
4	009047				MAI HẢI HẬU	30/06/2010	7C3	
5	009048				MAI ĐỨC HIỂN	09/11/2010	7C4	
6	009049				PHẠM TÂM HIẾU	15/06/2010	7C4	
7	009050				ĐÀO MINH HIẾU	10/08/2010	7C3	
8	009051				HỒ HUY HIẾU	12/10/2010	7C3	
9	009052				LÊ VIỆT HOÀN	27/09/2010	7C2	
10	009053				ĐOÀN HUY HOÀNG	13/09/2010	7C4	
11	009054				NGUYỄN HỒNG HOÀNG	09/04/2010	7C2	
12	009055				PHẠM MINH HOÀNG	13/03/2010	7C1	
13	009056				BÙI ĐỨC HOÀNG HUY	02/04/2010	7C2	
14	009057				BÙI QUANG HUY	15/08/2010	7C3	
15	009058				CAO VĂN HUY	18/04/2010	7C2	
16	009059				NGUYỄN ĐÌNH HUY	20/05/2010	7C3	
17	009060				NGUYỄN ĐỨC HUY	03/08/2010	7C1	
18	009061				NGUYỄN QUANG HUY	22/03/2010	7C1	
19	009062				PHAN VĂN HUY	02/03/2010	7C3	
20	009063				PHẠM BÁ HUY	15/01/2010	7C2	
21	009064				PHẠM VĂN TIẾN HUY	23/06/2010	7C4	
22	009065				THIỀU GIA HUY	15/07/2010	7C3	
23	009066				NGUYỄN MẠNH HÙNG	18/10/2010	7C2	
24	009067				TRẦN MẠNH HÙNG	03/10/2010	7C2	
25	009068				NGUYỄN DUY HƯNG	12/07/2010	7C1	
26	009069				NGUYỄN DUY HƯNG	06/12/2010	7C3	
27	009070				PHẠM THU HƯỜNG	08/05/2010	7C1	
28	009071				ĐÀO GIA KHÁNH	27/11/2010	7C3	
29	009072				PHAN VIỆT KHÁNH	10/09/2010	7C1	
30	009073				NGUYỄN KHẮC KHOA	18/12/2010	7C3	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	009074				VŨ ĐỨC KHOA	25/01/2010	7C4	
32	009075				DƯƠNG TUẤN KIÊN	23/11/2010	7C3	
33	009076				PHẠM MINH KIẾT	29/10/2010	7C2	
34	009077				ĐẶNG QUANG LÂM	01/09/2010	7C1	
35	009078				ĐỖ HOÀNG LÂM	19/09/2010	7C3	
36	009079				HOÀNG SƠN LÂM	03/12/2010	7C4	
37	009080				NGUYỄN TÙNG LÂM	26/08/2010	7C4	
38	009081				TRẦN ĐẮC SƯƠNG LÂM	03/12/2010	7C4	
39	009082				TRƯƠNG QUỐC LÂM	23/08/2010	7C1	
40	009083				CAO PHƯƠNG LINH	29/07/2010	7C4	
41	009084				ĐỒNG KHÁNH LINH	13/07/2010	7C4	
42	009085				KIỀU KHÁNH LINH	12/08/2010	7C1	
43	009086				LÃ NGỌC LINH	14/07/2010	7C1	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	009087				NGUYỄN HOÀNG LINH	08/06/2010	7C1	
2	009088				NGUYỄN KHÁNH LINH	04/12/2010	7C1	
3	009089				NGUYỄN PHƯƠNG LINH	26/09/2010	7C1	
4	009090				PHẠM KHÁNH LINH	27/02/2010	7C3	
5	009091				PHẠM NGUYỄN HÀ LINH	11/05/2010	7C4	
6	009092				ĐỖ BẢO LONG	23/11/2010	7C3	
7	009093				NGUYỄN THÀNH LONG	24/10/2010	7C2	
8	009094				LƯƠNG DUY TIẾN LỘC	22/07/2010	7C1	
9	009095				ĐÀO NGỌC LUÂN	21/03/2010	7C4	
10	009096				MAI KHÁNH LY	10/01/2010	7C2	
11	009097				NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	28/05/2010	7C3	
12	009098				LÊ ĐỨC MẠNH	12/08/2010	7C4	
13	009099				MAI ĐỨC MẠNH	28/02/2010	7C4	
14	009100				MAI HÙNG MẠNH	01/09/2010	7C3	
15	009101				MAI THỊ HỒNG MINH	11/11/2010	7C1	
16	009102				VŨ NHẬT MINH	30/07/2010	7C1	
17	009103				NGUYỄN THỊ TRÀ MY	13/12/2010	7C2	
18	009104				PHẠM NGỌC MỸ	21/02/2010	7C2	
19	009105				HÀ NGUYỄN HOÀNG NAM	29/09/2010	7C3	
20	009106				NGUYỄN ĐÌNH BẢO NAM	26/12/2010	7C4	
21	009107				PHAN HẢI NAM	22/02/2010	7C2	
22	009108				TRỊNH QUANG NAM	26/11/2010	7C3	
23	009109				HOÀNG THỊ QUỲNH NGA	22/11/2010	7C1	
24	009110				LÊ HOÀNG NGÂN	16/11/2010	7C4	
25	009111				PHẠM HOÀNG NGÂN	19/09/2010	7C1	
26	009112				MAI LÊ BẢO NGỌC	22/04/2010	7C1	
27	009113				NGUYỄN XUÂN NGUYỄN	14/08/2010	7C3	
28	009114				PHẠM THỊ HÒA NHẢ	19/08/2010	7C3	
29	009115				VŨ LONG NHẬT	05/01/2009	7C3	
30	009116				BÙI THỊ LINH NHI	26/04/2010	7C1	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	009117				ĐÀO UYÊN NHI	09/01/2010	7C2	
32	009118				ĐINH NGỌC NHI	07/07/2010	7C3	
33	009119				TRẦN HOÀNG ĐÔNG NHI	24/05/2010	7C2	
34	009120				MAI TÂM NHIÊN	09/11/2010	7C1	
35	009121				BÙI THỊ KIM OANH	29/08/2010	7C1	
36	009122				NGUYỄN ĐỨC PHÁT	11/10/2010	7C2	
37	009123				LÊ HẢI PHONG	02/11/2010	7C1	
38	009124				LÊ HỒNG PHÚC	20/12/2010	7C4	
39	009125				DƯƠNG THỊ HÀ PHƯƠNG	21/09/2010	7C1	
40	009126				NGUYỄN THANH PHƯƠNG	09/09/2010	7C2	
41	009127				NGUYỄN THÁI PHƯƠNG	10/12/2010	7C4	
42	009128				PHẠM NGUYỄN THU PHƯƠNG	21/08/2010	7C1	
43	009129				PHẠM QUỐC PHƯƠNG	31/05/2010	7C2	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	009130				BÙI NHƯ QUỲNH	28/08/2010	7C3	
2	009131				NGUYỄN THỊ HÀ THANH	18/11/2010	7C2	
3	009132				LÊ PHÚ THÀNH	13/03/2010	7C1	
4	009133				NGUYỄN HÀ THÀNH	05/03/2010	7C4	
5	009134				VŨ TIẾN THÀNH	07/03/2010	7C4	
6	009135				NGUYỄN KIM THẢO	08/08/2010	7C3	
7	009136				NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	16/04/2010	7C4	
8	009137				PHẠM MAI THẢO	30/10/2010	7C3	
9	009138				PHẠM THANH THẢO	16/08/2010	7C1	
10	009139				LÊ VIỆT THẮNG	21/07/2010	7C4	
11	009140				ĐINH QUANG THUẬN	20/08/2010	7C3	
12	009141				ĐÀO ĐỨC THỦY	30/09/2010	7C1	
13	009142				ĐỖ HÀ THỦY	28/11/2010	7C3	
14	009143				PHAN THU THỦY	02/03/2010	7C2	
15	009144				NGUYỄN THỊ ANH THƯ	18/11/2010	7C3	
16	009145				PHẠM ANH THƯ	09/08/2010	7C1	
17	009146				PHẠM MINH THƯ	28/03/2010	7C4	
18	009147				VŨ MINH TIẾN	30/11/2010	7C3	
19	009148				LÊ QUANG TOÀN	19/03/2010	7C1	
20	009149				ĐỒNG HUYỀN TRANG	08/07/2010	7C1	
21	009150				LÊ NGỌC THÙY TRANG	05/10/2010	7C1	
22	009151				PHẠM THỊ TRÂM	02/05/2010	7C2	
23	009152				LÊ BẢO TRẦN	11/08/2010	7C2	
24	009153				LÊ MINH TRÍ	21/11/2010	7C1	
25	009154				MAI THANH TRÚC	29/09/2010	7C3	
26	009155				NGUYỄN THANH TRÚC	28/12/2010	7C4	
27	009156				NGUYỄN LÝ ĐÌNH TÙNG	20/04/2010	7C3	
28	009157				BÙI TUẤN TÚ	09/06/2010	7C3	
29	009158				ĐINH KHÁNH VÂN	30/08/2010	7C4	
30	009159				PHAN THỊ PHI VÂN	20/09/2010	7C2	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	009160				PHẠM THANH VÂN	15/06/2010	7C3	
32	009161				BÙI XUÂN VIỆT	15/08/2010	7C2	
33	009162				ĐỖ THIÊN VŨ	28/11/2010	7C3	
34	009163				PHAN TRƯỜNG VŨ	18/10/2010	7C2	
35	009164				ĐỖ PHƯƠNG VY	14/08/2010	7C4	
36	009165				NGUYỄN HÀ VY	06/08/2010	7C3	
37	009166				PHAN MAI HÀ VY	09/11/2010	7C1	
38	009167				PHẠM NGUYỄN HÀ VY	28/12/2010	7C4	
39	009168				PHẠM THỊ KHÁNH VY	27/07/2010	7C4	
40	009169				VŨ THỊ THẢO VY	01/05/2010	7C3	
41	009170				HE QI YUN	09/12/2010	7C4	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	011001				NGUYỄN HÒA AN	23/11/2010	7B	
2	011002				LÊ THỊ VÂN ANH	15/10/2010	7B	
3	011003				NGUYỄN KIỀU ANH	04/09/2010	7C	
4	011004				NGUYỄN NGỌC ANH	18/11/2010	7C	
5	011005				NGUYỄN THỊ DIỆU ANH	11/11/2010	7B	
6	011006				PHẠM ĐỨC ANH	08/09/2010	7A	
7	011007				PHẠM QUỲNH ANH	09/06/2010	7B	
8	011008				PHẠM THỊ QUỲNH ANH	13/12/2010	7C	
9	011009				PHẠM THỊ TRÂM ANH	17/05/2010	7C	
10	011010				TRẦN THỊ VÂN ANH	04/09/2010	7D	
11	011011				VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	17/10/2010	7D	
12	011012				DƯƠNG THỊ NGỌC ÁNH	16/05/2010	7A	
13	011013				PHẠM NGỌC ÁNH	29/10/2010	7B	
14	011014				PHÙNG MINH ÁNH	20/11/2010	7C	
15	011015				VŨ NGỌC ÁNH	11/06/2010	7D	
16	011016				LÊ GIA BẢO	22/07/2010	7B	
17	011017				TRẦN GIA BẢO	12/07/2010	7B	
18	011018				VŨ GIA BẢO	16/12/2010	7C	
19	011019				NGUYỄN HOÀNG BÁCH	12/07/2010	7A	
20	011020				PHAN TÙNG BÁCH	05/01/2010	7A	
21	011021				PHẠM BẢNG BẢNG	02/07/2010	7B	
22	011022				NGUYỄN VIỆT BẮC	05/02/2010	7C	
23	011023				NGUYỄN THANH BÌNH	12/05/2010	7A	
24	011024				PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG CHÂM	19/03/2010	7D	
25	011025				ĐẶNG LINH CHI	11/11/2010	7C	
26	011026				ĐOÀN THỊ KIM CHI	11/04/2010	7B	
27	011027				NGUYỄN PHƯƠNG CHI	30/01/2010	7B	
28	011028				BÙI QUÝ CUỒNG	24/08/2010	7B	
29	011029				BÙI VĂN CUỒNG	12/03/2010	7D	
30	011030				BÙI THỊ NGỌC DIỆP	06/03/2010	7D	

S TT	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	011031				NGUYỄN DUY DƯƠNG	21/09/2010	7D	
32	011032				NGUYỄN KHẮC ĐẠT	13/12/2010	7C	
33	011033				NGUYỄN TIẾN ĐẠT	26/02/2010	7D	
34	011034				PHẠM TIẾN ĐẠT	21/06/2010	7C	
35	011035				ĐOÀN MINH ĐỨC	11/08/2010	7D	

BẢNG GHI TÊN DỰ THI
TRƯỜNG: THCS HỒNG THÁI

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	011036				CAO NGỌC HÀ	26/11/2010	7A	
2	011037				PHẠM NGUYỄN THU HÀ	06/09/2010	7A	
3	011038				LÃ ĐỨC HẢI	19/04/2010	7C	
4	011039				NGUYỄN VĂN HẢI	14/02/2010	7D	
5	011040				HOÀNG BẢO HÂN	17/10/2010	7B	
6	011041				BÙI THỊ MINH HẰNG	28/01/2010	7B	
7	011042				NGUYỄN BÀ ĐỨC HIẾU	20/09/2010	7B	
8	011043				TRẦN THỊ THANH HOA	17/02/2010	7C	
9	011044				VŨ VIỆT HOÀNG	19/07/2010	7A	
10	011045				PHẠM QUỐC HUY	07/02/2009	7C	
11	011046				LÊ HUY HÙNG	28/09/2010	7A	
12	011047				CHU QUANG HÙNG	23/09/2010	7C	
13	011048				ĐOÀN VIỆT HÙNG	09/08/2009	7B	
14	011049				BÙI DUY KHÁNH	10/09/2009	7D	
15	011050				LÊ ĐỨC KHÁNH	06/07/2010	7B	
16	011051				NGUYỄN XUÂN KHÁNH	29/11/2010	7D	
17	011052				BÙI GIA KHIÊM	19/03/2010	7D	
18	011053				VÕ ĐÌNH BẢO KHOA	02/09/2010	7D	
19	011054				ĐẶNG BÁ KIÊN	10/05/2010	7A	
20	011055				TRẦN TUẤN KIẾT	28/12/2010	7B	
21	011056				LÊ PHẠM NHÃ KỲ	03/09/2010	7D	
22	011057				ĐẶNG TÙNG LÂM	31/12/2010	7B	
23	011058				NGUYỄN CÔNG LÂM	28/04/2010	7D	
24	011059				PHẠM THỊ THÙY LÂM	01/10/2010	7D	
25	011060				ĐẶNG NGỌC GIA LINH	07/03/2010	7A	
26	011061				NGUYỄN PHƯƠNG LINH	22/08/2010	7C	
27	011062				NGUYỄN THỊ THÙY LINH	02/09/2010	7D	
28	011063				NGUYỄN THỊ THÙY LINH	29/12/2010	7D	
29	011064				NGUYỄN THỊ TRÚC LINH	23/04/2010	7A	
30	011065				TRẦN DIỆU LINH	26/11/2010	7B	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	011066				VŨ NHẬT LINH	28/06/2010	7B	
32	011067				BÙI ĐỨC LONG	14/07/2010	7A	
33	011068				NGUYỄN THẢO LƯƠNG	21/12/2010	7D	
34	011069				LÊ KHÁNH LY	18/10/2010	7C	
35	011070				ĐẶNG NGỌC PHƯƠNG MAI	09/07/2010	7A	

BẢNG GHI TÊN DỰ THI
TRƯỜNG: THCS HỒNG THÁI

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TÓÁN	VĂN				
1	011071				ĐINH TUỆ MINH	22/08/2010	7D	
2	011072				NGUYỄN BẢO MINH	30/11/2010	7C	
3	011073				PHẠM NGUYỄN TUẤN MINH	12/08/2010	7D	
4	011074				ĐOÀN THỊ TRÀ MY	31/08/2010	7D	
5	011075				NGUYỄN TRÀ MY	15/04/2010	7A	
6	011076				PHẠM THẢO MY	13/10/2010	7A	
7	011077				NGUYỄN TIẾN NAM	24/09/2010	7C	
8	011078				TRẦN THÚY NGÀ	13/06/2010	7D	
9	011079				PHẠM TRUNG NGHĨA	01/10/2010	7B	
10	011080				BÙI BẢO NGUYÊN	16/11/2010	7B	
11	011081				BÙI TRUNG NGUYÊN	09/09/2010	7C	
12	011082				ĐỖ THỊ THẢO NGUYÊN	06/02/2010	7A	
13	011083				TRẦN ĐÌNH NGUYÊN	26/09/2010	7A	
14	011084				HOÀNG THỊ THANH NHẢ	12/03/2010	7B	
15	011085				NGUYỄN THỊ YẾN NHI	09/01/2010	7B	
16	011086				NGUYỄN CẨM NHUNG	18/12/2010	7A	
17	011087				NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	14/09/2010	7B	
18	011088				ĐOÀN NGỌC BẢO PHÁT	02/12/2010	7C	
19	011089				NGUYỄN DƯƠNG HỒNG PHÚ	19/06/2010	7B	
20	011090				NGUYỄN ĐỨC PHÚ	30/03/2010	7A	
21	011091				BÙI ĐỨC PHÚC	03/06/2010	7C	
22	011092				LÊ ĐẠI PHÚC	03/10/2010	7C	
23	011093				TRẦN TUẤN THIỆN PHÚC	29/09/2010	7C	
24	011094				NGUYỄN THU PHƯƠNG	22/02/2010	7A	
25	011095				VŨ HOÀNG HÀ PHƯƠNG	12/09/2010	7A	
26	011096				NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	21/04/2010	7D	
27	011097				NGUYỄN VĂN QUANG	07/10/2010	7D	
28	011098				ĐẶNG VĂN QUÂN	02/11/2010	7C	
29	011099				ĐOÀN MẠNH QUÂN	06/04/2010	7C	
30	011100				ĐOÀN PHÚ QUÂN	02/10/2010	7A	

S TT	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	011101				ĐỖ THỊ NHƯ QUỲNH	14/01/2010	7B	
32	011102				PHẠM ĐÌNH SƠN	06/02/2010	7A	
33	011103				PHẠM NGỌC SƠN	02/01/2010	7A	
34	011104				ĐOÀN PHÚ THÀNH	03/11/2010	7C	
35	011105				NGUYỄN NGỌC THÀNH	05/10/2010	7A	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	011106				NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	08/03/2010	7A	
2	011107				PHẠM PHƯƠNG THẢO	18/12/2010	7B	
3	011108				LƯU THỊ PHƯƠNG THOA	19/04/2010	7D	
4	011109				NGUYỄN QUỐC THỊNH	18/10/2009	7D	
5	011110				NGUYỄN VĂN THỊNH	05/07/2010	7A	
6	011111				TRẦN ĐỨC THỊNH	29/10/2010	7C	
7	011112				VŨ NHẬT THỊNH	08/01/2010	7B	
8	011113				ĐOÀN THỊ MINH THU	05/09/2010	7C	
9	011114				ĐẶNG VĂN MINH THUẬN	27/05/2010	7B	
10	011115				ĐOÀN NGỌC THỦY	19/02/2010	7C	
11	011116				ĐOÀN THỊ MINH THƯ	15/11/2010	7D	
12	011117				LƯU THỊ THƯ	19/04/2010	7B	
13	011118				PHẠM ANH THƯ	06/01/2010	7D	
14	011119				NGUYỄN THÀNH TIẾN	07/10/2010	7B	
15	011120				NGUYỄN VIỆT TOÁN	17/10/2010	7C	
16	011121				NGUYỄN THỊ TRANG	22/07/2010	7C	
17	011122				NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	30/03/2010	7D	
18	011123				PHẠM MAI TRANG	31/08/2010	7D	
19	011124				TRẦN MAI TRANG	11/06/2010	7B	
20	011125				TRẦN THANH TRANG	29/04/2010	7C	
21	011126				NGUYỄN TRẦN HỮU TRUNG	05/10/2010	7A	
22	011127				NGUYỄN ĐAN TRƯỜNG	28/11/2010	7B	
23	011128				NGUYỄN ĐẶNG ANH TUẤN	22/02/2010	7D	
24	011129				ĐẶNG THẢO UYÊN	28/05/2010	7C	
25	011130				LÊ THỊ BẢO VI	30/10/2010	7B	
26	011131				TRƯƠNG TƯỜNG VI	26/03/2010	7C	
27	011132				BÙI VĂN VIỆT	26/07/2010	7D	
28	011133				NGUYỄN ANH VIỆT	02/11/2010	7A	
29	011134				NGUYỄN QUỐC VIỆT	19/12/2010	7A	
30	011135				TRẦN ĐỨC VINH	31/05/2010	7A	

S TT	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	011136				BÙI THỊ KHÁNH VY	15/07/2010	7C	
32	011137				ĐOÀN THỊ PHƯƠNG VY	07/09/2010	7B	
33	011138				TRẦN NGUYỄN THẢO VY	05/08/2010	7A	
34	011139				LÊ THỊ HẢI YẾN	28/05/2010	7A	
35	011140				NGUYỄN THỊ YẾN	01/05/2010	7D	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	008001				NGUYỄN BẢO AN	05/12/2010	7C	
2	008002				PHẠM ĐẶNG HẢI AN	02/09/2010	7C	
3	008003				BÙI THỊ PHƯƠNG ANH	22/12/2010	7A	
4	008004				ĐOÀN NGUYỄN LAN ANH	14/06/2010	7C	
5	008005				ĐỖ HOÀNG MAI ANH	13/10/2010	7C	
6	008006				ĐỖ LÊ ANH	01/08/2010	7C	
7	008007				ĐỖ PHƯƠNG ANH	21/05/2010	7A	
8	008008				LÊ ĐỨC ANH	06/07/2010	7C	
9	008009				NGUYỄN HÀ ANH	02/01/2010	7C	
10	008010				NGUYỄN LAN ANH	15/01/2010	7C	
11	008011				NGUYỄN MINH ANH	28/03/2010	7C	
12	008012				NGUYỄN PHƯƠNG ANH	06/02/2010	7B	
13	008013				NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	28/07/2010	7B	
14	008014				NGUYỄN VĂN BẢO ANH	30/05/2010	7A	
15	008015				PHẠM DUY ANH	20/04/2010	7C	
16	008016				PHẠM MINH ANH	11/11/2010	7A	
17	008017				PHẠM THỊ BẢO ANH	02/01/2010	7A	
18	008018				TRƯƠNG QUỲNH ANH	30/12/2010	7C	
19	008019				TRƯƠNG VĂN ĐỨC ANH	05/03/2010	7B	
20	008020				VŨ GIA BẢO	01/12/2010	7A	
21	008021				NGUYỄN TRỌNG BẮC	03/12/2010	7C	
22	008022				TRẦN PHƯƠNG BÌNH	29/09/2010	7C	
23	008023				ĐỖ THỊ NGỌC CHÂM	04/09/2010	7C	
24	008024				PHÙNG THỊ BẢO CHÂU	28/07/2010	7D	
25	008025				NGUYỄN NGỌC KHÁNH CHI	31/10/2010	7C	
26	008026				NGUYỄN THỊ THÙY CHI	10/01/2010	7C	
27	008027				PHẠM KHÁNH CHI	01/07/2010	7C	
28	008028				PHẠM THỊ HÀ CHI	09/04/2010	7A	
29	008029				PHẠM THỊ YẾN CHI	05/01/2010	7C	
30	008030				NGUYỄN ĐÌNH CHÍNH	05/01/2010	7A	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	008031				NGUYỄN MAI DUNG	10/04/2010	7D	
32	008032				NGUYỄN NGỌC DUY	15/12/2010	7A	
33	008033				PHẠM KHÁNH DUY	22/08/2010	7D	
34	008034				ĐỖ TRUNG DŨNG	19/06/2010	7A	
35	008035				NGUYỄN HỮU DŨNG	26/02/2010	7A	
36	008036				TRƯƠNG VĂN DŨNG	24/06/2010	7C	
37	008037				VŨ ĐẠI DŨNG	24/08/2010	7D	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	008038				NGUYỄN THÙY DƯƠNG	16/05/2010	7D	
2	008039				VŨ ĐẠI DƯƠNG	24/08/2010	7D	
3	008040				ĐỖ VĂN ĐẠI	10/05/2010	7A	
4	008041				ĐỖ QUỐC ĐẠT	03/05/2010	7D	
5	008042				ĐỖ VĂN ĐẠT	27/01/2010	7B	
6	008043				LÊ THẾ ĐẠT	12/07/2010	7A	
7	008044				NGUYỄN XUÂN ĐẠT	17/01/2010	7A	
8	008045				NGUYỄN NGỌC HẢI ĐĂNG	19/03/2010	7C	
9	008046				PHẠM CÔNG ĐỊNH	22/12/2010	7A	
10	008047				PHAN ĐOÀN TIẾN ĐỨC	24/12/2010	7A	
11	008048				LƯU HƯƠNG GIANG	23/01/2010	7C	
12	008049				PHẠM THỊ THU GIANG	16/11/2010	7B	
13	008050				LÊ THU HÀ	06/02/2010	7D	
14	008051				NGUYỄN HẢI HÀ	10/10/2010	7B	
15	008052				NGUYỄN THU HÀ	22/07/2010	7A	
16	008053				NGUYỄN THỊ THU HẰNG	30/07/2010	7B	
17	008054				ĐỖ ĐÌNH HIẾU	16/12/2010	7D	
18	008055				NGUYỄN ĐỨC TRUNG HIẾU	11/06/2010	7A	
19	008056				NGUYỄN QUỐC HIẾU	20/06/2010	7C	
20	008057				HOÀNG MẠNH HUY	18/09/2010	7D	
21	008058				NGUYỄN ĐẮC HUY	20/02/2010	7B	
22	008059				TRƯƠNG VĂN HUY	26/07/2010	7C	
23	008060				VŨ MINH HUY	07/12/2010	7C	
24	008061				LÊ ĐÌNH HÙNG	21/02/2010	7D	
25	008062				ĐỖ BẢO KHÁNH	11/12/2010	7D	
26	008063				PHẠM DUY KHÁNH	04/06/2010	7A	
27	008064				PHẠM VĂN KHÁNH	08/06/2010	7B	
28	008065				NGUYỄN ĐÌNH KHIÊM	21/03/2010	7B	
29	008066				PHẠM ĐĂNG KHOA	16/12/2010	7A	
30	008067				BÙI THÁI KHUÊ	22/10/2010	7D	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	008068				ĐỖ ĐẮC KHƯƠNG	26/02/2010	7B	
32	008069				TRẦN ANH KIỆT	21/12/2010	7C	
33	008070				ĐỖ VĂN HOÀNG LÂM	15/10/2010	7A	
34	008071				NGUYỄN THẾ UY LÂM	16/11/2010	7D	
35	008072				NGUYỄN XUÂN LÂM	19/05/2010	7C	
36	008073				TRẦN ĐẶNG MAI LÂM	14/09/2010	7D	
37	008074				ĐỖ PHƯƠNG LINH	04/08/2010	7B	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	008075				NGUYỄN HÀ LINH	06/11/2010	7A	
2	008076				NGUYỄN NGUYỄN LINH	30/11/2010	7B	
3	008077				NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	02/06/2010	7B	
4	008078				TRƯƠNG DIỆU LINH	12/10/2010	7A	
5	008079				VŨ KHÁNH LINH	31/07/2010	7B	
6	008080				PHẠM THANH LOAN	23/07/2010	7D	
7	008081				NGUYỄN KHÁNH LY	01/09/2010	7C	
8	008082				NGUYỄN THÚY MAI	18/02/2010	7D	
9	008083				NGUYỄN PHÚ MẠNH	06/03/2010	7A	
10	008084				NGUYỄN SINH TIẾN MẠNH	18/04/2010	7A	
11	008085				PHẠM TIẾN MINH	23/11/2010	7C	
12	008086				TRỊNH VĂN MINH	11/02/2010	7B	
13	008087				ĐỖ TRUNG NAM	06/08/2010	7D	
14	008088				KIỀU XUÂN NAM	17/03/2010	7D	
15	008089				NGUYỄN PHÚ NAM	25/04/2010	7A	
16	008090				NGUYỄN PHÚ NAM	26/11/2010	7D	
17	008091				PHẠM HOÀNG NAM	09/04/2010	7C	
18	008092				PHẠM THỊ NGÀ	17/09/2010	7D	
19	008093				PHẠM THỊ NGÂN	28/07/2010	7B	
20	008094				LÊ BÍCH NGỌC	19/05/2010	7A	
21	008095				NGUYỄN MINH NGỌC	06/10/2010	7B	
22	008096				NGUYỄN THỊ MINH NGỌC	03/08/2010	7D	
23	008097				TRẦN THỊ NGỌC	25/11/2010	7D	
24	008098				VŨ ÁNH NGỌC	24/01/2010	7D	
25	008099				ĐỖ ĐĂNG YẾN NHI	02/09/2010	7B	
26	008100				LÊ THỊ YẾN NHI	09/04/2010	7B	
27	008101				TẠ THỊ YẾN NHI	26/09/2010	7B	
28	008102				NGUYỄN THỊ NHUNG	01/12/2010	7D	
29	008103				PHẠM HUY PHONG	10/05/2010	7D	
30	008104				NGUYỄN MAI PHƯƠNG	18/12/2010	7B	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	008105				ĐỖ MINH QUÂN	31/07/2010	7C	
32	008106				HOÀNG VIỆT QUÂN	21/11/2010	7D	
33	008107				PHẠM NHƯ QUYỀN	17/10/2010	7A	
34	008108				NGUYỄN NGỌC SÁNG	22/07/2010	7B	
35	008109				PHẠM THÁI SƠN	06/06/2010	7C	
36	008110				TRẦN NGUYỄN BẢO SƠN	28/05/2010	7B	
37	008111				NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	04/08/2009	7D	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	008112				PHẠM PHƯƠNG THẢO	26/06/2010	7B	
2	008113				VŨ THỊ PHƯƠNG THẢO	12/09/2010	7C	
3	008114				VŨ NGỌC THIÊN	27/08/2010	7A	
4	008115				ĐỖ HƯNG THỊNH	28/03/2010	7B	
5	008116				PHẠM MAI THÙY	23/03/2010	7B	
6	008117				ĐẶNG THỊ THANH THỦY	28/12/2010	7A	
7	008118				NGUYỄN HOÀNG HÀ THƯƠNG	04/08/2010	7D	
8	008119				NGUYỄN XUÂN THỨC	18/10/2010	7B	
9	008120				NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	03/10/2010	7B	
10	008121				NGUYỄN DUY TOÀN	09/06/2010	7A	
11	008122				NGUYỄN MINH TOÀN	13/04/2010	7A	
12	008123				BÙI THỊ KIỀU TRANG	01/12/2010	7A	
13	008124				LÊ HUYỀN TRANG	15/04/2010	7B	
14	008125				LŨU MAI TRANG	08/07/2010	7B	
15	008126				NGUYỄN THÙY TRANG	16/10/2010	7A	
16	008127				NGUYỄN NGỌC TRÀ	02/12/2010	7D	
17	008128				QUẢN HỮU TRỌNG	31/01/2010	7A	
18	008129				NGUYỄN QUỐC TRƯỜNG	11/06/2010	7C	
19	008130				ĐỖ ANH TUẤN	12/01/2010	7D	
20	008131				NGUYỄN QUỐC ANH TUẤN	11/11/2010	7C	
21	008132				PHẠM THANH TUẤN	25/08/2010	7A	
22	008133				PHẠM VĂN TUẤN	19/06/2010	7D	
23	008134				PHẠM PHƯƠNG GIA TUỆ	26/09/2010	7A	
24	008135				ĐỖ THỊ HỒNG TUYẾT	23/03/2010	7D	
25	008136				PHẠM HOÀNG TÙNG	20/01/2010	7C	
26	008137				PHẠM ANH TÚ	10/09/2010	7B	
27	008138				PHẠM ĐỨC TÚ	12/01/2010	7B	
28	008139				NGUYỄN THỊ MỸ UYÊN	04/07/2010	7B	
29	008140				NGUYỄN TỔ UYÊN	11/04/2010	7B	
30	008141				TRẦN THU UYÊN	20/06/2010	7A	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	008142				ĐỖ THỊ HÀ VI	05/01/2010	7C	
32	008143				LÊ HOÀNG VIỆT	04/01/2010	7A	
33	008144				NGUYỄN PHÚ QUỐC VIỆT	08/03/2010	7B	
34	008145				PHẠM NĂNG VINH	03/07/2010	7D	
35	008146				PHẠM LÂM VŨ	13/08/2010	7C	
36	008147				PHẠM HẢI YẾN	17/05/2010	7A	

BẢNG GHI TÊN DỰ THI
TRƯỜNG: THCS QUỐC TUẤN

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	015001				NGUYỄN QUỐC BẢO AN	15/09/2010	7A	
2	015002				VŨ THÚY AN	06/10/2010	7B	
3	015003				LÊ THẾ ANH	19/09/2010	7A	
4	015004				LỤC THỊ QUỲNH ANH	07/09/2010	7A	
5	015005				NGUYỄN ĐOÀN PHƯƠNG ANH	18/10/2010	7C	
6	015006				NGUYỄN HÀ ANH	26/10/2010	7A	
7	015007				NGUYỄN PHƯƠNG ANH	27/04/2010	7B	
8	015008				NGUYỄN THỊ LAN ANH	31/03/2010	7C	
9	015009				NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	12/01/2010	7C	
10	015010				NGUYỄN TUẤN ANH	22/10/2010	7C	
11	015011				NGUYỄN TUỆ ANH	09/05/2010	7B	
12	015012				NGUYỄN VIỆT ANH	10/09/2010	7B	
13	015013				TRẦN THỊ TRANG ANH	23/07/2010	7C	
14	015014				NGÔ THỊ ÁNH	06/09/2010	7C	
15	015015				NGUYỄN VĂN BÌNH	05/04/2010	7C	
16	015016				NGUYỄN VĂN CẢNH	15/12/2010	7A	
17	015017				NGUYỄN MINH CHÂU	03/06/2010	7C	
18	015018				NGUYỄN QUỲNH CHI	06/10/2010	7C	
19	015019				NGÔ VĂN CÔNG	28/12/2010	7C	
20	015020				VŨ NAM CƯỜNG	13/03/2010	7A	
21	015021				NGUYỄN THANH DUNG	09/02/2010	7A	
22	015022				NGUYỄN MẠNH DUY	19/02/2010	7A	
23	015023				NGUYỄN MẠNH ĐẠT	01/01/2010	7B	
24	015024				NGUYỄN VĂN ĐẠT	19/08/2010	7C	
25	015025				VŨ VĂN ĐẠT	25/04/2010	7B	
26	015026				NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	17/10/2009	7C	
27	015027				NGUYỄN MINH ĐỨC	22/11/2010	7C	
28	015028				NGUYỄN VĂN GIANG	13/01/2010	7B	
29	015029				NGUYỄN THỊ MỸ HẢO	13/03/2010	7B	
30	015030				PHẠM THỊ MINH HẰNG	15/07/2010	7C	

S TT	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	015031				VŨ ĐỨC HIẾU	01/05/2010	7A	
32	015032				NGUYỄN AN THÁI HÒA	22/04/2010	7B	
33	015033				NGUYỄN NGỌC HUY	12/09/2010	7C	
34	015034				TRẦN QUỐC HUY	29/10/2010	7C	
35	015035				HOÀNG THỊ HUYỀN	23/08/2010	7A	

BẢNG GHI TÊN DỰ THI
TRƯỜNG: THCS QUỐC TUẤN

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	015036				HOÀNG ANH HÙNG	30/05/2010	7A	
2	015037				NGUYỄN MINH HÙNG	08/07/2010	7A	
3	015038				TRẦN MẠNH HÙNG	11/09/2010	7C	
4	015039				NGUYỄN NGỌC HƯNG	04/07/2010	7A	
5	015040				ĐẶNG TUẤN KHANG	23/10/2009	7C	
6	015041				TRẦN VŨ NAM KHÁNH	15/12/2010	7A	
7	015042				CHU MẠNH KIẾN	21/12/2010	7A	
8	015043				NGUYỄN ANH TUẤN KIỆT	01/02/2010	7B	
9	015044				ĐẶNG THÙY LINH	11/10/2010	7B	
10	015045				LƯƠNG DIỆU LINH	22/11/2010	7C	
11	015046				NGUYỄN NGỌC LINH	15/12/2010	7A	
12	015047				QUẦN BÙI PHƯƠNG LINH	17/09/2010	7B	
13	015048				QUẦN DIỆU LINH	23/11/2010	7B	
14	015049				VŨ THỊ KHÁNH LINH	20/12/2010	7B	
15	015050				NGUYỄN CÔNG THÀNH LONG	16/06/2010	7C	
16	015051				LÊ THỊ HIỀN LƯƠNG	05/08/2010	7A	
17	015052				NGUYỄN NGỌC KHÁNH LY	16/11/2010	7C	
18	015053				NGUYỄN NGỌC MAI	29/07/2010	7B	
19	015054				NGUYỄN TUYẾT MAI	30/05/2010	7A	
20	015055				NGUYỄN ĐỨC MẠNH	07/05/2010	7B	
21	015056				VŨ VĂN MẠNH	04/08/2010	7A	
22	015057				ĐÀO QUANG MINH	17/05/2010	7B	
23	015058				NGUYỄN NHẬT MINH	07/01/2010	7B	
24	015059				NGUYỄN QUANG MINH	24/06/2010	7B	
25	015060				NGUYỄN VĂN MINH	03/01/2010	7C	
26	015061				TRẦN THU MINH	21/12/2010	7A	
27	015062				DƯƠNG THỊ HÀ MY	25/09/2010	7A	
28	015063				TRẦN THỊ DIỆU MY	12/07/2010	7A	
29	015064				LÊ VĂN NAM	28/12/2010	7A	
30	015065				VŨ HẢI NAM	04/11/2010	7C	

S T	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	015066				TRẦN THỊ THANH NGÀ	08/04/2010	7C	
32	015067				TẠ MINH NGỌC	08/11/2010	7B	
33	015068				VŨ HƯƠNG QUẾ NGỌC	18/10/2010	7B	
34	015069				VŨ THIỆN NHÂN	21/09/2010	7B	
35	015070				NGUYỄN THỊ YẾN NHI	09/11/2010	7C	

S T	SỐ BẢO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
1	015071				PHẠM THỊ TUYẾT NHI	17/07/2010	7A	
2	015072				HOÀNG TÂM NHƯ	09/10/2010	7A	
3	015073				NGUYỄN NGỌC ĐẠI PHONG	15/03/2010	7B	
4	015074				TRẦN QUỐC PHÚ	20/12/2010	7B	
5	015075				ĐINH THỊ MAI PHƯƠNG	21/11/2010	7C	
6	015076				NGUYỄN MINH QUANG	18/08/2010	7B	
7	015077				NGUYỄN TIẾN QUANG	01/10/2010	7A	
8	015078				BÙI MINH QUÂN	27/08/2010	7A	
9	015079				LÊ MINH QUÂN	18/12/2010	7A	
10	015080				NGUYỄN PHÙNG MINH QUÂN	19/08/2010	7A	
11	015081				NGUYỄN PHƯƠNG QUỲNH	04/12/2010	7B	
12	015082				NGUYỄN PHÚC SANG	18/05/2010	7A	
13	015083				LÊ MINH SƠN	29/09/2010	7B	
14	015084				TRẦN PHƯƠNG THẢO	24/09/2010	7C	
15	015085				ĐINH THỊ THẨM	30/04/2010	7C	
16	015086				NGUYỄN HÙNG THẮNG	26/08/2010	7B	
17	015087				NGUYỄN QUYẾT THẮNG	19/03/2010	7B	
18	015088				NGUYỄN BẢO THIÊN	14/11/2010	7A	
19	015089				NGUYỄN HÙNG THỊNH	28/02/2010	7C	
20	015090				NGUYỄN THỊ THƠM	05/11/2010	7C	
21	015091				ĐỖ THỊ ANH THƯ	05/09/2010	7B	
22	015092				NGUYỄN THẢO TRANG	04/11/2010	7B	
23	015093				NGUYỄN THỊ THU TRANG	04/05/2010	7A	
24	015094				NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	21/03/2010	7B	
25	015095				LÊ BẢO TRUNG	18/12/2010	7A	
26	015096				VŨ TUẤN TRƯỜNG	29/08/2010	7A	
27	015097				LƯU QUANG TUẤN	14/03/2010	7C	
28	015098				TRẦN ANH TUẤN	18/01/2010	7C	
29	015099				NGUYỄN THẢO VÂN	02/06/2010	7B	
30	015100				ĐẶNG QUANG VINH	17/09/2010	7C	

S TT	SỐ BÁO DANH	CHỮ KÝ			HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	MÃ ĐỀ THI TIẾNG ANH
		ANH	TOÁN	VĂN				
31	015101				ĐINH CÔNG VINH	19/04/2010	7B	
32	015102				QUẦN ANH VŨ	19/07/2010	7B	
33	015103				NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	15/08/2010	7B	
34	015104				TRƯƠNG THỊ YẾN VY	24/10/2010	7B	